

CỔ ĐÔ

HỒA LŨ

LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG



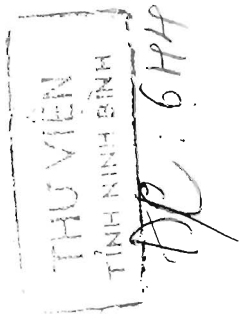
NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI - 1998

C 450:

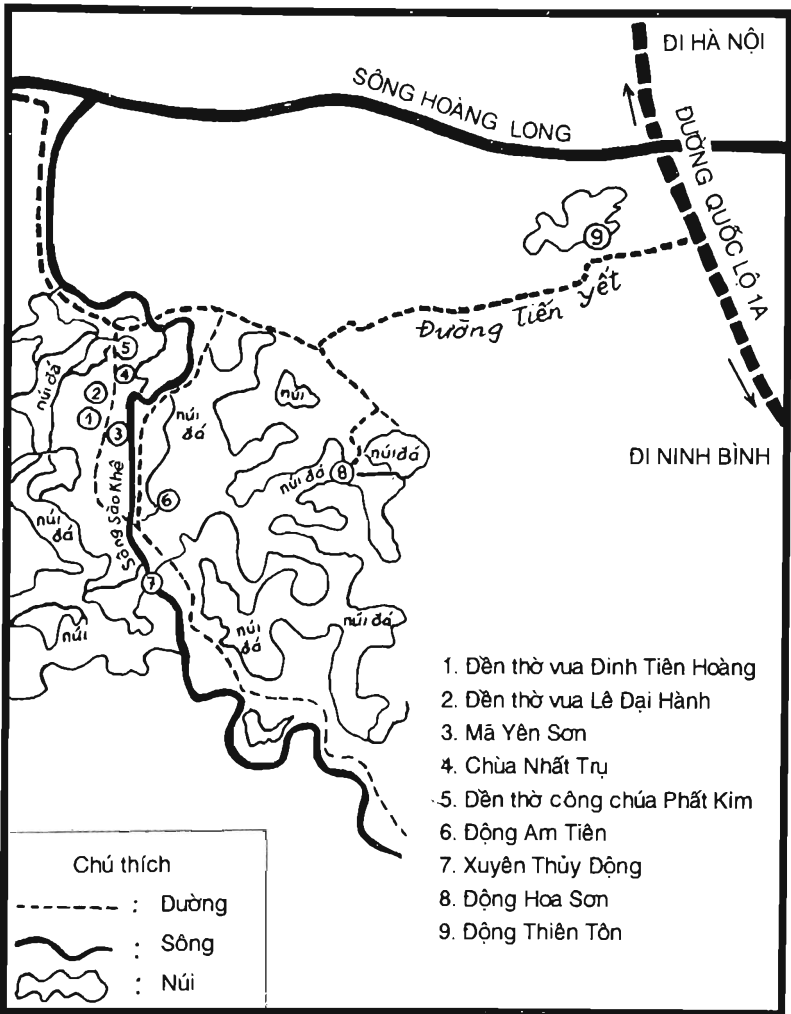
LÃ DĂNG BẬT

CỔ ĐÔ HOA LƯ

LỊCH SỬ VÀ DANH THẮNG



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN
HÀ NỘI — 1998



**Vị trí các danh thắng trong khu vực
Cố đô Hoa Lư**

LỜI GIỚI THIỆU

Do điều kiện địa lí và lịch sử, Ninh Bình có nhiều danh thắng và di tích nổi tiếng của đất nước, trong đó số một là Cố đô Hoa Lư.

Giữa một vùng non nước hữu tình, tại xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, cách đây trên một ngàn năm, sau khi dẹp xong loạn 12 sứ quân, thống nhất sơn hà, thu phục giang sơn về một mối, Đinh Bộ Lĩnh đã lên ngôi Hoàng đế, gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt và xây dựng kinh đô tại Trường Yên. Cái tên Hoa Lư ghi lại dấu ấn lúc thiếu thời Đinh Bộ Lĩnh cùng các bạn chăn trâu dùng hoa lau làm cờ tập trận. Hoa Lư đã trở thành kinh đô đầu tiên của nước Đại Cồ Việt - nhà nước phong kiến tập quyền Việt Nam thống nhất đầu tiên, là kinh đô của hai triều đại Đinh và Tiền Lê. Từ đây, năm 1010 Lí Công Uẩn dời đô ra Thăng Long. Trên nền cung điện cũ ấy, nhân dân ta đã xây hai ngôi đền thờ Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành với những nét kiến trúc đặc sắc nằm giữa một vùng non nước nên thơ và một quần thể danh thắng, di tích kì thú, trở thành một trung tâm du lịch nổi tiếng, thu hút du khách trong nước và quốc tế đến thăm viếng.

Ngày nay đến Cố đô Hoa Lư, quá khứ và hiện tại, lịch sử và cảnh quan, thiên nhiên và con người hòa quyện nhau như đưa ta về cội nguồn ngàn năm bất khuất của dân tộc để tìm hiểu, để khám phá, để tin tưởng ở khí phách, tài trí, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc, ý thức độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, truyền thống văn hiến và ý chí thống nhất đất nước của nhân dân ta. Cùng với những di tích hiển hiện trên mặt đất, gần đây ngành Khảo cổ đã phát hiện và khai quật dưới tầng đất giữa hai đền thờ vua Đinh và vua Lê nền cung điện cách đây trên 1000 năm với những hiện vật quý giá, minh chứng cho những công trình kiến trúc của Cố đô Hoa Lư và trình độ phát triển về kiến trúc, nghệ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội của dân tộc ta thời bấy giờ.

Với một khối lượng đồ sộ, phong phú, nhiều tầng, nhiều lớp, cả bề rộng và chiều sâu, về không gian, về thời gian của khu vực Cố đô Hoa Lư và các di tích, danh thắng gắn liền với Cố đô, du khách đến thăm dù có ở một vài ngày và dù có được hướng dẫn, giới thiệu tận kẽ cũng không thể nào tìm hiểu thấu đáo được, huống hồ chỉ đến một hai buổi. Để giúp cho việc tìm hiểu, nghiên cứu, cho đến nay đã có nhiều tác phẩm văn thơ, khảo cứu, sưu tầm, sân khấu về Cố đô Hoa Lư. Đúng vào dịp triển khai Nghị quyết TW 5 về **“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”**, anh Lã Đăng Bật, nhà giáo, đồng tác giả cuốn sách **“Trương Hán Siêu - Nhà văn lớn thời Trần, Danh nhân văn hóa dân tộc”**, tác giả cuốn **“Về với “Vịnh Hạ Long cạn”**”... và nhiều bài nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu các di tích, danh thắng ở Ninh Bình trên các sách, báo, đã đưa cho tôi xem tập bản thảo **“Cố đô Hoa Lư”**, giới thiệu về Cố đô Hoa Lư và các di tích, danh thắng gắn liền với Cố đô, vừa có tính hệ thống, vừa có những phát hiện mới từ các nguồn tư liệu tin cậy và kết quả quan sát trực tiếp.

Qua cuốn sách này, có thể giúp người đọc hiểu biết đầy đủ hơn, sâu hơn về một vùng đất lịch sử, văn hiến gắn liền với những nhân vật lịch sử đã có công lao trong quá trình dựng nước và giữ nước, để từ đó góp phần nâng cao và phát huy hơn nữa lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, tiếp bước cha ông, xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Với cảm nhận ấy, xin chân thành cảm ơn tác giả, **Nhà xuất bản Thanh niên** và giới thiệu cùng bạn đọc.

Ninh Bình, ngày 25-9-1998

NGUYỄN THANH TÚC

Phó Bí thư Tỉnh ủy

Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh Bình

CỐ ĐÔ HOA LƯ

Cố Đô Hoa Lư là kinh đô đầu tiên trong nền văn minh Đại Việt của dân tộc, nền phong kiến tập quyền ở nước ta.

Nếu du khách muốn thăm Cố Đô Hoa Lư, từ Hà Nội xuôi phía Nam theo đường quốc lộ 1A hơn 90km, đến Cầu Huyện thuộc xã Ninh Mĩ rẽ phải vào đường Tiến Yết, đi khoảng 5km về phía Tây là đến. Đó là một diện tích trải rộng khoảng 300ha bao trùm lên xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Trung tâm Cố Đô Hoa Lư là khu vực HAI NGÔI ĐỀN THỜ VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG VÀ VUA LÊ ĐẠI HÀNH thuộc xã Trường Yên.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt.

Đình Tiên Hoàng chọn Hoa Lư (xã Trường Yên, huyện Hoa Lư ngày nay) là vùng núi non kì thú nhưng hiểm trở để làm thủ đô — “Kinh Đô Đá”.

Sách “Đại Việt sử lược” (khuyết danh thời Trần) có ghi: “Đến năm thứ nhất niên hiệu Khai Bảo (968) đời vua Triệu là Tống Thái Tổ, Vương xưng Hoàng đế ở

động Hoa Lư (1). Rồi dựng cung điện, chế triều nghi, sắp đặt trăm quan, lập xã tắc và tôn hiệu là Đại Thắng Minh Hoàng đế” (2)

Nhà sử học Lê Văn Hưu (1230 — 1322), trong cuốn “Đại Việt sử kí”, khi bàn về Đinh Tiên Hoàng có viết:

“Tiên Hoàng với tài năng sáng suốt hơn người, dũng lược bậc nhất thiên hạ, đảm đương lúc nước Việt ta không có chủ, các hùng trưởng cát cứ khắp nơi, một lần cử sự, mười hai sứ quân đều thần phục hết. Thế rồi mở nước, dựng đô, đổi niên hiệu, xưng Hoàng đế, đặt trăm quan, lập sáu quân, chế độ gần đủ” (3)

Nguyễn Trãi (1380 — 1442) là bậc đại thi hào đầu tiên của dân tộc, trong cuốn “Địa dư chí” cũng ghi:

“Đinh (Đinh Bộ Lĩnh) gọi nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư... Hoa Lư xưa là Đại Hoàng, bây giờ là phủ Trường Yên” (4)

Tại đây, ông cho xây cung điện, đặt triều nghi, đắp thành, đào hào, dựa vào thế núi xây dựng một công trình

-
- (1) Động không có nghĩa là hang động, mà là tên để gọi một khu vực cư trú của đồng bào miền núi. Thời Đinh Bộ Lĩnh chắt Hoa Lư là khu vực cư trú của đồng bào Mường, và lại khi ấy cũng chưa có sự phân hóa rõ rệt giữa người Mường với người Kinh như từ thế kỷ XIV trở đi (theo Đinh Gia Khánh trong cuốn “Truyện hay nước Việt” — NXB Thông tin — Hà Nội — 1988.
- (2) “Đại Việt sử lược” — NXB Thành phố Hồ Chí Minh — 1993 — Trang 90.
- (3) “Văn thơ Li - Trần” — Tập 2 — Quyển thượng — NXB KHXH — Hà Nội — 1988 — Trang 361.
- (4) “Nguyễn Trãi toàn tập” (in lần thứ 2) — NXB KHXH — Hà Nội — 1976 — Trang 216.

phòng ngự kiên cố như một pháo đài hiểm, biệt lập với bên ngoài.

Kinh đô Hoa Lư nằm gọn trong địa phận xã Trường Yên ngày nay, được bao quanh bởi hàng loạt núi đá vòng cung, cảnh quan hùng vĩ. Khoảng trống giữa các sườn núi được xây kín bằng đất ken gạch, chân thành có gạch bó, đắp khá cao từ 8 đến 10 mét — có đoạn phía trong xây gạch, phía ngoài đắp đất, có đoạn đắp đá lẫn đất và có đoạn đắp toàn bằng đất. Đó là những đoạn tường thành nhân tạo. Hiện nay dấu vết của mười tuyến tường thành vẫn còn. Đinh Tiên Hoàng đã rất chú ý đến yếu tố “Thành” để bảo vệ kinh đô. Phía Bắc thành nằm bên sông Hoàng Long cho nên đường giao thông thủy rất thuận tiện. Đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và là một quân thành vững chắc.

“Đại Nam nhất thống chí” có viết:

“Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê ở xã Trường Yên Thượng và Trường Yên Hạ... có Nội Thành và Ngoại Thành”.

Ngoài hai khu thành đó, còn có thành Nam (thành ở phía Nam từ hang Luồn trở vào trong, nằm đối diện và nối liền với khu Thành Ngoại). Ở đây, xung quanh có núi cao bao bọc, án ngữ phía Nam kinh thành, bảo vệ mặt sau - từ đây, bằng đường thủy có thể nhanh chóng rút ra ngoài. Thành Ngoại rộng khoảng 140 ha thuộc địa phận thôn Yên Thượng và thôn Yên Thành, xã Trường Yên. Đây là cung điện chính, mà khu vực đền Đinh, đền Lê là trung điểm, là nơi Đinh Tiên Hoàng cấm cờ nước.

Trước cung điện có NÚI MÃ YÊN, TƯỚNG TRUYỀN, VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG LẤY NÚI NÀY LÀM ÁN. Ở thôn Yên Thành có nhiều chùa và đền, hiện nay vẫn còn, là một phần kiến trúc trong khu cung điện chính. Đó là CHÙA NHẤT TRỤ, ĐƯỢC XÂY TỪ ĐỜI VUA LÊ ĐẠI HÀNH. TRƯỚC CỬA CHÙA CÓ CỘT KINH BẰNG ĐÁ HÌNH TÁM CẠNH, KHẮC BÀI KINH LÃNG NGHIÊM. Cách chùa Nhất Trụ một đoạn là ĐỀN PHÁT KIM (thờ công chúa Phát Kim — con gái của vua Đình Tiên Hoàng).

Lui về phía Tây Bắc có chùa Đìa nằm trong một động nhỏ ở lưng chừng núi Đìa. Người xưa đã lấy động làm chùa, trong động bày nhiều tượng Phật trên các bệ xây. Động cao so với chân núi khoảng 30 mét. Muốn lên chùa phải men theo sườn núi bước lên gần 60 bậc đá. Các vách động có nhiều nhũ đá chảy dài với các hình hài đẹp. Xung quanh “Chùa”, trên các vách núi nhiều cây si lớn cùng các cây đại thụ vươn cành bao phủ một màu xanh. Rễ các cây si thả xuống như những “bộ râu” của thời gian trên đá làm cho chùa càng thêm cổ kính, trang nghiêm. Hiện nay “ngôi chùa đá” đó vẫn còn.

Phía Bắc kinh đô Hoa Lư, gần sông Hoàng Long (ở vị trí gần cống đê Trường Yên - cách đền thờ vua Lê Đại Hành khoảng 2 km) là chùa Tháp (hiện nay không còn), có tháp Báo Thiên.

Cũng gần sông Hoàng Long, cách chùa Tháp về phía Đông 200 mét là chùa Bà Ngô, đã được xây dựng lại,

hiện còn giữ được một bia đá bốn mặt (cao hơn 1 mét, bề ngang 0,5 mét) đều chạm khắc chữ Hán ghi công đức những người đã cúng tiến xây dựng chùa.

Chùa Đìa, chùa Tháp, chùa Bà Ngô đều được xây dựng từ thời nhà Đinh.

(Năm 1963, trong khi trị thủy sông Hoàng Long, nhân dân đã đào được một cột kinh Phật hình bát giác, chạm khắc chữ Hán, ở đó có ghi: Đinh Liên đã làm 100 tòa kinh Phật để dâng lên chùa).

Thành Nội ở phía Tây Bắc có diện tích tương đương với Thành Ngoại, thuộc thôn Chi Phong, xã Trường Yên, có tên là Thư Nhi Xá hay Khố Nhi Xá, là nơi nuôi trẻ em và làm kho. Gọi Thành Nội, Thành Ngoại là gọi từ phía trong ra phía ngoài, chứ không phải chỉ các vòng thành phía trong hay phía ngoài, cũng không mang ý nghĩa là khu thành phụ hay khu thành chính.

Thành Nội và Thành Ngoại là hai khu vực cách biệt nhưng ở sát cạnh nhau và có thể qua lại được dễ dàng nhờ một ngách núi ăn thông gọi là Quèn Vòng. Ở hai khu có công lớn xây bằng đá, có hào sâu, bắc ngang qua hào sâu là những chiếc cầu cũng bằng đá. Đó là cầu Đông, cầu Rền... Cầu Đông làm bằng đá phiến (hiện nay làm thay bằng xi măng cốt thép), bắc ngang qua sông Sào Khê chảy từ sông Hoàng Long về, nằm ở phía Bắc núi Hồ. Hiện còn hai chữ Hán lớn: “Đông Kiều” chạm khắc nổi ở vách đá núi Hồ. Cầu cách đền thờ vua Lê Đại Hành về hướng Bắc khoảng 600 mét nằm ở phía Đông

kinh đô Hoa Lư, nên gọi là cầu Đông. Cầu Rền cũng làm bằng đá (hiện nay làm thay bằng xi măng cốt thép) bắc ngang qua sông Sào Khê lui về phía Bắc cách cầu Đông khoảng 500 mét.

Bên ngoài khu thành có nhiều trạm gác bảo vệ. Kinh thành nằm giữa những quả núi lớn bao bọc xung quanh, mang nặng tính chất quân sự. Đây là một vị trí kín đáo thuận lợi cho việc phòng thủ, tiến công, mặt khác lại xa biên thù ải Bắc — giặc phương Bắc khó khăn trong việc tìm hiểu để mở những đợt tấn công chớp nhoáng.

Phía Đông Bắc thành có núi Cột Cờ, xưa là nơi vua Đinh cắm cờ nước. Núi cao hơn 200 mét, như một cột cờ thiên nhiên khổng lồ, vĩ đại. Phía Đông Nam thành có Ghềnh Tháp là một mỏm núi thấp nhô ra sát sông Sào Khê (gần Xuyên Thủy Động). Mỏm núi này, tương truyền là nơi vua Đinh, vua Lê thường đứng để duyệt thủy quân. **SÔNG SÀO KHÊ CHẢY QUA HANG LUỒN (XUYÊN THỦY ĐỘNG) LÀ NƠI CÁC ĐƠN VỊ THỦY QUÂN CỦA VUA ĐINH LUYỆN TẬP THƯỜNG XUYÊN.**

Cũng ở phía Đông Nam khu Thành Ngoại còn có **ĐỘNG AM TIÊN Ở LUNG CHỪNG NÚI LÀ NƠI VUA ĐINH NUÔI NHỐT HỔ BÁO ĐỂ TRỪNG TRỊ NHỮNG KẸ CÓ TỘI.** Dưới chân núi Địa nằm về phía Bắc khu Thành Ngoại có một ao lớn, tên là Ao Giải. Tương truyền, Ao Giải là nơi vua Đinh nuôi giải để ném những kẻ có tội xuống ao cho giải ăn thịt. Ngoài ra còn có hang

Muối là kho tích muối, hang Tiên là kho trữ tiền, và một thung lũng khá rộng ở phía trong hang Quán là nơi quân sĩ của vua Đinh thường đến tập luyện, nên dân địa phương gọi là “Đấu dong quân”. Tất cả núi sông và khu vực thành cổ nhấp nhô do thiên tạo và nhân tạo đã hình thành thành một quần thể kiến trúc trang nghiêm, đồ sộ, khoáng đạt mà không một kinh đô cổ nào có được.

Vua Đinh Tiên Hoàng đã rất quan tâm đến việc xây dựng kinh thành Hoa Lư.

Song song với việc đó vua Đinh Tiên Hoàng còn tổ chức bộ máy Nhà nước tương đối hoàn chỉnh, định phẩm hàm cho các quan văn, võ; phong Nguyễn Bặc làm Định quốc công, giữ chức Thái Tể (đứng sau vua); phong Đinh Điền giữ chức Ngoại Giáp (trông coi ngoài kinh thành), phong Lê Hoàn, giữ chức Thập Đạo tướng quân... Ngoài ra, vua Đinh Tiên Hoàng còn tổ chức quân đội rất chặt chẽ, chia làm 10 đạo, mỗi đạo có 10 quân, mỗi quân có 10 lữ, mỗi lữ có 10 tốt, mỗi tốt có 10 ngũ.

Nhưng tới năm 979, một tai họa lớn đã đến với nhà Đinh: Đinh Tiên Hoàng và con trai cả Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám hại. Đinh Tiên Hoàng ở ngôi được 12 năm (968 — 979), thọ 56 tuổi. Thế là trong triều có nhiều vụ xung đột xảy ra. Triều đình phải đưa người con trai thứ của Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn mới 6 tuổi lên làm vua. Khi đó, trong nước nội bộ triều đình lục đục, ngoài nước nhà Tống (Trung Quốc) thừa dịp tiến hành mưu đồ thôn tính nước Đại Cồ Việt — Đất nước đang đứng

trước hiểm họa bị giặc ngoại xâm đe dọa nghiêm trọng. Triều đình có vua nhưng vua Đinh Toàn còn ít tuổi, chưa đủ khả năng và uy tín để tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Vì sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc, Thái hậu Dương Vân Nga và một số quan lại cùng đông đảo quân sĩ đã suy tôn Lê Hoàn lên làm vua từ tháng 7 năm 980. Lê Hoàn là một người có uy tín trong triều lúc bấy giờ đang giữ chức Thập Đạo Tướng Quân (Tổng chỉ huy quân đội). Từ đó chấm dứt vai trò nhà Đinh trong lịch sử dân tộc. Như vậy nhà Đinh chỉ ở ngôi được 13 năm (968 — 980).

Lễ trao ngôi vua đã diễn ra tại kinh đô Hoa Lư. Lê Hoàn lên ngôi vua năm 980, lập nên một triều đại mới, triều Tiền Lê, vẫn lấy Hoa Lư làm kinh đô. Một nhiệm vụ lịch sử trọng đại đặt ra trước dân tộc và triều đình lúc bấy giờ là phải gấp rút tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống.

Đầu năm 981, quân Tống theo hai đường thủy, bộ ào ạt đến xâm lược nước ta định tiến vào vây hãm kinh đô Hoa Lư. Lê Hoàn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến. Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống đã giành được thắng lợi rực rỡ. Lịch sử dân tộc lại ghi thêm một chiến công mới làm vẻ vang cho non sông đất nước và kinh đô Hoa Lư. Sau khi chiến thắng quân xâm lược Tống, Lê Hoàn tìm cách lập lại quan hệ bang giao với nhà Tống. Các sứ thần của nhà Tống đến kinh đô Hoa Lư, chứng kiến cảnh núi sông hùng vĩ, thấy con

người Đại Cồ Việt thông minh, có sức mạnh lớn lao, đã phải thán phục và kính nể nước Đại Cồ Việt. Những cuộc bang giao của các sứ thần nhà Tống với nhà Tiền Lê ở kinh đô Hoa Lư khi đó, ghi nhận một quan hệ ngoại giao quốc tế ban đầu, một chính sách đối ngoại kiên quyết nhưng mềm dẻo, khôn khéo để giữ gìn hòa bình cho dân tộc.

Đất nước lại bình yên, Lê Hoàn cho xây thêm nhiều cung điện lộng lẫy, góp phần làm cho kinh đô Hoa Lư ngày càng hoàn chỉnh, trong đó có những cung điện xây cột dát vàng, dát bạc, mái lợp bằng ngói bạc. Trong cuốn “Đại Việt sử kí toàn thư” của Ngô Sĩ Liên, có ghi: *“Giáp Thân năm thứ 5 (984): Dựng nhiều cung điện; làm điện Bách Bảo Thiên Tuế ở núi Đại Vân, cột điện dát vàng bạc, làm nơi coi châu; bên Đông là điện Phong Lưu, bên Tây là điện Tử Hoa; bên tả là điện Bồng Lai, bên hữu là điện Cực Lạc; rồi làm lầu Đại Vân, rồi lại dựng điện Trường Xuân làm nơi vua ngủ, bên cạnh điện Trường Xuân dựng điện Long Lộc lợp bằng ngói bạc”* (1). Đây là tám công trình được xây dựng từ năm 984. Một công trình thứ chín xuất hiện nữa là điện Càn Nguyên: *“Năm Nhân Thìn (992) là năm thứ 3 niên hiệu Hưng Thống, mùa xuân vua ngự ở lầu Càn Nguyên để xem đèn”* (2). Núi Đại Vân nằm ở phía sau khu đền Đinh và đền

(1) (2) — “Đại Việt sử lược” — NXB Thành phố Hồ Chí Minh — 1993
— Trang 100, 101.

Lê hiện nay, còn gọi là núi Long Triều (Đại nam nhất thống chí), dân địa phương gọi là núi Phi Vân đã xây dựng điện Bách Bảo Thiên Tuế. Điều đó chứng tỏ kinh đô Hoa Lư có quy mô bề thế, đẹp đẽ, uy nghi, trang hoàng lộng lẫy, hòa nhập với thiên nhiên hùng vĩ (1)

Năm 1005, vua Lê Đại Hành qua đời tại điện Trường Xuân, ở ngôi 25 năm (980 — 1005), thọ 64 tuổi. Con thứ ba của vua Lê Đại Hành là Lê Trung Tông lên làm vua được 3 ngày. Lê Long Đĩnh (Lê Ngọa Triều) là con thứ 5 của vua Lê Đại Hành và là em trai cùng mẹ của vua Lê Trung Tông, đã cướp ngôi, giết vua Lê Trung Tông lên ngôi năm 1006. Năm 1009 vua Lê Ngọa Triều mất. Như vậy nhà Tiền Lê ở ngôi được 29 năm (980 — 1009). Hiện nay, du khách đến đây không còn nhìn thấy những cung

-
- (1) Năm 1978, Ti Văn hóa Thông tin Hà Nam Ninh khảo sát tại khu vực Trường Yên, huyện Hoa Lư, phát hiện thấy chân móng bằng đá xếp vuông vắn như ô bàn cờ ở độ sâu 0,6 mét, một nền nhà lát bằng gạch “Giang Tây quân” đã bị vỡ, một lớp tro than dày 20 - 30 cm ở độ sâu 0,90 mét, một mảng nền gạch hoa sen kích thước 34 x 34 x 7 cm, cùng với một số manh ngói ống ở độ sâu 0,95 mét, một số gỗ lát mục dày 10 - 20 cm và những mảnh gạch ngói ken dày 40 cm có dấu vết tường gạch, lò nung gốm và dấu vết kiến trúc bị đổ nát rộng trăm mét vuông. Trước đó các nhà khảo cổ học đã đào được nhiều mảnh bát đĩa, xương voi, xương ngựa và cột kinh Phật, trên có khắc dòng chữ “Đệ tử Tĩnh hai quân. Tiết độ sứ. Nam Việt Vương Đinh Quốc Liên kính tạo bao tràng nhất bách tòa thời Quý Dậu tuế” ở gần sông Hoàng Long. Tại xã Trường Yên đào được hai loại gạch, trên mặt có dòng chữ “Đại Việt quốc quân thành chuyên” và “Giang Tây quân” (loại gạch do quân sĩ Giang Tây thời Đường đóng ở nước ta sản xuất ra). Ở khu vực động Thiên Tôn thuộc xã Ninh Mi cũng đào được hai loại gạch đó.

điện nguy nga, những tường thành vững chắc, nhưng sẽ chứng kiến đây đủ những ngọn núi, hang động, dòng sông và ao ngòi, những tên gọi đó đã có từ xa xưa, đó là một phần còn lại mà không bao giờ mất đi được của kinh đô Hoa Lư.

Thăm quan đền Đỉnh, Lê xong, du khách trở về con đường bộ đã vào, nằm về phía Đông Thành Ngoại là đường Tiến Yết. Đây là con đường bộ chính vào kinh đô Hoa Lư, còn gọi là “Đường Cửa Đông”. (Hiện còn tấm bia Cửa Đông ghi: “Đường Cửa Đông Tràng An là một lối đi rộng lớn, một thắng cảnh ở đất Gia Viễn (Hoa Lư). Từ khi Đỉnh Tiên Hoàng dựng nước định đô... ở phía Đông đô thành, Niên Thân Thế gọi là Đường Cửa Đông. Bấy giờ các quan văn võ thường noi theo đường này lui tới triều cận...”). Dọc đường Tiến Yết này, trước đây có dựng nhiều trạm gác kiên cố để bảo vệ kinh thành Hoa Lư. Cách Thành Ngoại về phía Đông khoảng hơn 1 km là thôn Áng Ngũ — nơi mà các quan từ khắp nơi trong nước về đây, trước khi vào kinh đô châu vua, dừng lại để chuẩn bị sang sửa triều y. Ở thôn Áng Ngũ có ĐÔNG HOA SƠN, TƯỜNG TRUYỀN LÀ NƠI NUÔI ẤU CHÚA. Cách thôn Áng Ngũ hơn 1 km là Quèn Ôi — cửa ngõ vào kinh đô, trước đây rất cao, khó đi. Cách Quèn Ôi khoảng 1 km là thôn Quán Vinh, cũng là một trạm gác lớn. Cách thôn Quán Vinh hơn 1 km là ĐÔNG THIÊN

TÔN THỜ MỘT VỊ THIÊN THẦN CAO NHẤT: TRẦN VŨ THIÊN TÔN. ĐỘNG NẪM TRONG NÚI DŨNG ĐƯƠNG. Khi Đinh Bộ Lĩnh đem quân đi đánh dẹp các sứ quân đã sửa lễ vật vào lễ tại động Thiên Tôn cầu mong được thần giúp đỡ. Sau khi thu phục được đất nước và lên ngôi Hoàng đế, Đinh Tiên Hoàng đã tu sửa đền và động, đồng thời cho xây dựng ở đây hai khu nhà Tiên Tế và Kính Thiên Đài để khách thập phương về có chỗ nghỉ và cúng lễ. Bên cạnh núi Dũng Đương còn có hai núi đá lớn nữa là: Nương Sơn và Tượng Sơn. Ba núi lớn này thuộc xã Ninh Mĩ, huyện Hoa Lư nằm gần hai bên đường Tiến Yết như một cổng thành thiên nhiên kì vĩ án ngữ con đường chính vào kinh đô Hoa Lư. Từ kinh đô Hoa Lư đi ra, bằng đường bộ còn có con đường Thượng Đạo về phía Tây, có thể đi vào Thanh Hóa và ngược lên phía Bắc dễ dàng. Đường thủy có sông Hoàng Long ở phía Bắc chảy ra sông Đáy để từ đó nhập vào hệ thống Nhị Hà, có thể ngược lên miền núi và xuôi ra biển. Chính bằng đường thủy này, từ đất Trung Quốc vào sông Bạch Đằng, qua sông Luộc, sông Đào ở Phú Lí (Hà Nam), theo sông Đáy, các sứ giả nhà Tống đã đến kinh đô Hoa Lư yết kiến vua Lê Hoàn vào năm 990.

Kinh đô Hoa Lư còn tỏa ra một không gian rộng hơn nữa, thôn La Mai, xã Ninh Giang, huyện Hoa Lư, cách núi Dũng Đương không xa, xưa là nơi vua Đinh để kho

mắm, kho muối. Để bảo vệ kinh đô Hoa Lư về mặt đường thủy, vua Đinh Tiên Hoàng còn cho xây đôn lũy trên NÚI NON NƯỚC (NÚI DỤC THÚY), COI NHƯ MỘT TIỀN ĐỒN KIỂM SOÁT CON ĐƯỜNG BỘ TỬ TAM ĐIỆP, CON ĐƯỜNG BIỂN THEO CỬA ĐẠI ÁC ĐI RA.

(1) Điều đó chứng tỏ vua Đinh Tiên Hoàng rất quan tâm chú ý xây dựng kinh thành và các phòng tuyến để bảo vệ vững chắc kinh đô cũng là bảo vệ nước Đại Cồ Việt.

Năm 1010 Lí Công Uẩn (Lí Thái Tổ) lên ngôi vua, lập ra nhà Lí. Lí Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư đến thành Đại La (Thăng Long). Kinh đô Hoa Lư trở thành Cổ Đô Hoa Lư, mãi mãi gắn liền với giai đoạn lịch sử thống nhất, xây dựng đất nước Đại Cồ Việt của dân tộc. Để tưởng niệm công lao đặt nền móng xây dựng độc lập tự chủ của đất nước và nhớ đến kinh đô Hoa Lư của nước Đại Cồ Việt, nhà Lí sau này đã lấy tên một số cầu, chùa ở kinh đô Hoa Lư đặt tên cho một số khu vực ở Thăng Long thời ấy như: Ô Cầu Dền, phố Tràng Tiền, chùa Một Cột, ... Điều đó đã được “Đại Nam nhất thống chí” ghi: *“Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê... lại có các danh hiệu: cầu Đông, cầu Rền, cầu Muống, Tràng Tiền, chùa Tháp, chùa Nhất Trụ... nền cũ vẫn còn. Khi Lí Thái Tổ*

(1) Đọc “Núi Dục Thúy” của Lê Đăng Bật — NXB Thế giới — Hà Nội — 1998.

dời đô đến Thăng Long đều dùng theo các danh hiệu ấy” (1)

Suốt 42 năm tồn tại (968 — 1010) kinh đô Hoa Lư chủ yếu là đại bản doanh của hai vị vua kiêm tổng tư lệnh quân đội: vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành.

Cố Đô Hoa Lư sáng mãi với tên tuổi Đinh Tiên Hoàng và Lê Đại Hành. Đinh Tiên Hoàng là người có công mở đầu, người khai phá và đặt nền móng cho kinh đô Hoa Lư — Ông tổ phục hưng thống nhất quốc gia. Lê Đại Hành là người chiến đấu và bảo vệ kinh đô Hoa Lư, cũng có nghĩa là bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước. Hai con người đó đã có cuộc đời kiệt xuất, huy hoàng sáng chói, như một sự bắt đầu, một sự kế thừa để khẳng định, tô điểm cho Cố Đô Hoa Lư rực sáng muôn đời, đi vào lịch sử như một bản anh hùng ca bất hủ.

Chính vì thế, sau này Bảng nhãn Vũ Duy Thanh (1807 — 1859), người làng Kim Bồng, phủ Yên Khánh (nay là xã Khánh Hải, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình) đã viết bài “Phú cò kinh danh thắng” ca ngợi Cố Đô Hoa Lư, trong đó có đoạn:

(1) Tập 3 — NXB KHXH — Hà Nội — 1971 — Trang 249.

“Định đô Tràng An; mở nền Chính Thống.

Một là tiện thế tôn nghiêm; hai là tiện đường triều cống.

Núi Mã (Mã Yên) nghìn trùng xa ngắt, thành đắp đã
cao,

Sông Long (Hoàng Long) một dải trong veo, hào hào
cũng rộng.

Nào phủ tía, nào lầu son, nào đài lân, nào gác phụng,

Nào trường tập trận, đánh giặc nước Chiêm,

Nào quán tiền nghi, tiếp quan nhà Tống.

Trên đường tía trăm quan đô hội, ngựa ngựa xe xe,

Dưới cờ đào mười đạo nghiêm binh, chiêng chiêng,

trống trống.

Xét trong địa dư; đương buổi bấy giờ,

Bên Tây núi ngăn như vách; bên Đông biển lặng

như tờ.

Nam đến Châu Hoan, Châu Ái,

Bắc giáp nước Sở, nước Từ.

Cùng dòng chính sóc, cùng môi xa thur

Ngâm câu Nam đế Nam cư, khác hẳn những đời

thào muội.

Xem tượng Bắc Thần, Bắc Cực, còn đâu bằng xứ

Hoà Lư.

Phong cảnh tốt thay, đệ nhất là đây.

Phong Châu khôn sánh, Phong Khê nào tày.

Xem như địa lí họa đồ, thầy Tàu đề kiêu,

Rõ được thiên nhiên hình thắng, thợ tạo khéo bày.

...

Thơ rằng:

Đã trải bao nhiêu cuộc bể dâu,

Khiến nay còn nhớ chuyện cờ lau.

Một vùng sao rạng thanh gươm báu,

Năm sắc mây phong bộ áo châu.

Công cả lưu truyền trong tám cõi,

Khí thiêng phảng phất dưới nghìn râu.

Tràng An miếu cũ hương nghi ngút,

Sùng bái ai ai cũng cúi đầu".

ĐỀN THỜ VUA ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Du khách đến thăm Cổ đô Hoa Lư thuộc xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, thấy hai ngôi đền cổ kính, trang nghiêm nằm ở khu vực trung tâm hòa nhập với núi sông ngoạn mục, đó là đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành.

Đình Bộ Lĩnh là con ông Đinh Công Trứ sinh ngày rằm tháng hai năm Giáp Thân (924), quê ở thôn Kim Lư, làng Đại Hữu, châu Đại Hoàng (nay là thôn Văn Bồng, xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình). Đinh Công Trứ là một tướng của Dương Đình Nghệ (thời Ngô Vương 939 — 944), làm Thứ sử Hoan Châu (nay thuộc Nghệ An). Khi Đinh Công Trứ mất, Đình Bộ Lĩnh cùng mẹ là Đàm Thị (người vợ hai của Đinh Công Trứ) bỏ Hoan Châu về động Hoa Lư, nương thân với ông chú ruột Đình Dự.

Tại động Hoa Lư (khu Thung Lau - một thung lũng rộng khoảng 16 mẫu nằm trong dãy núi đá vôi thuộc xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn), Đình Bộ Lĩnh cũng như bao trẻ nhỏ khác trong làng quê, đi kiếm củi, chăn trâu. Khi đi chăn trâu, Đình Bộ Lĩnh được tôn làm người đứng đầu và cùng lũ trẻ lấy bông lau làm cờ tập trận. Lớn lên, ông tỏ rõ là người mưu lược cao, có chí lớn, nên đã xây dựng một lực lượng vũ trang mạnh, được nhân dân

trong vùng theo phục rất đông. Đinh Bộ Lĩnh đánh chiếm các vùng xung quanh, uy thế ngày càng lớn.

Nhưng muốn có một lực lượng mạnh hơn nữa, biết Trần Lâm (là một trong 12 sứ quân) ở Bồ Hải Khẩu (Vũ Tiên, Thái Bình) có tài thao lược, dũng cảm, đức độ, Đinh Bộ Lĩnh đã đến liên kết.

Trần Lâm thấy Đinh Bộ Lĩnh là người có tài năng, hi vọng sẽ làm rạng rỡ cho đất nước, đã nhận làm con nuôi và giao quyền binh cho ông cầm quân.

Sau khi Trần Lâm mất, Đinh Bộ Lĩnh thay thế chỉ huy toàn bộ sứ quân. Nhưng ông thấy vùng Bồ Hải Khẩu - vùng đồng bằng, địa hình bất lợi, nên quyết định bỏ vùng này, rời quân về Hoa Lư - quê hương ông, có núi non trùng điệp, sông nước khúc khuỷu, có địa thế thuận lợi hơn.

Đây cũng là nơi rất thuận lợi về giao thông thủy, bộ, cơ động được về quân sự. Hoa Lư còn là vùng đất màu mỡ, quân sĩ có thể vừa chiến đấu vừa sản xuất để tạo nguồn lương thực tự túc.

Về Hoa Lư, sứ quân của Đinh Bộ Lĩnh có đủ ba điều kiện: Thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Ông đã lần lượt đánh bại các sứ quân khác. Đến cuối năm 967, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên loạn 12 sứ quân, non sông về một mối, đất nước trở lại thống nhất.

Năm 968. Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế gọi là Đinh Tiên Hoàng. đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Nêu vua

Hùng - thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang. đứng ra thống nhất các bộ lạc Lạc Việt, dựng nên nước Văn Lang, mở đầu lịch sử dựng nước của Việt Nam, thì Đinh Tiên Hoàng là người có công củng cố độc lập và chủ quyền dân tộc, xây dựng quốc gia phong kiến thống nhất đầu tiên trong lịch sử dân tộc. Và cũng là lần đầu tiên, ông đã tôn xưng danh hiệu “Đế”. Ở nước ta, trước đó đã có hai người xưng “Đế”: Lí Nam Đế (544 — 548), Mai Hắc Đế (722), đến Đinh Tiên Hoàng xưng là “Đại Thắng Minh Hoàng Đế”, chính là người toàn thắng vẻ vang nhất. Điều đó cũng có ý nghĩa khẳng định nước ta có nền độc lập tự chủ và Hoàng đế nước Nam phải sánh ngang với các Hoàng đế phương Bắc. Vì thế trong “Lịch triều hiến chương loại chí”, Phan Huy Chú (1782 — 1840) viết:

“Xét nước ta từ thời Hùng Vương mới bắt đầu thông hiếu với Trung Quốc, nhưng danh hiệu còn nhỏ, không được dự vào hàng chư hầu triều hội... Rồi Triệu Đà kiêm tính nhà Hán phong Đà làm Nam Việt Vương chỉ được sánh với chư hầu của Trung Quốc, chưa được nêu là một nước... Đến khi Đinh Tiên Hoàng bình định các sứ quân, khôi phục mở mang bờ cõi. bấy giờ sách phong của Trung Quốc mới nhận cho đứng riêng là một nước”.

Hai năm sau, năm 970, Đinh Tiên Hoàng bỏ niên hiệu của các Hoàng đế phong kiến phương Bắc, tự đặt niên hiệu riêng là “Thái Bình”. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử nền phong kiến tập quyền, một thủ lĩnh địa phương lên ngôi vua đã vứt bỏ niên hiệu của “Thiên Triều”,

khẳng định thắng lợi xu hướng thống nhất quốc gia, thắng lợi của tinh thần dân tộc và ý chí độc lập mạnh mẽ của dân tộc ta thời ấy. Vào đêm trung thu năm Kì Mão, tức là đêm ngày 9 tháng 9 năm 979 Đinh Tiên Hoàng mất, ở ngôi 12 năm, thọ 56 tuổi. Thời gian tuy ngắn ngủi, nhưng Đinh Tiên Hoàng đã là người kiệt xuất có công mở đầu nền phong kiến tập quyền ở nước ta, *“tài năng, thông minh hơn người, dũng lược nhất đời”* (Đại Việt sử kí toàn thư).

Để tưởng nhớ công lao của vua Đinh Tiên Hoàng, nhân dân Hoa Lư đã xây dựng đền thờ ông ở làng Trường Yên Thượng, nên gọi là Đền Thượng.

Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng ở phía Nam đền thờ vua Lê Đại Hành. Hai ngôi đền đều được xây dựng từ sau khi Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, tương truyền, nằm trên nền cung điện chính của kinh đô Hoa Lư ngày xưa. Hai đền đều quay hướng Bắc, trông ra núi Hò, núi Chê. Núi Hò ở gần cầu Đông (nằm ở phía Nam cầu Đông). Núi Chê ở phía Bắc cầu Đông, cách cầu Đông khoảng 30 mét, nằm bên Tây sông Sào Khê. Núi có một ngọn chê ra hướng Bắc nên gọi là núi Chê. Hai quả núi này như hai con hổ phục châu về núi Cột Cờ (nằm ở phía Đông Bắc núi Chê). Thời gian khắc nghiệt đã làm hư hỏng hai ngôi đền.

Đầu thế kỷ XVII, Lê Quận Công Bùi Thời Trung, người làng Chi Phong, tổng Trường Yên, nay là thôn Chi Phong, xã Trường Yên (là con ông Mĩ Quận Công

Bùi Văn Khuê), sau khi bỏ nhà Mạc theo nhà Lê (đời vua Lê Kính Tông (1600 — 1619), niên hiệu Thịnh Đức thứ nhất (1600)) (1), đã xây dựng lại hai ngôi đền như cũ, nhưng chuyển hướng, quay hướng Đông. Năm ấy Bùi Thời Trung là quan Đô đốc Hiệu lực Tứ vệ quân vụ sự bộ Lễ. Năm Hoàng Định thứ 7 (1606) đã dựng bia ghi lại điều đó.

Sang đời vua Lê Hi Tông (1676 — 1705) niên hiệu Vĩnh Trị thứ nhất (1676), nhân dân xã Trường Yên đại tu lại hai ngôi đền.

Đến nhà Nguyễn, đời vua Nguyễn Thành Thái (1889 — 1907), niên hiệu Thành Thái thứ 10 (1898), ông Bá Kênh tức Dương Đức Vinh (1850 — 1909) (2), người

-
- (1) Bùi Thời Trung là con Mĩ Quận Công Bùi Văn Khê và Nguyễn Thị Niền. Bùi Văn Khuê là dũng tướng, nhà Mạc phong Sơn Quận Công. Sau quy thuận nhà Lê, lập công. Nhà Lê phong Bùi Văn Khuê là Nghĩa Quận Công, phong Bùi Thời Trung là Lê Quận Công, làm tướng đạo Sơn Nam, sau đi tu. (“Đại nam nhất thống chí” — Tập 3 — NXB KHXH — Hà Nội — 1971 — Trang 264)
- (2) Cụ Hậu Tề là thân sinh ra ông Dương Đức Vinh. Khi đã ngoài 60 tuổi, cụ Hậu Tề có 6 người con gái, nhưng vẫn chưa có con trai, nên phải đi lễ cầu tự ở chùa Tháp (Báo Thiên Tháp Tự) (trước đây ở vị trí gần bến đò Trường Yên - nay không còn). Đến năm cụ 63 tuổi mới sinh được ông Dương Đức Vinh. Gia đình rất vui mừng, nhưng sợ khó nuôi, nên khi sinh ra, đem ông Vinh dề ở cổng Hồ (cổng đá cách đền thờ vua Lê Đại hành về phía Bắc hơn 50 mét), sau đó mới đem về nhà nuôi và đặt tên là Công. Về sau gọi chệch là Kênh. Ông Vinh sau này làm Chánh tổng, được nhà Nguyễn phong tước Bá, nên người ta quen gọi ông là Bá Kênh. Ông tham gia phong trào Văn Thân. Giặc Pháp truy lùng định bắt, nên ông phải xuống Nhà thờ đá Phát Diệm lẩn trốn. Thời gian ở đây đã làm ông nảy ra ý định tôn tạo đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng cao lên bằng đá. Lúc đã yên ổn, ông trở về làng, không làm Chánh tổng nữa, bàn bạc với dân Trường Yên Thượng tôn cao đền Đinh lên Đền thờ nghiêm, ông làm

Thăm đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, vào cổng cuốn phía Bắc gọi là Ngọ Môn Quan (cổng ngoài), du khách nhìn thấy bốn chữ Hán “Bắc Môn Tòa Thượng” (Cửa Bắc khóa chặt). Qua cổng, quay nhìn lại, du khách lại thấy bốn chữ Hán nữa là “Tiền Triều Phượng Các” (Cửa phượng triều trước).

Đi thẳng vào chính giữa, du khách thấy có sập đá nhỏ, hai bên có hai con nghê đá châu được chạm khắc rất đẹp bằng đá xanh nguyên khối. Tiếp đó là Nghi Môn Ngoại (cửa ngoài), ba gian, dựng bằng gỗ lim, lợp ngói. Du khách đi theo đường Chính đạo lát gạch đến Nghi Môn Nội (cửa trong) cũng là ba gian, xây dựng bằng gỗ lim, lợp ngói. Điều độc đáo là Nghi Môn Nội kiến trúc theo ba hàng chân cột - dạng kiến trúc sớm nhất ở nước ta. Bốn góc ngoài của Nghi Môn Nội còn xây bốn cột trụ cao.

Vẫn đi theo đường Chính đạo lát gạch, bên tay phải du khách là một vườn hoa, tiếp đó là năm gian nhà Vọng - nơi các cụ bàn việc tế lễ. Ở giữa vườn hoa có hòn non bộ “Hình nhân bá tướng” (Con người ngưỡng vọng) như dáng một cụ già, tóc bạc dài hất về phía sau, mặt đang ngược lên như nhìn xem trời đất thế nào? Bàn tay trái của cụ duỗi ra giơ lên gần mặt, để nhìn được rõ. Tay phải cụ cầm gậy chống cho vững chắc.

Bên tay trái du khách, đằng đối theo đường Chính đạo cũng là một vườn hoa, tiếp đó là năm gian nhà Khai Thánh - nơi xưa kia thờ cha mẹ vua Đinh Tiên Hoàng.

Ở giữa vườn hoa cũng có một hòn non bộ lớn “Cửu long tranh châu” (9 rồng tranh ngọc), cao gần 3 mét. Vì là đền thờ vua nên nhân dân tạo dựng hòn non bộ này. Nói đến vua là nói đến Rồng - con vật tượng trưng cho thanh cao, quyền quý. Nhưng đây là 9 con rồng (theo quan niệm của đạo Phật, số 9 là tượng trưng cho vô cùng) đang quây quần, quán quýt cùng vờn một hòn ngọc quý. Chín con rồng bằng đá tự nhiên uốn lượn rất uyển chuyển, mềm mại như một tác phẩm điêu khắc gỗ tuyệt hảo!

Hai hòn non bộ ở hai vườn hoa của đền, một hòn biểu tượng cho linh thiêng, cao quý, một hòn là hình dáng một con người bình thường tự tin, nhìn trời cao, biểu tượng cho khát vọng và sức mạnh của con người.

Tiếp đầu hồi phía Tây nhà Khải Thánh (bên tay trái du khách), là Nhà Bia thấp (đã được trùng tu lại), du khách vào phải cúi đầu, bên trong dựng 3 tấm bia đá. Đặc biệt tấm bia ở giữa chạm khắc năm Chính Hòa thứ 17 (1696) ghi: “Bãi kí bia công đức ở miếu Đỉnh Tiên Hoàng triều trước”, chân bia chạm khắc nổi rõ con cua (ở giữa), hai bên là hai con chuột. Hai càng to lớn quá cỡ như khẳng định sức mạnh của cua trước hai con chuột.

Du khách qua hai cột đồng trụ cao to nữa là đến sân rồng. Trên sân rồng ngay trước gian giữa của Bái Đường có sập Long Sàng bằng đá xanh nguyên khối rất độc đáo. Đây là một Long Sàng đá đẹp nhất, có giá trị nhất ở nước

ta, bởi tài nghệ chạm khắc đá điêu luyện của các nghệ nhân đã tạo dựng Long Sàng.

Long Sàng có hình khối hộp chữ nhật, dài 1,80 mét, rộng 1,40 mét, cao 0,95 mét (kể cả bệ). Chọn được những tảng đá xanh nguyên khối nặng khoảng trên 20 tấn đưa về đây đã là một kì công!

Điều kì diệu là khối đá đó lại được đẽo gọt, chạm khắc làm thành một chiếc giường rồng ngoạn mục. Mặt Long Sàng chạm khắc nổi một con rồng lớn, có thân mập, đuôi thẳng, phủ vẩy đơn. Đầu rồng ngẩng cao, hai túm bờm bay ngược lên, còn hai dải râu lại thả lỏng phía dưới. Má rồng còn có hai hàng râu trải đều như hai cánh phượng. Con rồng có dáng khỏe, râu bờm tua tủa, sắc nhọn như những tia chớp, biểu tượng khát vọng của con người, muốn mưa thuận gió hòa để cày cấy thuận lợi.

Vào những ngày trời mưa rồi tạnh, nhìn mặt Long Sàng bóng nước, vẩy rồng lấp lánh như dát bạc. Con rồng như đang uốn lượn bơi trong bể nước in bóng mây trời tuyệt đẹp.

Rồng là con vật linh thiêng tượng trưng cho Vua - đấng thiên tử tối cao được chạm khắc ở mặt Long Sàng. Còn diềm Long Sàng lại được chạm khắc các con vật rất bình thường của quê hương sống ở dưới nước, trên cạn như: tôm, cua, cá và chuột. Những con vật này tượng trưng cho nhân dân. Điều độc đáo ở đây là, tất cả những con vật đều như sống hòa quyện, cùng nhau bơi lội, nô giỡn rất vui vẻ và thỏa mãn.

Phải chăng, những nghệ sĩ dân gian sáng tạo ra Long Sànng đã có tư tưởng phóng khoáng, đậm tính nhân văn?

Hai bên tả hữu của Long Sànng có hai hàng chân cột bằng đá để cấm bát biểu, vũ khí, cờ trong những ngày hội, tượng trưng cho các thứ bậc của các quan văn võ trong triều. Mười thanh long đao, tượng trưng cho mười đạo quân của Đinh Tiên Hoàng.

Hai bên Long Sànng còn có hai con rồng bằng đá xanh nguyên khối tạc bán thân kiểu yên ngựa rất công phu. Trên mình và phía dưới bụng rồng chạm khắc những nét mây đao mác vun vút tỏa về phía sau, tạo cảm giác như hai con rồng đang muốn lao về phía trước. Cảnh đó đặt hai con nghệ đá ngồi chầu, cũng bằng đá xanh nguyên khối. Đầu nghệ ngẩng cao, mồm há, nanh nhe, mũi héch, tóc xoắn, bụng thót lại, nên từng thớ thịt ở hông nổi rõ lên. Vẽ đuôi hai chân trước và sau còn được chạm khắc thêm vài nét mây đao vút nhọn. Vì vậy nhìn hai con nghệ thấy rất khỏe nhưng cũng rất hiền từ. Dáng hình hai con nghệ ngồi rất giống với dáng ngồi của chó đá, hổ đá trong nghệ thuật điêu khắc dân gian Việt Nam.

Long Sànng, rồng đá, nghệ đá này đều được làm ở thế kỉ XVII cùng thời kì Lê Quận Công Bùi Thời Trung và nhân dân xã Trường Yên xây dựng lại hai ngôi đền Đinh, Lê. Đó là những khối đá có hồn, bay bổng như hồn người, nói lên khát vọng của con người, thể hiện nghệ thuật chạm khắc đá tài hoa, tinh xảo, điêu luyện của các nghệ nhân Hoa Lư mang đậm dấu ấn phong cách dân gian và phong cách nghệ thuật của thời Hậu Lê.

Như thế Long Sàng không đứng độc lập một mình, xung quanh còn có những đồ thờ và những con vật thờ khác. Tất cả như hài hòa, bổ sung cho nhau, có cao, có thấp, có khối hình mạnh mẽ, nhưng cũng có những đường nét rất mềm mại, uyển chuyển tạo thành một tổng thể điêu khắc đã tôn thêm vẻ đẹp lộng lẫy của Long Sàng.

Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng có ba tòa: Bái Đường, Thiệu Hương và Chính Cung.

Từ sân Rồng bước lên cao 0,5m là Bái Đường, năm gian. Kiến trúc của Bái Đường độc đáo, cửa lui vào tận hàng cột cái, tạo thành các mảng chõng rường để có các bức diềm chạm khắc trang trí, đồng thời làm cho hiên của Bái Đường rộng thêm.

Ngắm nhìn các bức diềm, du khách sẽ bị cuốn hút bởi nghệ thuật chạm khắc gỗ ở đây đạt đến trình độ điêu luyện, phong phú. Các mô típ chạm khắc gỗ là: lưỡng long châu lá đề, lưỡng long châu nguyệt, chim phượng châu mặt nguyệt, lân châu lá đề... Mặt nguyệt có thêm chữ "Vạn" nhà Phật, hoặc chữ "Ngọc". Chim phượng trông như con sáo. Con lân đang như nhòai về phía trước.

Người nghệ nhân đã khéo kết hợp giữa chạm nổi và chạm lõng làm cho các mảng chạm khắc gỗ rất sinh động, tài hoa.

Cũng tại hiên của Bái Đường, du khách còn choáng ngợp bởi những cột gỗ lim cao to có đường kính khoảng 0,5 mét được đặt trên những tảng đá có hông lớn. Mười hai cột gỗ lim tròn của hai hàng cột sừng sững đứng trên đá rất vững chãi, bề thế và hiên ngang. Đặc biệt, nguồn

cửa của Bái Đường được làm toàn bằng đá xanh nguyên khối và chạm khắc các họa tiết trang trí rất nghệ thuật. Ngưỡng cửa gian giữa, chạm khắc lưỡng long châu nguyệt, hai gian hai bên chạm khắc tứ linh, tiếp hai gian nữa chạm khắc súng kiếm, cuốn thư và bút mực.

Không chỉ ở hiên Bái Đường mà trong Bái Đường, Thiêu Hương và Chính Cung cũng đều có những cột lim tròn cao to đặt trên các tảng đá vuông, cổ bông và đều được sơn son thiếp vàng rực rỡ. Màu đỏ nổi lên biểu hiện sinh khí của con người, tạo cảm giác linh thiêng, gợi lại chốn cung điện xưa nguy nga lộng lẫy vàng son.

Điều độc đáo nữa là, tất cả các tảng đá vuông, cổ bông và những phiến đá xung quanh ở cả ba tòa, cũng đều được chạm lộng, chạm nổi những họa tiết trang trí theo các đề tài quen thuộc như: Tứ linh (long, li, quy, phượng), tứ quý (thông, mai, trúc, cúc hoặc mai, sen, cúc, trúc), lưỡng long châu nguyệt, long hí thủy, long hàm thọ, tùng hạc, cuốn thư, kiếm súng, hoa lá sen... Một số phong cảnh của quê hương Trường Yên cũng được chạm khắc như: cầu Đông, cầu Rền, chùa Tháp, Ghềnh Tháp...

Phải chăng, những người nghệ sĩ dân gian tài hoa đã từng làm nên công trình kiến trúc độc đáo của dân tộc - Nhà thờ đá Phát Diệm, nay lại đến đây tôn tạo đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng? Đường nét chạm khắc đá của họ tinh vi, mềm mại, hoàn hảo, đẹp lạ thường, khiến du khách phải ngợi ca, thán phục. Sẽ là một thiếu sót, nếu thăm đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, du khách không thưởng thức nghệ thuật chạm khắc gỗ ở hiên Bái Đường và nghệ thuật chạm khắc đá trên các ngưỡng cửa đá và những tảng đá cổ bông.

Bước vào trong Bái Đường, nhìn lên, du khách trông thấy trên cao ở gian giữa có tấm biển đề ba chữ Hán lớn được sơn son thiếp vàng lộng lẫy: “Chính Thống Thủy” (Mở nền chính thống). Hai cột giữa có treo câu đối:

“Cờ Việt quốc đương Tống Khai Bảo.

Hoa Lư đô thị Hán Tràn An”

(Nước Đại Cờ Việt sánh ngang niên hiệu Khai Bảo của nhà Tống (Trung Quốc))

Kinh đô Hoa Lư như kinh đô Tràn An của nhà Hán (Trung Quốc))

Bái Đường thờ công đồng, gian bên tay trái du khách, đặt cái trống có đường kính 1,2 mét, gian bên tay phải du khách treo một quả chuông. Trong Bái Đường, ở gian giữa có đôi “xà cổ ngỗng” rất đẹp, để đỡ mái vừa che các đầu hoành, là kiểu kiến trúc rất độc đáo.

Xem xong Bái Đường, du khách vào Thiệu Hương - kiến trúc theo kiểu nhà ống múng. Trong Thiệu Hương để các nhang án đặt các ngai, bát hương thờ tứ trụ triều Đinh gồm: Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ.

Điều đặc biệt là bốn người này đều cùng quê (xã Gia Phương, huyện Gia Viễn), cùng tuổi Giáp Thân (924), cùng là bạn chẵn trâu thươ thiếu thời với Đinh Bộ Lĩnh. Riêng Nguyễn Bặc và Đinh Điền đã cùng Đinh Bộ Lĩnh kết nghĩa Đào viên (1). Nguyễn Bặc khi đi trần trâu ở Thung Lau (xã Gia Hưng, huyện Gia Viễn) bị hổ vồ, Đinh

(1) Đào viên: Lấy diên Lưu Bị, Quan Vũ và Trương Phi đời Tam Quốc kết nghĩa làm anh em ở dưới cây đào

Bộ Lĩnh đã dùng giáo nứa đâm đuôi hô cứu Nguyễn Bặc (1).

Khi Đinh Bộ Lĩnh đứng lên dẹp loạn 12 sứ quân thì Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Trịnh Tú, Lưu Cơ theo Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn và đều lập công lớn, nhất là Đinh Điền và Nguyễn Bặc.

Năm Tân Mùi (971) Đinh Tiên Hoàng định ra giai phẩm cho các quan văn võ, phong Nguyễn Bặc làm Định Quốc Công (tước công, quyền định liệu việc nước) và giữ chức Thái Tể - “nội thống vạn cơ” (làm công việc chức phận của Tể tướng - bây giờ gọi là Thủ tướng); cử Lưu Cơ làm chức Sĩ Sư ở Đô Hộ Phủ. Đinh Điền được vua Đinh Tiên Hoàng phong chức Ngoại Giáp, cai quản công việc bên ngoài kinh đô. Trịnh Tú được vua Đinh Tiên Hoàng cử đi sứ sang nhà Tống (Trung Quốc) năm Ất Hợi (975).

Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Trịnh Tú, Lưu Cơ đã trở thành các vị khai quốc công thần, tứ trụ của nhà Đinh. Nguyễn Bặc là đệ nhất công thần.

Riêng Nguyễn Bặc và Đinh Điền có cuộc đời rất bi tráng. Sau khi vua Đinh Tiên Hoàng và con cả Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám hại, triều đình đưa Đinh Toàn mới 6 tuổi lên làm vua. Lê Hoàn đang giữ chức Thập Đạo Tướng Quân. Điện Tiền Chỉ Huy Sứ nắm quyền hành

(1) Ở Nghi Môn Nội đền Đinh trên quả giang bên phải (theo hướng đi vào) có bức chạm trổ ghi lại chuyện đó: Tay phải Đinh Bộ Lĩnh nắm đuôi, tay trái cầm đoạn nứa vót nhọn đâm hô.

trong triều chính và tự xưng là Phó Vương. Ngờ Lê Hoàn sẽ không có lợi cho vua còn nhỏ, Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc và Ngoại Giáp Đinh Điền mới cùng nhau cất quân từ Ái Châu (Thanh Hóa) chia làm hai đạo thủy, lục tiến về kinh đô giết Lê Hoàn, nhưng việc không thành. Lê Hoàn đã cầm quân ra Tây Đô (Thanh Hóa) đánh nhau với Đinh Điền và Nguyễn Bặc, Đinh Điền bị chết ngay tại trận, bắt được Nguyễn Bặc đóng cũi đưa về kinh đô, kể tội rằng: *“Tiên Đế bị nạn, thần người đều căm giận, người là tôi con lại nhân hoạn nạn mà bội nghĩa, khởi binh làm loạn, chức phận tôi con như thế đấy à?”*. Sau đó Lê Hoàn cho chém đầu Nguyễn Bặc. Thi thể Nguyễn Bặc sau được đưa về quê an táng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên đánh giá cái chết của Đinh Điền và Nguyễn Bặc là: *“Việc khởi binh ấy không phải là làm loạn, là một lòng phù tá họ Đinh, đánh Hoàn không được mà chết, cái chết ấy là đáng chỗ”* (Đại Việt sử kí toàn thư).

Ở Thiêu Hương có một nhang án rất đẹp được làm vào thế kỷ XVII. Trên nhang án để mũ “Bình Thiên” tượng trưng cho vương niệm của vua Đinh Tiên Hoàng.

Du khách chú ý nhìn các mảng ván bưng chạy dài suốt xà lòng, thấy đàn rồng được chạm khắc tỉa tót rất công phu. Kỹ thuật chạm nổi và chạm lõng của các nghệ sĩ dân gian tài hoa đã làm cho những con rồng như đang bay trong mây trời. Điều đó cũng thể hiện một tài năng, sáng tạo,

thông minh của các nghệ sĩ dân gian Việt Nam ở thế kỉ XVII trong nghệ thuật chạm khắc gỗ.

Đi hết tòa Thiệu Hương, du khách bước vào Chính Cung năm gian, cũng có các ngưỡng cửa đá. Gian giữa Chính Cung thờ tượng vua Đinh Tiên Hoàng bằng đồng nhưng được sơn son thiếp vàng, đầu đội mũ Bình Thiên, mặc áo Long Cổn, ngồi trong ngai, đặt trên sập rồng đá, dáng rất uy nghi, đường bệ (1).

Hai bên sập rồng đá (bệ thờ bằng đá xanh nguyên khối) để tượng vua Đinh Tiên Hoàng, có hai con rồng châu bằng đá bán thân, tạc theo kiểu yên ngựa giống như hai con rồng châu bên Long Sàng ở ngoài sân rồng. Nhưng hai con rồng này lại đẹp hơn nhiều, có những nét rất độc đáo. Dưới bụng con rồng đá bên phải tượng vua Đinh Tiên Hoàng, tạc thêm con cá chép đang bú rồng. Như thế con rồng này là rồng cái, còn biểu tượng cho tích "Cá hóa long" (cá chép hóa rồng). Cứ đến ngày 8 tháng 4 (âm lịch) hàng năm, cá chép lại vượt vũ môn để hóa rồng:

"Mông bốn cá đi ăn thề,

Mông tám cá về cá vượt vũ môn"

(Ca dao)

Dưới bụng con rồng bên trái tượng vua Đinh Tiên Hoàng lại có con cá trắm đang đớp con tôm, nom rất ngộ nghĩnh. Phải chăng, các nghệ sĩ dân gian muốn thể hiện sự hòa quyện giữa con vật linh thiêng với những con vật

(1) Tượng do cụ Hậu Tề thần sinh ra ông Dương Đức Vinh đúc bằng đồng.

bình thường như đã có ở Long Sàn đá ngoài sân rồng. Hai con rồng đặt trong Chính Cung, được che mưa nắng, không bị phong hóa. nên những nét chạm khắc còn nguyên vẹn, rõ đến từng chi tiết nhỏ nhất. Râu và bờm rồng lượn mềm mại trông rất hoàn hảo.

Gian bên phải tượng vua Đinh Tiên Hoàng thờ tượng Đinh Hạng Lang (ngoài), Đinh Đế Toàn (trong) đều quay mặt về phía Bắc, là hai con thứ của vua Đinh Tiên Hoàng.

Đinh Hạng Lang được vua Đinh Tiên Hoàng rất yêu quý, nên mặc dù là con thứ vẫn được lập làm Thái Tử năm Mậu Dần (978). Đến năm Ki Mão (979) Đinh Liễn đã cho người ngầm giết Đinh Hạng Lang.

Đinh Đế Toàn là con thứ ba và là đời vua thứ hai của nhà Đinh (Phế đế), sinh năm Giáp Tuất (974).

Năm 978 vua Đinh Tiên Hoàng phong Đinh Toàn là Vệ Vương. Sau khi vua Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị Đỗ Thích ám hại, Nguyễn Bặc và Lê Hoàn đưa Đinh Toàn lên làm vua từ tháng 11 năm 979. Đinh Toàn còn nhỏ, chưa lãnh đạo được triều chính, nên đến tháng 7 năm 980 Lê Hoàn lên làm vua. Đinh Toàn bị giáng xuống làm Vệ Vương. Năm Tân Sửu (1001), Đinh Toàn theo vua Lê Đại Hành đi dẹp loạn ở Cửu Long (Thanh Hóa) trúng phải tên độc của giặc, chết lúc mới 27 tuổi.

Gian bên trái tượng vua Đinh Tiên Hoàng thờ tượng Đinh Liễn quay mặt về phía Nam là con trưởng của vua Đinh Tiên Hoàng. Khi còn hàn vi, Đinh Liễn đã cùng Đinh Bộ Lĩnh tham gia dẹp loạn 12 sứ quân, có nhiều công lao. Đinh Liễn đã thay thân phụ sang tiền cống bên Hậu Ngô

Vương, đã từng bị Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương bắt treo ngược trên cành cây.

Sau khi lên ngôi, đến năm Kì Tị (969) vua Đinh Tiên Hoàng phong Đinh Liên làm Nam Việt Vương. Năm Nhâm Thìn (972) vua Đinh Tiên Hoàng sai Đinh Liên đi sứ sang nhà Tống (Trung Quốc). Năm sau (973) Đinh Liên đi sứ về, nhà Tống sai sứ sang nước Đại Cồ Việt phong cho Đinh Liên làm Kiểm Hiệu Thái Su Tĩnh Hải Quân Tiết Độ Sứ An Nam Đô Hộ. Đinh Liên tưởng rằng mình có nhiều công lớn thân phụ sẽ phong cho làm Thái Tử. Nhưng vì vua Đinh Tiên Hoàng quá yêu quý con nhỏ là Hạng Lang nên đã lập Hạng Lang làm Thái Tử. Vì thế Đinh Liên không bằng lòng, nên đến mùa xuân năm 979 đã cho người ngầm giết em là Đinh Hạng Lang. Đến tháng 10 năm đó Đinh Liên đã bị Đỗ Thích giết cùng với vua cha.

(Sau khi giết em, Đinh Liên rất ân hận, nên đã lập 100 tòa kinh Phật bằng đá ở cạnh kinh đô, trên bờ sông Hoàng Long, để cầu cho linh hồn Đinh Hạng Lang được siêu thoát).

Các tượng này đều tạc bằng gỗ mít được sơn son thiếp vàng đặt trên các bệ đá xanh nguyên khối.

Tương truyền, ngày xưa ở dưới tượng vua Đinh Tiên Hoàng còn có tượng Đỗ Thích rất nhỏ bằng gỗ.

“Mùa đông, tháng 10, Kì Mão (979), Chi Hậu Nội Nhân là Đỗ Thích giết vua ở sân cung đình. Bọn Đinh Quốc Công Nguyễn Bặc bắt Đỗ Thích giết. Trước đây, Đỗ Thích làm Đông quan lại, đêm nằm ở trên cầu, chợt thấy sao sa vào mồm, cho là điềm tốt, mới manh tâm giết vua. Đến

dây, nhân vua ăn yên ban đêm, say nằm ở trong sân. Thích bèn giết, lại giết cả Nam Việt Vương Liễn. Khi ấy việc bắt hung thủ rất ngặt. Thích trốn ở trên máng nước trong cung, qua ba ngày khát quá, gặp trời mưa lấy tay hứng nước mưa uống. Bọn cung nữ thấy vậy mới báo với Định Quốc Công Nguyễn Bặc. Bặc sai người bắt đem chém, đập nát xương và băm thịt ra từng mảnh... ”(Đại Việt sử kí toàn thư) (1).

Còn theo truyền thuyết dân gian thì kể: Đỗ Thích ở trong triều là quan nội giám. Một đêm hắn mơ thấy sao rơi vào mồm cho là mình sẽ lên làm vua, bèn cho thuốc độc vào lòng lợn, tiết canh để cho vua ăn, ngộ độc chết. Vì thế trong các lễ vật cúng tế vua Đinh Tiên Hoàng ở đền không bao giờ có món lòng lợn và tiết canh. (2)

(1) Tập 1 - NXB KHXH — Hà Nội — 1972 — Trang 168.

(2) Để giải thích thời gian ở ngôi của Nhà Đinh ngắn ngủi, chi được 13 năm, dân gian còn lưu truyền một truyền thuyết sau: Một hôm, mẹ Đinh Bộ Lĩnh ra sông tắm, gặp một con rái cá. Khi về, bà có thai sinh ra ông. Sau đó ít lâu, người ta bắt được con rái cá ấy, đem giết lấy thịt ăn, xương được vứt vào một bụi rậm. Mẹ Đinh Bộ Lĩnh thương tình, đợi đến đêm lên ra bụi rậm, nhặt hết xương của con rái cá bỏ vào một cái mo cau rồi đem giấu trên gác bếp. Thời gian trôi qua, Đinh Bộ Lĩnh lớn lên trở thành chú bé có tài bơi lặn như rái cá, có thể lặn rất lâu dưới đáy sâu để bắt cá và ba ba. Một hôm, có một thầy địa lí người Tàu đến vùng này để thăm dò đất đai. Đi theo sông Đại Hoàng, lão gặp một vực nước xoáy rất mạnh. Vì là một nhà phong thủy nên lão biết ngay ở đấy có huyết để vương, liền gọi bọn trẻ chân trâu đang chơi đùa gần đó hỏi: “Có chú nào lặn được xuống đáy vực nước, xem có gì không lên kể lại, ta sẽ thưởng tiền cho” Bọn trẻ lắc đầu lè lưỡi. Riêng Đinh Bộ Lĩnh cùng ở trong đám trẻ trâu nhận lời. Đinh Bộ Lĩnh hụp một hơi lặn xuống tới đáy vực và rất ngạc nhiên thấy có một con rồng đá mồm đang há to như chục nuốt những ai đến gần nó. Đinh Bộ Lĩnh vội nhào người lên bờ kể lại cho thầy địa lí nghe. Lão mừng rỡ thưởng tiền cho Đinh Bộ Lĩnh và hẹn 10 ngày sau sẽ trở lại nhờ Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống

Vì có tội giết vua, nên hàng năm, cứ đến ngày tế vua Đinh Tiên Hoàng, dân làng lại đem tượng Đỗ Thích ra đánh ba roi hay “khảo ba vò” để răn dạy những kẻ có tội. Hiện nay, tượng Đỗ Thích đã không còn nữa, vì bị đánh nhiều lần nên vỡ.

Trong Chính Cung có câu đối ca ngợi sự nghiệp thống nhất của vua Đinh Tiên Hoàng:

“Ngã Nam đế thống đệ nhất kì.

Trường Yên miếu mạo vạn niên thu”

(Nước Nam thống nhất kì thứ nhất.

Trường Yên đền miếu muôn ngàn năm).

một lần nữa. Y hẹn, đúng 10 ngày sau, lão đến, mang theo một cái bọc buộc rất chặt và nặng, bảo Đinh Bộ Lĩnh: “Hãy lặn xuống chỗ cũ, rút cái bọc này vào miệng con rồng đá rồi lên ngay, ta sẽ thưởng cho 10 nén bạc”. Đinh Bộ Lĩnh lặn xuống và nắn cái bọc, hiểu ngay đây là hài cốt của bố lão ta đem táng vào miệng rồng đá, bèn liệng cái bọc đó ra đáy sông, sau đó lên bờ trả lời đã làm xong việc. Lão ta còn hỏi thêm: “Rồng đá có ngậm miệng lại không?” Đinh Bộ Lĩnh thông minh trả lời luôn: “Rồng đá ngậm miệng lại ngay”. Thế là lão thưởng 10 nén bạc cho Đinh Bộ Lĩnh rồi hí hửng ra về, đinh ninh là mình sẽ được lên làm vua. Đinh Bộ Lĩnh chạy về nhà hỏi mẹ: “Mẹ ơi! Mẹ bố con ở đâu?” Bị hỏi bất ngờ, bà mẹ Đinh Bộ Lĩnh bực mình gắt: “Ở trên gác bếp ấy!”. Đinh Bộ Lĩnh vào gác bếp tìm thấy một bọc gói bằng mo cau, ôm chạy ra chỗ vục xoáy, lặn xuống bỏ luôn vào miệng rồng đá. Quả nhiên miệng rồng đá ngậm lại ngay. Thầy địa lí Tàu về nước, xem phong thủy thấy huyết dễ vương không phát về mình mà lại ứng vào chú bé đó, nên lại sang nước ta tìm Đinh Bộ Lĩnh bảo: “Nay mai chú sẽ lên làm vua. Nhưng muốn cho vững bền lâu dài, chú hãy đem hai thanh gươm này để lên cổ con rồng đá đó”. Đinh Bộ Lĩnh tưởng thật cầm hai thanh gươm đã buộc vào nhau, lặn xuống đặt lên cổ rồng đá. Ý đồ thâm hiểm của thầy địa lí Tàu là khi nước chảy hai thanh gươm sẽ cọ sát vào cổ rồng đá, một thời gian sau cổ rồng đá gãy, như thế Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi vua sẽ không được lâu. Đây chỉ là câu chuyện dân gian mang màu sắc hoang đường để giải thích hiện tượng Đinh Bộ Lĩnh ở ngôi vua ngắn ngủi mà thôi.

Khu vực đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng còn có các cây đại thụ, cây ăn quả, cây cảnh, cây hoa đan xen, hòa quyện, bổ sung cho nhau, tạo nên sự bề thế, hoành tráng, tôn nghiêm. (1)

Thăm đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, Thám hoa Vũ Phạm Hàm đã xúc cảm viết bài thơ : “Đền vua Đinh Tiên Hoàng” như sau:

*“Thào muội thiên sinh Thánh,
Hoa Lư đế tác bang,
Cơ khai Đại Cồ Việt,
Thông tiếp cổ Hồng Bàng.
Thế vận chung tu nhất,
Thần uy cánh tuyệt soang.
Thái Bình nghi vệ tại,
Lô dịch mần Thu giang”.*

Dịch thơ:

**“Bãi cỏ trời sinh giáng,
Thành Hoa chúa mở mang.
Đắp xây nền Cồ Việt,
Nói đôi họ Hồng Bàng.
Thế vận không thay đổi,
Thần uy mới rõ ràng.
Thái Bình nghi vệ đó.
Lau lách khắp Thu giang”.**

(Song An Dương Đình Thạc dịch)

(1) Có tham khảo bài “Đền vua Đinh” của Nguyễn Văn Trờ in trong sách “Danh thắng Ninh Bình” - Tập 1 — Sơ Văn hóa — Thông tin và Thể thao Ninh Bình — 1993.

ĐỀN THỜ VUA LÊ ĐẠI HÀNH

Lê Đại Hành (Lê Hoàn) là người Ái Châu (Thanh Hóa) (1) sinh ngày rằm tháng bảy năm Tân Sửu (941), cha tên là Lê Mịch, mẹ tên là Đặng Thị. Ông mồ côi cha mẹ từ khi còn nhỏ. Lớn lên, khi Đinh Bộ Lĩnh đứng lên dẹp loạn 12 sứ quân, ông về Hoa Lư (Ninh Bình) theo Đinh Bộ Lĩnh. Nhờ có tài thao lược, dũng cảm vô song, lúc đầu ông chỉ trông coi 2.000 binh sĩ, sau được Đinh Bộ Lĩnh tin dùng thăng dần đến chức Thập Đạo Tướng Quân.

Sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, triều đình đưa Vệ Vương Đinh Tuệ (Đinh Toàn) lên làm vua, lúc này Lê Hoàn được triều đình cử làm Nhiếp chính. Ông là người điều hành việc nước khôn khéo, hết sức giữ vững triều chính trong lúc hiểm nguy.

Khi quân nhà Tống lấn le thôn tính nước Đại Cồ Việt, được Thái hậu Dương Vân Nga trao ngôi báu, lấy áo Long Côn (2) (áo lễ thêu rồng của vua) khoác lên mình, Lê Hoàn đã lên ngôi vua năm 980, khi đó ông 40 tuổi.

(1) Theo "Đại Việt sử ký toàn thư" và theo Ngô Thì Sĩ với quyển "Việt sử tiêu án" thì cho rằng Lê Hoàn là người Ái Châu. Theo "Đại Việt sử lược" chép Lê Hoàn là người Trường Châu. Có ý kiến cho rằng Lê Hoàn quê ở làng Bao Thái, huyện Thanh Liêm, Hà Nam.

(2) Long là rồng. Côn là áo lễ của vua. Long Côn là áo lễ thêu rồng của vua.

Đầu năm Tân Tị (981), Lê Đại Hành trực tiếp cầm quân chỉ huy đánh giặc Tống ở Tây Kết, sông Bạch Đằng, Chi Lăng đưa đất nước trở lại bình yên, trừ được hiểm họa của giặc ngoại xâm. Ông là một nhà quân sự lỗi lạc, “*bác anh hùng nhất đời*” (Đại Việt sử kí toàn thư).

Năm Nhâm Ngọ (982) không sợ dị nghị, theo tiếng gọi của con tim, Lê Đại Hành quyết định lập Hoàng Thái Hậu nhà Đinh là Dương Vân Nga làm Hoàng Hậu.

Cũng năm đó, Lê Đại Hành thân chinh đi đánh quân Chiêm Thành xâm phạm bờ cõi phía Nam “*chém được vua Chiêm là Bê Mi Thuê*” (Đại Việt sử lược). Như thế từ mùa xuân năm 981 đến năm 982, chỉ trong vòng hơn một năm, Lê Đại Hành đã đánh thắng hai nước: phía Bắc phá Tống, phía Nam bình Chiêm, ghi một mốc son bảo vệ độc lập và chủ quyền của nước Đại Cồ Việt ở thế kỉ X.

Năm 984, vua Lê Đại Hành cho xây dựng thêm nhiều cung điện nguy nga, lộng lẫy, làm cho kinh đô Hoa Lư ngày càng hoàn chỉnh hơn. Đến năm 993, nhà Tống sắc phong cho vua Lê Đại Hành làm Giao Chỉ Quận Vương, năm 997 lại phong làm Nam Bình Vương.

Đến tháng 3 năm Ất Tị (1005) vua Lê Đại Hành qua đời tại kinh đô Hoa Lư, ở ngôi được 25 năm, thọ 64 tuổi.

Sau khi Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, nhân dân đã xây dựng đền thờ vua Lê Đại Hành cùng với đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng để tưởng nhớ công lao của ông.

Đền thờ vua Lê Đại Hành xây dựng ở làng Trường Yên Hạ, nên gọi là “Đền Hạ”, cách đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng về phía Bắc khoảng 300 mét. Trước mặt đền có núi Đền làm án.

Đền thờ vua Lê Đại Hành, nhìn chung có kiến trúc gần giống như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, cũng xây dựng theo kiểu “Nội công ngoại quốc”, chỉ có khác là đi vào đền theo cổng phía Đông, có thêm Từ Vũ, không có ngưỡng cửa đá và những tảng đá cổ bằng tôn cao lên như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Chính vì vậy, đền thờ vua Lê Đại Hành còn giữ nguyên được lối kiến trúc và điêu khắc ở thời kì Hậu Lê.

Từ hướng Đông, du khách đi thẳng vào đền thờ vua Lê Đại Hành, thấy một sập đá nhỏ, sát ngay đó là Nghi Môn Ngoại (cửa ngoài), ba gian. Qua Nghi Môn Ngoại, đi theo đường Chính đạo lát gạch, phía bên tay trái du khách là Từ Vũ của làng Trường Yên Hạ thờ Không Tử. Trước Từ Vũ là Tiên Bái. Trước Tiên Bái có hòn non bộ lớn bằng cả một tảng đá liền, mang thể “Phượng vũ” (phượng múa), cao 3 mét. Có lẽ, hòn non bộ này được tạo dựng từ sau khi tượng Thái hậu Dương Vân Nga ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng được đưa sang đền thờ vua Lê Đại Hành vào thời Hậu Lê để làm nổi rõ nơi thờ Thái Hậu Dương Vân Nga.

Hòn non bộ tượng hình chim phượng múa, mô quay vào đền, hai cánh như đang bay. Ấn trong thể núi ấy, còn có hình “tứ linh”: long, li, quy, phượng. “Con chim

phượng” không lồ đã đậu trên mình con rùa lớn. đầu rùa quay vào nhà Tiền Bái, có đủ các chân và đuôi. Nấp dưới con phượng múa là một con lân nhỏ. Nhìn một góc thân núi sẽ thấy dáng một con rồng đang uốn lượn. Thế núi “Tứ linh” thường chỉ có ở đền thờ vua.

Bên tay phải nhà Tiền Bái của Từ Vũ, ở mặt tiền, còn đặt hòn non bộ “Hô phục” gần gốc cây dưới thân to, có 9 múi, đã có tuổi thọ trên 300 năm. Bên trái nhà Tiền Bái là hòn non bộ có dáng “Voi quỳ”, được khắc hai chữ Hán: “Bất di”. Voi quỳ, hô phục là biểu tượng trước thánh thần, ai cũng phải quỳ phục tôn nghiêm.

Hai hòn non bộ này đều có chiều cao trên một mét, bằng đá xanh nguyên khối tự nhiên, không có tác động và sự gia công, đẽo gọt của nghệ nhân. Điều kì diệu của các hòn non bộ là ở chỗ đó. Thiên nhiên đẽo gọt, con người phát hiện ra để sử dụng.

Theo trục đường Chính đạo, đối xứng với Từ Vũ, bên tay phải du khách là một hồ nước rộng. Du khách qua Nghi Môn Nội (cửa trong), cũng ba gian, theo đường Chính đạo, kiến trúc dâng đối là hai vườn hoa, sau đó là hai dãy nhà Vọng (nơi xưa kia các cụ bàn việc tế lễ), mỗi dãy ba gian. Ở giữa vườn hoa bên tay phải du khách có hòn non bộ “Phượng ấp”. Ở giữa vườn hoa bên tay trái du khách là hòn non bộ “Long Mã” (mình ngựa, đầu rồng).

Đi qua hai cột trụ cao to là tới sân rồng. Sát với góc phía Bắc và phía Nam của sân rồng là hai nhà bia. Trong

hai nhà bia, đặt các bia đá chạm khắc rất tinh xảo ghi công lao của những người có công xây dựng đền.

Ở sân rồng, gần gian giữa của Bái Đường, cũng có Long Sàng đá nhưng không đẹp bằng Long Sàng đá ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Hai bên sập Long Sàng cũng có các hàng chân cột đá để cấm cờ, bát biểu, vũ khí trong các ngày hội, tượng trưng cho những thứ bậc của các quan văn võ.

Đền thờ vua Lê Đại Hành cũng có ba tòa: Bái Đường, Thiêu Hương, Chính Cung. Tất cả các xà, cột cũng được sơn son thiếp vàng. Đền thờ vua Lê Đại Hành thấp, có nhiều bức đại tự sơn son thiếp vàng, nên tạo cảm giác tráng lệ hơn, tối hơn, mang tính chất huyền ảo hơn.

Bái Đường đền thờ vua Lê Đại Hành cũng năm gian, hàng cửa cũng lui vào hàng cột cái như đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Mười hai cột gỗ lim của hai hàng cột cũng cao to sừng sững. Hiên của Bái Đường cũng rộng như ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Điều độc đáo ở đây là trên gian cửa giữa có treo bức hoành phi, trong đó có những dòng chữ Hán:

*“Nhất mộng liên hoa sinh,
Vạn cô lưu hương Tràng Xuân điện.
Bán dạ Hoàng Long ứng,
Ức niên di ảnh Đại Văn lâu”.*

Nghĩa là: “Nhân mơ thấy hoa sen mà sinh ra Lê Hoàn. Từ vạn cô tiếng thơm còn lưu mãi trên điện

Trường Xuân. Nửa đêm rồng vàng xuất hiện. Ngàn năm hình ảnh cũ còn lưu lại ở trên lầu Đại Vân".

Bức hoành phi này muốn gợi cho du khách nhớ đến truyền thuyết bà mẹ Lê Hoàn nhân mơ thấy hoa sen mà sinh ra ông, đồng thời cũng khẳng định công lao của Lê Hoàn đã xây dựng nhiều cung điện nguy nga, trong đó có điện Trường Xuân và lầu Đại Vân.

Cũng như ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, du khách nên dừng chân ở hiên Bái Đường để ngắm nhìn các bức cốn, diềm, xà, bẩy, chõng rường...

Các mảng chõng rường (cách xây dựng bằng gỗ có hệ thống đặt những đoạn gỗ chõng lên nhau trên câu đầu kết thành vì để gánh hoành mái) ở đây rất đẹp, là sự hội tụ của nghệ thuật chạm khắc gỗ. Đặc biệt sáu chiếc bẩy chạm khắc như sáu con rồng đang vươn lên cùng với các mảng chạm ở xà ngang tạo thành các thế: rồng hồ gặp nhau, rồng phun lửa, rồng ngậm ngọc. Có viên ngọc được chạm khắc thành một bông hoa cúc. Ngoài ra ở các mảng trang trí khác cũng chạm khắc rồng: hai rồng chầu ngậm ngọc, đàn rồng, rồng chầu... Các con rồng được chạm lõng, râu tóc tua tủa, nhọn sắc. Đường nét chạm gỗ đạt đến trình độ điêu luyện, tỉa tốt, công phu.

Điều đặc biệt ở hiên Bái Đường là chủ yếu chạm khắc những hình tượng các cây và con vật gắn liền với các truyền thuyết về vua Lê Đại Hành.

Ao sen được chạm khắc ba lần trong các trụ đầu: một ao sen không có cá, một ao sen có cá rô đang nhảy lên

dóp lá sen và một ao sen có cá rô đang bơi. Ba mảng chạm khắc ao sen này là ba cảnh ao sen khác nhau, sống động, đẹp tuyệt vời.

Con hổ được chạm khắc 9 lần. Ba con ở tư thế ngồi, trong đó có hai con ngồi châu đầu vào nhau. Sáu con hổ chạm khắc ở tư thế đang đi, có con như đang nô rốn với rồng. Cây trúc được chạm khắc 2 lần, nhưng là cảnh “trúc hóa long”, thân là trúc, ngọn là đầu rồng.

Truyền thuyết kể rằng, bà mẹ Lê Hoàn “*Lúc mới mang thai nằm mộng thấy nơi bụng mọc lên cây hoa sen, chóc lát thì kết trái. Bà hái đem chia cho mọi người cùng ăn*” (Đại Việt sử lược). Đến khi bà mẹ Lê Hoàn đi cấy ở cạnh một ao sen thì sinh ra Lê Hoàn. Bà đem ủ Lê Hoàn trong một khóm trúc và được một con hổ đến ấp ủ bảo vệ. Thấy thế, bà phải cầu xin hổ, hổ mới lững thững bỏ đi. Khi đó, bà mới đến bế ẵm Lê Hoàn về nhà được.

Ngoài các mảng chạm khắc trên, ở hiên Bái Đường còn chạm khắc đề tài: “cá hóa long”, nhưng cá chép lại được chạm khắc thành cá rô. Đầu cá biến thành đầu rồng, còn thân là thân cá rô. Điều đó gợi cho du khách nhớ đến câu ca dao lưu truyền ở Trường Yên:

“Đi thì nhớ câu cùng cô,

Khi về lại nhớ cá rô tông Trường (Trường Yên)”

Về nghệ thuật chạm khắc gỗ, hiên Bái Đường ở đền Lê đẹp hơn nhiều so với hiên Bái Đường ở đền Đinh.

Hầu như tất cả các xà, đầu trụ, bẩy, diềm, cốn đều được chạm khắc.

Thường thức nghệ thuật chạm khắc gỗ ở hiên Bái Đường xong, du khách hãy bước vào trong Bái Đường, thấy có ba tấm biển lớn sơn son thiếp vàng. Tấm biển ở gian giữa đề bốn chữ Hán: “Trường Xuân Linh Tích” (Dấu tích điện Trường Xuân). Tấm biển gian bên phải đề ba chữ Hán: “Dương Thần Vũ” (Biểu dương thần vũ). Tấm biển gian bên trái đề ba chữ Hán: “Xuất Thánh Minh” (Xuất hiện bậc thánh minh). Trong Bái Đường có các câu đối ca ngợi vua Lê Đại Hành:

- “Thần vũ thiếp tứ lân, thịnh Tống, cường Chiêm
thử nhật.

Tinh linh tồn thiên cổ, Long giang, Mã trục chi gian”.

(Thần vũ động bốn bên, trong lúc Tống cường, Chiêm thịnh.

Thiên linh còn muôn thuở, trong vùng sông Long (Hoàng Long), núi Mã (Mã Yên)).

- “Thụy vân cam vũ Thiên hựu ngưng.”

Tạc tỉnh canh điền Đế lực chi”.

(Mây lành mưa ngọt ơn Tiên Đế,

Đào giếng và cày ruộng là sức của Nhà vua) (1)

Nhìn lên gian giữa trong Bái Đường du khách còn thấy đôi “xà ngà voi” rất đẹp vừa đỡ mái vừa che các đầu

(1) Năm Đinh Hợi (987) vua Lê Đại Hành đã bắt đầu cày ruộng tịch điền. Đây là ruộng dành riêng cho nhà vua đi cày đầu xuân.

hoành như ở đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng. Bốn đầu dư ở trong Bái Đường cũng được chạm khắc thành bốn đầu rồng. Bái Đường thờ công đồng.

Tiếp theo Bái Đường là Thiệu Hương - kiến trúc theo kiểu ống muống (giữa đặt nhang án thờ, hai bên có lối đi hẹp nối Bái Đường với Hậu Cung). Trong Thiệu Hương thờ tứ trụ triều Tiền Lê: Phạm Cự Lượng, Lí Công Uẩn... Ở đây cắm bát biểu thờ và cũng có một nhang án khá đẹp.

Phạm Cự Lượng quê ở Nam Sách (Hải Dương) là em ruột tướng quân Phạm Hạp. Đời Đinh, Phạm Cự Lượng là một danh tướng, còn Phạm Hạp giữ chức Vệ Úy Tướng Quân. (Phạm Hạp đã cùng Đinh Điền, Nguyễn Bặc đem quân đánh Lê Hoàn. Lê Hoàn đã bắt được Phạm Hạp đưa về kinh đô chém đầu). Phạm Cự Lượng là người đã có công lớn trong việc đưa Lê Hoàn lên làm vua.

Năm Canh Thìn (980), nhà Tống sai Thái Thường Bác Sĩ là Hầu Nhân Bảo sang xâm lược nước ta. Đứng trước tình hình đó, Thái hậu Dương Vân Nga đã cử Phạm Cự Lượng làm Đại tướng quân để lãnh đạo quân sĩ chống quân xâm lược nhà Tống. *"Ngày xuất quân, Phạm Cự Lượng vào thẳng trong điện báo vua rằng: "Nay Chúa thượng còn nhỏ dại chưa hiểu biết được sự sinh năng, khó nhọc của bọn chúng tôi. Nếu như có một thước tấc công lao nào thì rồi ai biết cho. Không bằng cái cách là trước đưa Thập Đạo Tướng Quân lên ngôi Thiên Tử rồi sau mới ra quân". Quân sĩ nghe vậy đều hô "Vạn tuế".*

Thái hậu thấy tình người vui thuận mới sai lấy áo Long Cổn khoác lên mình Lê Hoàn và xin ngài lên ngôi” (1)

Từ đó Phạm Cự Lượng dốc lòng tôn phò, sát cánh cùng Lê Hoàn chiến đấu chống quân xâm lược Tống, lập nhiều chiến công hiển hách, trở thành vị tướng tài giỏi, được vua Lê Đại Hành phong đến chức Thái Úy.

Lí Công Uẩn quê ở làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông làm quan ở đời vua Lê Trung Tông (1005). Khi vua Lê Trung Tông bị Lê Long Đĩnh giết để cướp ngôi, mọi người đều xa lánh, duy chỉ có mình ông đã ôm xác vua Lê Trung Tông khóc. Chính vì thế vua Lê Long Đĩnh khen là người trung nghĩa, cho ông làm tới chức Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ (chức quan coi việc ở cung cấm, kiêm các ban trực điện tiền).

Năm 1009, Lê Long Đĩnh mất, Lí Công Uẩn được Đào Cam Mộc cùng các quan trong triều lập làm vua. Lí Công Uẩn lên ngôi vua năm 1010, lập ra nhà Lí. Thấy kinh đô Hoa Lư chật hẹp, Lí Thái Tổ (1010 — 1028) đã quyết định rời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La (Thăng Long — Hà Nội ngày nay).

Cũng ở trong Thiêu Hương du khách hãy chú ý ngắm nhìn hai bức mê ở cuối. Hai bức mê này đều được chạm khắc các con rồng quấn nhau, có cả rồng mẹ và rồng con.

(1) “Đại Việt sử lược” — NXB Thành phố Hồ Chí Minh — 1993 — Trang 97, 98.

Nối với Thiêu Hương là Chính Cung, năm gian. Gian giữa của Chính Cung, trên bệ đá đặt tượng vua Lê Đại Hành ngồi trong ngai vàng, đầu đội mũ Bình Thiên, nét mặt quắc thước. Gian bên trái tượng vua Lê Đại Hành là tượng Hoàng hậu Dương Vân Nga, còn gọi là tượng “Bảo Quang Hoàng Thái Hậu”.

Dương Vân Nga là một người phụ nữ có hai đời chồng và cả hai đời chồng, bà đều làm Hoàng hậu. Bà là vợ của Đinh Tiên Hoàng. Sau khi nhà Đinh chấm dứt vai trò lịch sử, Lê Hoàn lên làm vua, ông đã quyết định lập Dương Vân Nga làm Hoàng hậu vào năm 982.

Bà đã từng giữ cương vị chấp chính trong 8 tháng, từ tháng 11 năm 979 đến tháng 7 năm 980 do Đinh Toàn còn nhỏ, chưa lãnh đạo được triều chính. Với cương vị chấp chính, nắm chắc uy quyền, bà đã điều khiển công việc của triều đình để giữ vững ngôi báu cho nhà Đinh. Bà không chính thức làm vua, nhưng thực sự đã điều hành việc nước như một ông vua.

Công lao lớn nhất của bà là lượng sức mình không đảm đương nổi việc nước, bà đã quyết định trao ngôi báu cho Lê Hoàn, tức là đã truất bỏ cơ nghiệp của nhà Đinh, xây dựng nhà Tiền Lê. Đây là việc làm hợp với lòng trời và lòng người khi đó. Bà là người phụ nữ thức thời, nghĩ đến vận mệnh của đất nước trên hết, bỏ qua những lời bàn tán, phân đối, thậm chí cả những dư luận xấu của triều đình lúc bấy giờ.

Lại một lần nữa, vượt lên trên những người phụ nữ đương thời, dám tự quyết đoán tình cảm riêng tư, theo tiếng gọi của con tim, bà chia sẻ hạnh phúc với Lê Hoàn. Tiếp đó, bà đã cùng Lê Hoàn góp phần xây dựng đất nước sau chiến thắng. Đến năm Canh Tí (1000) bà qua đời, thọ 49 tuổi.

Vua Đinh Tiên Hoàng có 5 bà Hoàng hậu. Vua Lê Đại Hành cũng có 5 bà Hoàng hậu. Bốn bà Hoàng hậu khác của vua Đinh và bốn bà Hoàng hậu khác của vua Lê, đều không được tạc tượng thờ ở trong hai đền, duy nhất chỉ có Dương Vân Nga là được tạc tượng thờ ở đền Đinh cùng với tượng Đinh Tiên Hoàng đặt trong Chính cung. Đến thời Hậu Lê, có ông quan hạch rằng: “Xuất giá tòng phu” (lấy chồng thì phải theo chồng) theo thuyết “Tam tòng”, nên nhân dân đã rước tượng bà sang đền thờ vua Lê Đại Hành.

Tượng Dương Vân Nga để quay mặt về phía đền Đinh (quay mặt về phía Nam), với ý nghĩa: Tình cảm của bà với vua Đinh Tiên Hoàng rất sâu nặng và mang nhiều duyên nợ. Bà được tạc tượng thờ, là thể hiện sự đánh giá công lao và tình cảm của nhân dân đối với bà.

Tượng Dương Vân Nga là một pho tượng đẹp. Khuôn mặt bà bầu bĩnh, nước da hồng hào, có đôi mắt bồ câu duyên dáng. Đây là dáng nét của một người phụ nữ Việt Nam có sắc đẹp, tràn đầy sức sống. Chiếc áo ngoài của bà được tạc rõ từng nếp gấp đều đặn, buông thõng xuống, để hở chiếc áo bên trong mỏng dính che bộ ngực nở

nang như bao phụ nữ thanh xuân kiêu diễm khác. Có lẽ, người xưa muốn tạo dựng hình ảnh bà là một phụ nữ xinh đẹp, quyến rũ, sống sôi nổi mãnh liệt, đầy tài năng.

Tương truyền, Dương Vân Nga là người ở xã Vân Long, động Hoa Lư (nay là xã Gia Vân, huyện Gia Viễn), kết duyên với Đinh Bộ Lĩnh từ thuở hai người còn hàn vi.

Gian bên phải tượng vua Lê Đại Hành, đặt trên bệ đá tượng Lê Long Đĩnh (Lê Ngọa Triều), là con thứ 5 của vua Lê Đại Hành và là đời vua thứ 3 của nhà Tiền Lê.

Sau khi vua Lê Đại Hành qua đời năm 1005, Lê Trung Tông (Nam Phong Vương), tên húy là Long Việt, là con thứ 3 của vua Lê Đại Hành lên ngôi được ba ngày, thì bị em cùng mẹ (Dương Vân Nga) là Lê Long Đĩnh giết. Lê Trung Tông thọ 23 tuổi.

Sau khi giết em, năm Bính Ngọ (1006), Lê Long Đĩnh lên ngôi, lấy niên hiệu là Ứng Thiên, tôn hiệu là “Khai Thiên Ứng Vận Thánh Thần Vô Tắc Thiên Sùng Đạo Đại Thắng Minh Quang Hiếu Hoàng Đế”, phong Lí Công Uẩn làm Tả Thân Vệ Điện Tiền Chỉ Huy Sứ.

Tính vua Lê Long Đĩnh ưa chém giết, lại say đắm tửu sắc, nên phát ra bệnh trĩ, không thể ngồi coi châu được, mà phải nằm để coi châu, vì vậy được gọi là vua Lê Ngọa Triều.

Đến ngày Tân Hợi, tháng 10, mùa đông, năm Ki Dậu (1009), vua Lê Ngọa Triều qua đời tại phòng ngủ trong điện, thọ 24 tuổi, ở ngôi vua được 4 năm.

Tất cả các tượng ở Chính Cung đều tạc bằng gỗ mít, được sơn son thiếp vàng. Văn bia ở đền thờ vua Lê Đại Hành chạm khắc ở niên hiệu Hoàng Định thứ 12 (1611) đời vua Lê Kính Tông (1600 - 1619) cho biết: “Đến ngày 19 tháng 6 năm Tân Hợi thì Hưng công tạc thánh tượng vua Lê Đại Hành, Hoàng Thái Hậu Bảo Quang, vua Ngọa Triều. Ngày tốt 24 tháng 6 năm Nhâm Tý thì xong...”.

Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và đền thờ vua Lê Đại Hành mãi mãi là biểu tượng cho sự tôn kính, biết ơn của nhân dân cả nước đối với hai ông vua đã có công lớn ở thế kỉ X của dân tộc. (1)

(1) Có tham khảo bài “Đền vua Lê” của Nguyễn Văn Trờ in trong sách “Danh thắng Ninh Bình” — Tập 1 — Sở Văn hóa — Thông tin và Thể thao Ninh Bình — 1993.

MÃ YÊN SƠN

Du khách thăm đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng xong, không thể không lên thăm lăng vua Đinh Tiên Hoàng trên đỉnh núi Mã Yên. Núi ở ngay trước đền Đinh, cao chừng 200m. Hai đầu núi nhô cao, giữa vồng xuống trông giống hình yên ngựa, nên gọi là Mã Yên.

Tương truyền, khi Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế năm 968, ông đã chọn Hoa Lư, một vùng núi non hiểm trở để xây dựng kinh đô và lấy núi này làm án. Như thế Mã Yên Sơn đã có vị trí rất đặc biệt.

Vì vậy, sau khi vua Đinh Tiên Hoàng băng hà, nhân dân đã đưa thi hài ông an táng trên đỉnh núi như muốn khẳng định sự nghiệp cao cả của Ông tổ phục hưng thống nhất quốc gia phong kiến đầu tiên trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Con người vĩnh hằng, bất tử đó vẫn như còn ngồi trên yên ngựa để cứu dân, giúp nước.

Sách “Đại Việt sử kí toàn thư” có ghi: Khi vua Đinh Tiên Hoàng mất, quần thần “*Rước linh cửu của Tiên Hoàng để về an táng ở Tràng An Sơn Lăng (tức núi Mã Yên)*”.

Muốn lên đỉnh Mã Yên, du khách phải trèo 265 bậc đá (được sửa sang lại từ năm 1960). Nhiều bậc đá mòn lõm, vì hàng năm biết bao người lên chiêm ngưỡng đã đặt chân tới. Lên tới đây, du khách mới biết mây trời tuyệt đẹp và cõi lòng lắng xuống để thả bay trong gió những lo toan trần tục như lâng lâng, thoáng nhẹ, sáng khoái, dồi dào cảm hứng. Vào buổi sáng sương mù bay phủ nhiều, ngọn núi lúc ẩn lúc hiện trông rất huyền bí.

Lăng vua Đinh Tiên Hoàng xây chính giữa đỉnh núi. Thiên nhiên kiến tạo hay con người tạo dựng thành vũng đá trũng xuống, bằng phẳng, rộng đến vài trăm mét vuông để xây lăng. Lăng bằng đá, có một bệ thờ, trên đặt một lư hương đá. Trước lăng dựng một bia đá, mặt trước khắc sáu chữ Hán: “*Đinh Tiên Hoàng Đế chi lăng*”, bên cạnh có dòng chữ nhỏ: “*Minh Mệnh nhị thập nhất niên, ngũ nguyệt, sơ nhị nhật phụng sắc kiến*”. Mặt sau bia khắc dòng chữ: “*Hàm Nghi nguyên niên, cửu nguyệt, nhị thập tứ nhật trùng tu Tiên đế lăng*”. Có nghĩa là: Lăng vua Đinh Tiên Hoàng được xây bằng đá năm Minh Mệnh thứ 21 (1840), ngày 2 tháng 5 và đến năm Hàm Nghi thứ 1 (1885), ngày 24 tháng 9 trùng tu lại.

Hơn một thế kỉ rưỡi trôi qua, như thách thức với thời gian, những nét chữ trên bia đá vẫn không mờ.

Như thế việc an táng thi hài vua Đinh Tiên Hoàng trên đỉnh Mã Yên từ năm Kỉ Mão (979), lăng mộ đã có từ năm đó. Đến năm 1840 nhân dân mới xây dựng lăng bằng đá như bây giờ.

Nơi đây là sự lắng đọng, yên tĩnh nhất của cuộc đời, nhưng lại bừng sáng, ngời lên óng ánh như ngọc niềm tưởng nhớ công ơn to lớn của vua Đinh Tiên Hoàng.

Trước anh linh Người, du khách thấp hương tưởng niệm. Hương thơm trên đỉnh núi tỏa bay, lan xa cùng ngào ngạt hương đồng gió nội một vùng non nước Hoa Lư. Khói hương bay nghi ngút, trầm tưởng như hương tâm hồn du khách hãy nhớ về cội nguồn dân tộc.

Trên đỉnh Mã Yên Sơn có nhiều cây lau hoa nở trắng xóa. Nhìn hoa lau, du khách hồi tưởng về quá khứ xa xưa, nhớ đến hình ảnh tuổi thơ của Đinh Bộ Lĩnh. Ngày ngày đi chăn trâu cho ông chú ruột Đinh Thúc Dự, Đinh Bộ Lĩnh thường cùng các bạn chơi trò đánh trận giả. Đội quân chăn trâu chia làm hai phe, bao giờ Đinh Bộ Lĩnh cũng cầm đầu một phe. Đinh Bộ Lĩnh đã lấy hoa lau làm cờ. Mỗi khi phe của Đinh Bộ Lĩnh thắng phe kia, các bông hoa lau trên tay của quân tướng lại được phất lên tung bay trước gió và Đinh Bộ Lĩnh được các bạn kết tay làm kiệu, rước đi vòng quanh bãi trận. Tương truyền, một hôm Đinh Bộ Lĩnh “thắng trận rất oanh liệt”, đã

giết một con trâu béo nhất trong đàn trâu của ông chủ để khao quân sĩ. Ông chú biết tin bèn vác gươm chạy băng băng ra bãi thả trâu tìm Đinh Bộ Lĩnh để hỏi tội. Thấy chú từ đằng xa, Đinh Bộ Lĩnh liền lấy cái đuôi trâu chưa kịp ăn thịt cắm vào một khe núi đá và bình tĩnh chờ chú đến mà trả lời rằng: “Con trâu đã chui vào khe núi đá, cháu kéo ra không nổi, nhờ chú đến kéo giúp”. Ông chú tưởng thật, hai tay nắm chặt đuôi trâu, đứng dạng chân chèo kéo. Không ngờ ông ngã ngựa, đau điếng người. Biết mình bị mắc lõm, ông càng điên tiết hơn, cầm luôn gươm đuổi theo Đinh Bộ Lĩnh.

Đinh Bộ Lĩnh chạy về phía núi Trường Yên để trốn tránh, nhưng bị dòng sông chắn ngang không đi qua được. Đinh Bộ Lĩnh bèn gọi anh Long là người chèo đò lúc đó để chở mình sang sông. Anh chèo đò không ra, bất chợt một con Rồng Vàng nổi lên ngang sông để Đinh Bộ Lĩnh đi trên lưng sang bên kia sông.

Thấy vậy ông chú kinh hoàng, cầm gươm xuống đất lay như té sao. Con sông đó sau được gọi là Hoàng Long. Quả núi có gươm của ông Đinh Thúc Dự cắm dưới chân núi, sau được gọi là núi Cắm Gươm. Con đường từ làng ra đến bờ sông, cũng được gọi là đường Bái Yết. Bến đò ấy gọi là Hoàng Long Độ. Thửa ruộng gần chân núi gọi là Kiếm Điền.

Câu chuyện dân gian như một huyền thoại về Đinh Bộ Lĩnh thông minh, tài ba, có thần sắc đế vương ngay từ nhỏ, nên từ một chú bé chăn trâu đã trở thành một vị Hoàng đế lẫy lừng trong lịch sử dân tộc.

Đứng tại đây, du khách có thể nhìn rõ toàn cảnh Cổ Đô Hoa Lư. Đằng trước là núi Long Triều, còn gọi là núi Đại Vân (1) như bao phủ quanh hai ngôi đền Đinh, Lê. Nhìn xa hai ngôi đền như bức phù điêu tạc vào núi. Đằng kia là núi Cẩm Gươm, trông như một thanh gươm. Đây là núi Cột Cờ cao vút như bóng dáng của lá cờ nước Đại Cồ Việt đã từng cắm trên đỉnh thời xưa, đang tung bay giữa mây trời. Phía xa nhìn con sông Hoàng Long uốn lượn như con Rồng Vàng nổi lên đón Đinh Bộ Lĩnh thuở hàn vi. Mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông ở đây đều mang một truyền thuyết hấp dẫn và lí thú.

Dưới chân các rặng núi, du khách thấy đồng ruộng, đường sá kẻ thành ô ngang dọc như bàn cờ. Nổi lên là những mái nhà ẩn hiện dưới các rặng cây xanh. Tất cả hợp thành một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, có núi biếc, nước trong, cây xanh, ngôi đỏ, đây màu sắc, đường nét của một miền quê yên ả, trù phú mà một thời đã từng là một kinh đô của nước Đại Cồ Việt.

(1) Theo "Đại Nam nhất thống chí" - Tập 3 - NXB KHXH - Hà Nội - 1971 - Trang 237.

Chính vì vậy, khi đứng trên đỉnh Mã Yên, viếng lăng Tiên Đế xong, Thám hoa Vũ Phạm Hàm (1864 — 1910) người Hà Tây đã đề thơ “MÃ YÊN SƠN LĂNG” như sau:

*“Phủ hám Hoàng Long khóa thạch lương,
Hoa Lư thành nội tối cao cương.
Bán không yên vụ trừ thiên cổ,
Nhị đế thần linh giá bát hoang.
Kì kiếm dư uy không thảo thụ,
Kim ngân cố chí biến tinh sương.
Thánh triều hậu ý siêu tiên triết,
Đặc kiếm phong bi biểu tích vương”.*

Dịch thơ:

**“Dưới sập đá, Rồng Vàng quanh quất,
Thành Hoa Lư cao ngất nghìn trùng.
Khói mù mờ mịt trên không,
Là nơi Nhị đế vẫy vùng ngày xưa.
Cờ vớ kiếm còn trơ cây cỏ,
Nền kim ngân mấy độ tang thương.
Thánh triều ân ý khác thường,
Chép vào bia để biểu dương Tiên triều”.**

(Thi nhân Đinh Gia Thuyết dịch)

Ông Đông Châu cũng có bài thơ Nôm vịnh núi Mã Yên:

**“Yên ngựa chon von ngất đỉnh đèo,
 Sơn lăng dấu cũ đá cheo leo.
 Đìu hiu ngọn gió cờ lau phất,
 Văng vẳng sườn non tiếng mục reo.
 Nền miếu Tràng An còn vững đá,
 Tấm bia Tiên Đế chứa mờ rêu.
 Non sông Cô Việt nào đâu đó?
 Bằng lăng thành Hoa bóng ác chiêu”.**

Du khách viếng lăng vua Đinh Tiên Hoàng trên đỉnh núi xong, lần theo bậc đá xuống chân núi, đi quanh về phía Nam khoảng 800 m để viếng lăng vua Lê Đại Hành - Người kế tục sự nghiệp của nhà Đinh, lập ra nhà Tiền Lê.

Lăng vua Lê Đại Hành được xây bằng gạch, có tường hoa bao quanh, nằm ở dưới chân núi Quai Đieu (1) tức là núi Kim Khê (2), còn gọi là Hoàn Ý Sơn (3) vì giống chiếc ghế.

Lăng vua Lê Đại Hành được xây dựng từ khi ông mất. Đến năm Minh Mệnh thứ 20 (1839) lăng được tu sửa và dựng bia (4).

(1)(4) Theo “Đại Nam nhất thống chí” - Tập 3 - NXBKHXH - Hà Nội - 1971 - Trang 238, 256

(2)(3) Theo “Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên” của Nguyễn Tử Mẫn.

Hai bên lăng vua Lê Đại Hành có hai quả núi châu lại như hình tay ngài, gọi là Long Châu, Hô Phục.

Núi cao là gạch nối giữa trời và đất, cũng là chốn linh thiêng mĩ lệ.

Phải chăng, Mã Yên Sơn cũng vậy, có lăng Tiên Đế trên đỉnh ngày đêm lộng gió, như khẳng định một con người bất hủ, lớn lên, trưởng thành, lập nghiệp, xây dựng kinh đô từ núi - "Kinh đô đá" và khi mất đi, lại trở về với núi vĩnh hằng.

ĐỘNG AM TIÊN

Thăm lăng vua Đinh trên núi Mã Yên xong, đến bến đò sông Sào Khê ngồi thuyền xuôi hướng Nam (Đường thủy đi thăm Xuyên Thủy Động) khoảng 500m rồi lên bờ, hoặc đi bộ theo con đường rải đá rộng song song với sông Sào Khê 500 m, thấy có một cây đa ở chân núi phía bên tay trái cách đường vài chục mét, du khách rẽ trái, đi vào con đường nhỏ gần 100m nữa đến cái quèn thấp mang tên Am Tiên, có chiều cao so với mặt ruộng 15m, là lối đi vào động Am Tiên.

Quèn này dài 20m, hai đầu là hai vách núi cao như cái cổng khổng lồ của tạo hóa. Đường lên quèn qua 55 bậc đá. Lên đến đỉnh dốc, phía bên tay phải du khách có am đề ba chữ Hán ở trên “Nhạc Thần Giáng” (Nơi thờ thần núi). Hai bên am có đôi câu đối:

“Nhi sơn ngưỡng chỉ cảnh hành hành chỉ.

Hữu Tiên tắc danh hữu long tắc linh”

Tạm dịch:

“Lên núi ngửa mặt nhìn cảnh đẹp đi đi lại lại.

Có Tiên chắc có tiếng có rồng sẽ có linh thiêng”

Trước khi vào động, du khách hãy thắp hương khấn thần núi phù hộ cho chuyến đi du ngoạn tốt đẹp, may mắn.

Đứng trên đỉnh quèn, nhìn về phía Đông, du khách thấy một thung lũng rộng khoảng 10 mẫu, xung quanh là núi cao bao bọc. Có cái quèn này mới có lối vào động.

Theo đường dốc, qua 55 bậc đá nữa, mới đến thung, ở giữa có một con đường nhỏ dải đá, hai bên là hai cánh đồng lúa xanh mướt. Đi trên con đường nhỏ này, nhìn hai bên và trước mặt chỉ thấy núi cao chót vót. Vách núi bên tay phải du khách mọc đầy loại trúc đuôi công. Loại trúc này chịu được khô hạn, sống ở vách đá thả xuống như những đuôi công xanh biếc. Ở các vách núi, cây cối mọc um tùm. Du khách còn nhìn thấy những giò phong lan phô sắc giữa trời, những cây thiên tuế, vạn tuế, cây xanh, cây si, cây đa... đã từng sống ngàn vạn năm bên núi cao. Xa xa trên sườn núi, thấp thoáng những đàn chim đang bay và nhón nhờ lưng chừng núi từng đàn dê đang ăn lá cây. Ẩn hiện trong một số lùm cây, các con thú đang ngơ ngác nghe một tiếng còi sương.

Buổi sáng, du khách vào đây, sương mù bay phủ núi non như khói sóng huyền ảo. Hừng đông, sương tan dần, nắng mới lên, chiếu sáng lấp lánh những hàng cây, lá cành còn bóng loáng sương đêm, dường như muốn hút lấy ánh sáng mặt trời lúc ban mai, lung linh bảy sắc cầu vồng huyền diệu. Phong cảnh như mang nỗi niềm cô tịch, mơ màng, hoang vắng của núi ẩn mây trời, mây che ấp núi, tạo thành một bức tranh sơn lâm ngoạn mục của một họa sĩ thiên tài được vẽ bằng một thứ bút son màu

nhệm, khẳng định núi non Việt Nam hùng vĩ vô cùng, thể hiện sự đa dạng phong phú của thiên nhiên.

Nếu không có cái quèn đã đi qua, chắc khi vào đây rồi du khách sẽ không còn biết đường nào để trở ra, chỉ có thể làm Tiên mới bay được về quê nhà.

Đi hết đường dải đá gần 500 m, du khách sẽ đến chân núi Hang Ròng (1). Bên tay phải du khách, dưới chân núi có ba tháp xây ba tầng (tháp ở giữa cao to hơn) là nơi chôn cất các nhà sư đã trụ trì ở chùa Am Tiên và mất tại đây. Tới gốc cây sung to là lối lên động Am Tiên.

Đường lên động qua 210 bậc đá xếp ngoằn ngoèo theo sườn núi. Hai bên lối đi có những cây đa, cây sung, cây chò, cây đại thụ cao to che rợp một màu xanh làm cho du khách cảm thấy mát mẻ. Càng lên cao, không khí càng trở nên trong lành thoáng nhẹ, như bụi bặm của cuộc đời đã được chiều cao của núi thanh lọc dần làm cho du khách có cảm giác không còn nhọc nhằn khi leo núi để thanh thản bước vào cõi Phật.

Sườn núi trước cửa động, cây cối mọc như rừng, các loài chim của núi rừng thi nhau ca hát như đón chào du khách bằng những âm thanh ríu rít.

Đây rồi, động Am Tiên quay hướng Tây ở lưng chừng núi Hang Ròng, có độ cao so với chân núi khoảng 70m, gồm hai lớp: Lớp ngoài chạy dài, gọi là cửa động, lớp trong ăn sâu vào ruột núi, hẹp hơn như kiểu “chuôi vờ”,

(1) Ông Thi nhan Đinh Gia Thuyết gọi núi có động Am Tiên là núi “Hang Ròng”.

gọi là động chính. Du khách sẽ sửng sốt trước một cửa động dài đến 35m, cao hơn chục mét. Một dãy tường hoa xây bằng gạch chắn cửa động. Nền cửa động bằng phẳng được lát đá.

Hai bên cửa động (lớp ngoài) nổi lên hai đồng đất mỗi đùn màu vàng, được gọi là “cây tiền”, “cây thóc”. Sát vách đá bên trái cửa động dựng hai tấm bia đá (một tấm cao 1,6 m, một tấm cao 1,3 m, rộng 0,8m), được chạm khắc chữ Hán ở cả hai mặt. Đây là hai tấm bia ở thời Nguyễn (Đồng Khánh năm thứ 2 (1887) và Bảo Đại năm thứ 7 (1932)). Nội dung hai tấm bia đều nói về việc tu sửa chùa và ghi lại lịch chùa Am Tiên, trong đó có đoạn:

“Chùa xưa không nhớ tên, chỉ truyền lại tấm bia cổ có chữ “Thái Sư Nham”. Sở dĩ gọi là Thái Sư, hẳn đây là bậc thầy của các bậc thầy chãng. Chúng tôi cùng bàn bạc với nhau để đặt tên chùa là Am Tiên, chắc là phù hợp hơn cả” (1).

Như thế tên gọi chùa Am Tiên mới có từ thời Nguyễn.

Lui vào trong, cũng ở vách đá bên trái động, trên cao có một tấm bia khắc vào vách đá dài 1,55 m, rộng 0,82 mét. Số chữ trong bia là 328, với 5 dòng đầu chữ to, 9 dòng sau chữ nhỏ. Nhiều chữ Hán mờ không đọc được. Chính giữa trán bia có tạc bông hoa sáu cánh dài nở bẻ

(1) Theo Hoàng Giáp ở Viện nghiên cứu Hán Nôm.

ra các hướng cùng với 4 lá trái dài về hai bên và hoa lá phủ kín trán bia.

Bia có niên đại 1179, dưới đời vua Lí Cao Tông (1176 - 1210).

Ở vách đá cửa động có dòng chữ: “*Đại Chu ma sơn áng. Đại quang Thánh*”. Có nghĩa là: Bia nói về Đại quang Thánh vùng núi Đại chu ma. Toàn bộ nội dung bia nói về một vị Đại sư nước Đại Cồ Việt ta tu hành ở vùng núi Chu ma, có họ Chu (?), họ Nguyễn (1) (đáng tiếc là bia bị mòn không rõ chữ nên không đọc được). “Họ Nguyễn” ở đây có thể là Thiên sư Nguyễn Minh Không đã đến tu ở vùng núi Chu ma.

Sở dĩ biết được năm khắc bia là năm 1179, vì trên bia có chữ: “*Trinh Phù, Bảo Ứng (thứ tư)*”. Đối chiếu trong niên lịch, thì “Trinh Phù” là niên hiệu đầu tiên của vua Lí Cao Tông, còn năm thứ tư, chính là năm 1179. Còn chữ “Bảo Ứng” không có, chỉ có “Trị Bình Long Ứng” là niên hiệu cuối cùng của vua Lí Cao Tông từ năm 1205 đến 1210. Có thể người khắc bia nhầm “Long Ứng” thành “Bảo Ứng”.

Như thế một điều chắc chắn, đây là tấm bia cổ đã được khắc ở thời Lí ghi ba chữ “Thái Sư Nham”.

Vách đá bên phải cửa động có treo một quả chuông nhỏ.

(1) Theo tư liệu của bảo tàng Hà Nam Ninh.

Từ tường hoa du khách đi vào 12m, bước lên ba bậc đá, cao khoảng 0,4m là đến lớp trong (cửa động hẹp hơn, cao 3m, rộng gần 10m), gọi là động chính hay “chuôi vờ”. Nền động cũng được lát đá và gạch rất bằng phẳng như nền nhà. Du khách sẽ choáng ngợp trước một động đẹp, cao, rộng, trông như một cái dù hoặc một cái bát đá khổng lồ úp xuống. Chỗ cao nhất ở giữa là 15m. Đường kính nền động dài 35m. Giữa nóc động có nhiều nhũ đá rủ xuống với các dáng hình ngoạn mục như: Quả phật thủ, quả bí, bắp ngô, con hổ, con sư tử... Thiên nhiên cần mẫn, tài hoa ngàn năm mới chạm khắc được những dáng hình như thế. Đặc biệt, vách động ở phía Đông vát phẳng như mái nhà. Chỉ có tạo hóa mới xẻ được những tấm đá phẳng lì kì diệu ấy. Trong động có nhiều nhũ đá, nước nhỏ đều đặn quanh năm thánh thót. Người ta phải xây các bể tròn hứng nước cho nền động luôn khô ráo. Đứng trong động du khách cảm thấy mát lạnh.

Gần cuối động, trước đây, người ta xây các bệ đặt tượng thờ Phật. Cách đây hơn 100 năm người ta mới dựng thêm một ngôi lầu, bên trong cũng xây các bệ thờ cao thấp đặt nhiều tượng Phật sơn son thiếp vàng như các ngôi chùa khác.

Trước lầu viết ba chữ Hán lớn: “Am Tiên Động” (Động Am Tiên). Hai cột phía ngoài lầu viết câu đối:

“Cảnh sắc tự nhiên vũ trụ biệt thành thiên cổ động.

Giam lâm tại thượng từ bi phổ tĩnh vạn sinh linh”.

Tạm dịch:

“Cảnh đẹp tự nhiên đây do trời đất tạo ra thành động đã lâu đời.

Giám cầm (hồ báo) ở chỗ này nay thờ Phật chứng giám linh thiêng cho muôn người”.

(Tương truyền, xưa kia vua Đinh cho nuôi hồ báo ở trong động, hễ có kẻ nào phạm tội nặng thì đưa vào đây cho hồ báo ăn thịt).

Bên phải lầu thờ Phật là một lầu nhỏ trên có ghi ba chữ Hán: “Chân Tế Sở” (Nơi thờ Chân Tế), đặt tượng Đức Ông, có nhiệm vụ trông coi toàn bộ cảnh chùa.

Hai bên lầu ghi câu đối:

“Thư trung hữu kim ngọc.(1).

Bút thượng tự tiêu hàm”.

Tạm dịch:

“Trong sách có vàng ngọc.

Ngon bút làm phẩm hàm”.

Bên trái lầu thờ Phật là một miếu nhỏ đặt tượng thờ Nguyễn Minh Không ở trên ghi ba chữ Hán: “Hiển Thánh Từ” (Miếu thờ Hiển Thánh). Hai bên miếu cũng ghi câu đối:

(1) Về đối này của ông Ta Ao, người làng Ta Ao, huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh, là một nhà địa lí (phong thủy) của nước ta thời xưa.

“Điền Giang sinh Hiền Thánh.

Hoa Động tiếp Thần Cao”

Tạm dịch:

Điền Giang sinh ra vị Hiền Thánh.

Hoa Động tạo nên Thần tối cao”

Trong động có các pho tượng Phật, Thánh uy nghiêm, nhân từ do con người tạo dựng hòa nhập với các hình hài như đá kì diệu của tạo hóa. Tất cả hiện lên linh thiêng trong ánh nến và những lóe đỏ của hương trầm thấp lễ Phật. Đây chính là một “ngôi chùa” rất độc đáo, đặc biệt do bàn tay thần kì, vô hình của nghệ sĩ thiên nhiên kiến tạo nên. Chùa rất linh thiêng. Du khách thập phương đến chùa lễ Phật, cầu Tiên, mong muốn phúc ấm cho mình và cho đời.

Phía sau lâu thờ Phật, cuối động còn có một cái hang sâu thăm thẳm xuống đất, tối om, cửa hang chỉ bằng miệng thúng, người xưa gọi là “Họng Ròng”. Có lẽ, vì thế núi này được gọi là núi “Hang Ròng”. “Họng Ròng” được coi là “lối xuống âm phủ”. Chưa có ai dám đi xuống hang sâu bí ẩn này!

Thời nhà Đinh, luật pháp chưa rõ ràng. Những kẻ phạm tội đều bị xử theo ý của nhà vua một cách rất dã man. Sách “Đại Việt sử lược” (khuyến danh - thời Trần) có ghi: “Nhà vua đặt vạc dầu lớn ở nơi sân, nuôi cọp

trong cũi và hạ lệnh rằng: - Có ai phạm pháp sẽ bị nấu, hoặc cho cọp xé thịt" (1).

Vì vậy, tương truyền, nhà Đinh đã dùng động này làm một Ngục Đá. Nhà vua cho nuôi hổ, báo ở trong động. Hễ có kẻ nào phạm tội nặng thì bắt nhốt vào đấy cho mãnh thú ăn thịt. Những đầu lâu, hài cốt nhiều ngày chất đống ở trong động. Về sau thứ hình phạt dã man này được bãi bỏ, nhưng những oan hồn tử khí vẫn còn trong động. Người dân địa phương đi qua đây thường nghe thấy tiếng ma kêu quỷ khóc, hổ thét, beo gầm. Ai cũng khiếp vía kinh hồn, không hề dám bén mảng đến gần động.

Đến thời nhà Lí, có ông Nguyễn Minh Không là bậc cao tăng, pháp thuật cao cường, một hôm vào thám hiểm trong động thấy vậy, bèn tụng kinh thuyết pháp, làm cho ma quỷ, hùm beo đều phải mất tích.

Thế rồi, ông xây bệ thờ Phật ở trong động, cứ tuần rằm, mồng một, lại cho đồ đệ vào tụng kinh để những vong hồn được siêu thoát. Dần dần người dân ở đây cũng vào lễ bái, không còn sợ hãi gì nữa.

Từ đó, người ta xây dựng thêm các bệ thờ Phật. Cảnh trí trong động đã đẹp, nay lại được thờ Phật, nên du

(1) Đại Việt sử lược" - Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh - 1993-
Trang 91.

khách đến vắng cảnh nhiều. Động trở nên một chốn Am Tiên, bởi thế mới có tên là động Am Tiên, hay chùa Am Tiên.

Để tưởng nhớ công lao của Thiền sư Nguyễn Minh Không, người ta đã xây thêm miếu thờ Nguyễn Minh Không ở trong động.

Nguyễn Minh Không sinh ngày 15 tháng 10 (âm lịch) năm 1065, người xã Đàm Xá, phủ Trường Yên (nay là xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), tên tự là Chí Thành. Năm 11 tuổi ông xuất gia, thụ giáo đạo Phật với Từ Đạo Hạnh (? - 1117), người làng Yên Lãng (nay thuộc ngoại thành Hà Nội) là bậc cao tăng nổi tiếng thời bấy giờ.

Trở thành nhà tu hành, Thiền sư Nguyễn Minh Không đã lập ra nhiều chùa và trụ trì ở các chùa: Chùa Quỳnh Lâm (xã Hạ Lôi, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh), chùa Phả Lại.... Ông là một nhà tu hành lớn thời bấy giờ, có đạo học uyên bác. “Đại Việt sử kí toàn thư” có ghi: “Quốc sư Minh Không... rất linh ứng, phàm khi có thủy hạn tai họa gì cầu đảo đều linh nghiệm cả”. Nguyễn Minh Không còn là một danh y thiên tài. Vua Lí Thần Tông (1128 - 1138) bỗng tự nhiên mắc trọng bệnh. Các danh y nổi tiếng khắp nơi đều được triệu về kinh đô để chữa bệnh cho Vua, nhưng bệnh tình vẫn

không giảm. Ông được mời về triều để chữa bệnh cho Vua. Sách “Đại Việt sử kí toàn thư” cũng ghi: Sư Minh Không đã chữa cho vua Lí Thần Tông khỏi bệnh, được ban hiệu “Quốc Sư”. Từ đó ông được gọi là: “Lí Quốc Sư”.

Nguyễn Minh Không còn được suy tôn là Ông tổ của nghề đúc đồng Việt Nam.

Ông mất vào mùa thu (tháng 8) năm Tân Dậu, niên hiệu Đại Định thứ 2 (1141), thọ 76 tuổi.

Sau khi ông mất, vua Lí Anh Tông (1138 - 1175) cho lập đền thờ ông ở kinh đô, ngày nay là đền Lí Quốc Sư, thuộc phố Lí Quốc Sư, Hà Nội. Ông còn được thờ ở chùa Phá Lại; chùa Keo (chùa Hành Thiện) ở xã Xuân Hồng, huyện Giao Thủy (Nam Định); chùa Dịch Lộng ở xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn (Ninh Bình); đền thánh Nguyễn ở xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn, cùng rất nhiều chùa ở các nơi khác và cũng được thờ tại đây.

Ông đã được tôn là bậc Thánh. Tục ngữ có câu:

“Đại Hữu sinh Vương.

Điền Giang sinh Thánh”.

(Làng Đại Hữu (xã Gia Phương, huyện Gia Viễn) sinh Vua, tức vua Đinh Tiên Hoàng).

Làng Diềm Giang (Đàm Xá, - xã Gia Thắng, huyện Gia Viễn) sinh Thánh, tức Thiền sư Nguyễn Minh Không).

Như vậy động Am Tiên thờ cả Phật, cả Tiên. Tiên ở đây là Thiền sư Nguyễn Minh Không. Phật được thờ do Nguyễn Minh Không lập chùa từ thời Lí.

Du khách đến động Am Tiên sẽ không phải tưởng tượng về Bồ đề lai, Tiên cảnh nhiều bởi đó là cảnh thần tiên hiện giữa cõi trần, ngay trong cuộc sống của chúng ta.

Động Am Tiên - nơi thờ Phật, thờ Tiên, cũng là nơi tu luyện của chân nhân, là nơi lui tới của tao nhân mặc khách, là một điểm du lịch luôn hấp dẫn du khách. Quả là mỗi bước đi, du khách lại phát hiện thêm những điều mới lạ, bởi những di tích và danh thắng nên thơ luôn làm đắm say lòng người.

XUYÊN THỦY ĐỘNG

Đến bến dò sông Sào Khê, du khách xuống thuyền, sẽ có người chèo theo sông Sào Khê về phía Nam đưa đi Xuyên Thủy Động. Xuyên Thủy Động tức là “Hang Luồn”. Hang ở dưới gầm quả núi lớn. Núi như vắt ngang qua một con sông nhỏ. Thuyền ở bên này núi sang bên kia núi phải luồn qua hang nước, nên gọi là Hang Luồn. Tên Hang Luồn là do nhân dân gọi, còn trong cuốn “Địa dư chí”, Nguyễn Trãi gọi là Xuyên Thủy Động. Các nhà phong thủy (địa lí) gọi là “Thạch Lương Động”. Còn chúa Trịnh Sâm gọi là “Động Xuyên Sơn”.

Xuyên Thủy Động thuộc sơn phận làng Trường Yên Thượng, xã Trường Yên: Từ bến dò đến cửa Xuyên Thủy Động đi thuyền khoảng 1,5 km.

Tương truyền, trước đây khu vực Xuyên Thủy Động là nơi luyện tập thủy quân của vua Đinh Tiên Hoàng.

Ngồi thuyền đi Xuyên Thủy Động, du khách được nhìn cảnh trời mây sông nước, núi non thi vị trong giang sơn cẩm tú, có cảm giác là hình như tất cả vẻ đẹp của đất trời đã dồn góp về đây. Hai bên sông Sào Khê, cách không xa là hai dãy núi một cao thấp dựng đứng, chạy dài theo dòng sông. Vào buổi sáng có những làn sương mỏng bay phủ núi non, phong cảnh ao mộng, thực hư như đưa du khách vào cõi Tiên trong huyền thoại.

Thuyền lướt đi trên dòng nước trong vắt in hình những đám mây bay lơ lửng giữa trời xanh, du khách có cảm giác như đang bay nhẹ theo mây, mơn man bởi làn gió thổi dịu dàng.

Nếu du khách đến cửa Xuyên Thủy Động vào buổi sáng, sẽ thấy mặt nước lung linh đủ bảy sắc cầu vồng khi mặt trời chiếu qua núi. Cảnh sơn thủy thật kì ảo. Cả một vùng non nước như bức tranh thủy mặc.

Nhìn cửa hang, du khách sẽ thấy hết được sức mạnh phi thường của nước. Câu tục ngữ “Nước chảy đá mòn” quả đúng không sai. Có lẽ, lâu lắm rồi, trước đây chỉ là một khe nước nhỏ chảy qua lòng núi, năm này qua năm khác, nước âm thầm bèn bĩ, kiên nhẫn ngàn đời, như một nghệ sĩ kì tài đã đục đá tạo hình kiến tạo nên Hang Luồn này chăng? Dòng sông chảy qua hang như một đường ống nước khổng lồ vô tận.

Xuyên Thủy Động rộng hơn 30 mét, vòm hang khá cao, như một mái nhà và dài dằng dặc đến 143 mét (dài hơn Hang Cả trong Tam Cốc ở xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư. Hang Cả dài 127 mét), các con thuyền có thể xuôi ngược dễ dàng. Khi thuyền chui vào hang, du khách có ngay một cảm giác mát lạnh như ngày hè oi ả được vào ngồi trong phòng có máy điều hòa nhiệt độ. Đây là cái mát lạnh của đất trời, sông núi, non nước đọng lại, góp vào mà không mấy nơi ở đất nước này có được.

Càng đi vào trong hang, ánh sáng càng giảm dần, du khách tưởng như đang đi vào cõi huyền ảo, thực thực

mơ mơ. Ở đây là lặng im, tĩnh mịch, vắng vẻ, chỉ có nước và đá “trơ gan cùng tuế nguyệt” (thơ Bà Huyện Thanh Quan). Mái chèo khoảng nước bì bõm và tiếng róc rách của nước khi thuyền đi đôn vào thành hang cùng âm thanh vang vọng, tiếng nói, giọng cười của du khách đã phá vỡ sự tĩnh lặng trong hang sao mà thú vị. Du khách được hít thở khí trời trong lành của đá nơi sông nước mát mẻ cảm tưởng khó có thể tìm được nơi nào hơn thế nữa.

Vào trong hang, du khách nên đốt đuốc để nhìn thấy một cảnh sắc diệu kì hiện ra trong ánh sáng mờ ảo. Trần hang là đủ mọi dáng hình và kích cỡ của các vòm đá phẳng hoặc cong cong, khiến du khách sùng sốt, nghĩ đến ở đây phải nhờ đến phép lạ nào đó mới có thể làm được như thế. Có chỗ đá nhẵn lì như mài, nhấp nhô, rồi lại sâu hóm như những phù điêu trang trí cho động của một nhà điêu khắc thiên tài được tạc bằng bàn tay màu nhiệm. Rồi còn nhiều khối thạch nhũ muôn hình nghìn dáng rủ xuống đẹp đến lạ lùng! Chắc chắn con người không thể đèo tạc được! Tất cả như có sự sắp xếp tài tình bởi bàn tay của tạo hóa.

Nếu thuyền du khách đi đầu tiên vào hang khi nước chưa bị khuấy động, nhìn dưới dòng sông, có chỗ nước còn in hình những đám mây đá tuyệt đẹp, du khách sẽ cảm giác như đang bay trên trời với những đám mây, mây lượn theo quyển rủ. Trong hang có chỗ toàn nước và mây. Chỉ có thiên nhiên, nước và đá ôm ấp trường tồn,

có lúc giận dữ, gào thét, sôi sục, có lúc làm lạnh ngắt tình yêu vĩnh cửu tạo ra. Ngồi thuyền du khách có cảm giác như đang lạc vào động Tiên, những ý nghĩ lo toan, bực dọc của cuộc đời, đến đây hình như đều tan biến hết, muốn đi nữa ở lâu trong cảnh sơn thủy hữu tình này.

Trong hang còn có nhiều khối nhũ đá tròn lì, nước từ đây tí tách rõ xuống dòng sông như những bầu sữa mẹ đem ngọt ngào sinh khí cho đời.

Chính vì vậy, mùa đông năm Canh Dần (1770), đời vua Lê Cảnh Hưng (1740 - 1786), chúa Trịnh Sâm - Tĩnh Đô Vương (1767 - 1782) đi tuần thú cõi Tây (vùng Thanh Hóa trở vào) lúc quay thuyền trở về, tới đất Trường Yên, đã đến thăm Hang Luồn và đã có một bài thơ vịnh Hang Luồn, hiện còn khắc trên vách núi Xuyên Thủy Động. Bia cao 1,55 m, rộng 2,42 m, cách mặt nước lúc bình thường khoảng 4m. Tất cả có 13 dòng chữ Hán viết từ phải sang trái, từ trên xuống dưới với tổng 142 chữ. Nguyên văn nội dung bia (phiên âm) như sau:

“Canh Dần đông, du Tây tuần hồi kha kính Tràng An
phỏng Hoa Lư. Dẫn kiến tứ cố thanh sơn, nhất điều bích
giản, trùng trùng quan tỏa, bộ bộ kim thang, tráng ngã
sơn hà chân thiên địa an bài nhất đại hình thảng. Đại tức
Đình triều cự chỉ tắc đòi tường, cổ miếu hoang lương...
túc vi hứng khoái. Viên tác nhất luật dĩ tả dư hoài:

*Tây tuần toàn ích quá Tràng An,
Tiện đạo Hoa Lư ngụ nhất quan.*

Thất luyện oanh hời Xuyên Thủy Động,
 Trùng kim ngật nghiệp trĩ sơn quan.
 Cồ đô di hí kinh dĩ hoán,
 Thiên phủ y nhiên tự bao hoàn.
 Xúc mục cổ nhân hưng phế sự,
 Dân nham lẫm lẫm giới duy gian.
 Nhật Nam Nguyên chủ đề
 Thần Cao Đoàn phụng tả"

Dịch nghĩa:

"Mùa đông năm Canh Dần (1770) ta đi tuần thú cõi Tây, lúc quay thuyền trở về, đi tắt tới đất Trường An để thăm cảnh Hoa Lư. Ngoảnh nhìn bốn phía núi xanh, một dòng nước biếc, cửa khóa mấy lần, từng bước đều là thành vàng và hào nước nóng. Non sông của ta hùng tráng, hình thế to lớn này thật là do trời đất tạo nên vậy. Xem dấu vết của triều Đinh thì tưởng đồ miếu hoang, lạnh lùng xơ xác... khiến ta cảm khái làm một bài thơ để tả nỗi lòng:

**Tây tuần về lại ngắm Trường An,
 Thuyền dạo Hoa Lư cũng thuận miên.
 Như lụa vòng vèo qua Thủy Động,
 Tựa vàng vững chãi ngắt sơn quan.
 Nào đâu quang cảnh Cồ đô (1) trước,**

(1) Cồ đô: Kinh đô nước Đại Cồ Việt.

Chỉ thấy quanh co núi nước liền.

Hưng phế người xưa coi đã rõ,

Lòng dân đáng sợ, chớ nên quên!

Nhật Nam Nguyên chủ đề.

Bê tôi là Cao Đoàn vâng mệnh viết chữ'.

Như thế, 5 dòng đầu khắc chữ nhỏ là phần lạc khoản nói lí do làm thơ, 6 dòng tiếp theo là bài thơ Đường luật, dòng thứ 12 khắc tên hiệu tác giả, dòng thứ 13 khắc tên người viết chữ. (1)

Đó là chứng tích một bức thông điệp văn học vô giá - kí ức của núi - lưu truyền trường tồn cho các thế hệ mai sau, gìn giữ chò người bao điều sáng chói diệu kì, đã tô điểm, trang trí cho Xuyên Thủy Động thêm phần cổ kính, trang nghiêm, trí tuệ và có hồn hơn. Đó cũng là giá trị văn hóa thể hiện tài năng sáng tạo, kĩ thuật tinh xảo, điêu luyện của các nghệ nhân khắc chữ trên vách núi thời xưa. Bất luận thời gian, trải qua bao độ phong sương, mưa nắng của đất trời, bài thơ chữ Hán của Chúa Trịnh Sâm khắc trên vách núi vẫn chưa hề phai mờ đã tạo nên một tác phẩm điêu khắc tạo hình hoàn chỉnh cho cái đẹp của Xuyên Thủy Động.

Nếu có một lần đến với Xuyên Thủy Động, chắc hẳn du khách sẽ chẳng muốn rời, dễ đắm say trong cảnh núi sông tuyệt mỹ.

(1) Theo tư liệu của Bảo tàng Hà Nam Ninh do Đặng Công Nga công bố.

Ngoài bài thơ khắc ở vách núi Xuyên Thủy Động này, còn có bài thơ Nôm “Vịnh Hang Luồn” của Hoàng Giáp Phạm Văn Nghị (1805 - 1881), người làng Tam Đãng, nay là xã Yên Thắng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Ông đỗ Hoàng Giáp đời vua Tự Đức nên thường gọi là Hoàng Tam Đãng. Ông đã vào Động Liên Hoa ở từ tháng 7 năm 1874. (Qua Xuyên Thủy Động mới đến Động Liên Hoa).

VỊNH HANG LUỒN

Giữa núi, xuyên qua một chiếc ngòi,

Ai xoi khéo bấy, thợ trời xoi.

Đòi phen phong vũ đều không tới,

Mấy lớp Công Hầu cũng phải chui.

Hòm Sách (1) đã in Quang Trạng(2) đứng,

Thạch Bàn (3) còn đợi khách câu ngòi.

Thanh bình thú ấy nào ai biết,

Ai biết xin đừng mách bảo ai.

(1874-1880)

Xuyên Thủy Động này sẽ còn là nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca. Vẻ đẹp huyền thoại ấy đã thu hút du khách như lạc vào cõi Tiên, cõi Phật, làm lung linh non

(1) (2) Hai ngọn núi này ở phía ngoài Xuyên Thủy Động

(3) Chỉ một tấm đá rộng bằng phẳng khi Phạm Văn Nghị về ở ẩn trong Động Liên Hoa thường ngồi câu cá ở đó

nước Cố Đô Hoa Lư mà thiên nhiên hào phóng đã trao tặng.

Khi thuyền qua Xuyên Thủy Động, ra khỏi hang, ánh sáng lại ập tới ngay đưa du khách về cõi thực. Hãy nhìn kia, một ngọn núi nhỏ trông giống như hình người đầu đội mũ cách chuồn, gọi là núi Trạng Nguyên, lại có quả núi gồm những tảng đá vuông vuông dài dài, tựa như nhiều quyển sách xếp chồng lên nhau, gọi là núi Hòm Sách.

Phạm Văn Nghị cũng có thơ vịnh núi Trạng Nguyên.

TRẠNG NGUYÊN SƠN

Đặc lập kê biên thạch nhất quyền,

Nhân hình, đảo xứ vọng y nhiên.

Trọng danh chỉ thị nhân thư giá,

Tất thị tiên thân tị thế tiên.

(1874-1880)

Dịch thơ:

NÚI ÔNG TRẠNG

Hòn núi chon von dựng cạnh ngòi,

Ở đâu trông cũng tựa hình người.

Vì gần Hòm Sách, mang tên Trạng,

Trước hẳn là Tiên đã lánh đời.

(Nguyễn Văn Huyền dịch)

Thiên nhiên tạo hình, trí tưởng tượng phong phú đa dạng của con người đã đặt tên. Nhưng điều quan trọng là những cái tên gọi đó muốn nói lên khát vọng của con người. Núi Hòm Sách, tượng trưng cho tri thức. Núi Trạng Nguyên, tượng trưng cho người học giỏi để giúp dân, giúp đời. Phải chăng, thiên nhiên, núi non Hoa Lư đã cho du khách những suy tưởng như thế! Đâu phải chỉ là chuyến đi du ngoạn, mà chính là “Đi ngày đàng học sàng khôn”.

Một du khách nước ngoài đi thăm chùa Bích Động ở xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư khi đứng trước cửa chùa Thượng nhìn xuống, đã thấy núi “Chờng Sách”, đến đây vãn cảnh, lại thấy “Hòm Sách” nữa đã phải thốt lên:

“Đâu cũng đây sách! Một dân tộc hiếu học! Việt Nam coi trọng tri thức. Việt Nam, một kho tàng văn hóa!”

Nhìn hai quả núi “Trạng Nguyên” và “Hòm Sách”, du khách sẽ được nghe kể một truyền thuyết rất hay. Dân địa phương kể rằng: Khi giặc Minh sang xâm lược nước ta, chúng đã đến đây, thấy núi Trạng Nguyên và núi Hòm Sách thì tức lắm. Chúng bảo nhau phải kéo đổ hai ngọn núi này để không còn sách và Trạng nguyên nữa. Nghĩ vậy, chúng đã buộc chảo vào cổ “Ông Trạng” mà kéo. Nhưng núi Trạng Nguyên không đổ, chảo bị đứt, văng sang một bên làm sạt một vạt núi, từ đó gọi là

Vụng Chèo. Giặc Ngô (giặc Minh) cùng ngã theo. làm sạt cả một vạt núi khác, từ đó cũng gọi là Vụng Ngô Ngã. Những tên gọi này hiện nay dân địa phương vẫn dùng để gọi các vạt núi đó.

Thăm Xuyên Thủy Động, thấy mây che ấp núi, cây cối mọc xanh tươi. hoa rừng thơm ngát, có dòng sông lượn quanh co như tấm lụa giăng lúc ẩn lúc hiện, lại có chim ca, vượn hót. dê kêu... hàng cây trên núi ngăn gió rì rào, thật là một cảnh sơn kì thủy tú. Bạn hãy một lần trong đời đến với Xuyên Thủy Động - Một vẻ đẹp kì thú mà thiên nhiên đã ban tặng cho đất nước và người Hoa Lư.

CHÙA NHẤT TRỤ

Du khách thăm Cố đô Hoa Lư nên đến thôn Yên Thành, xã Trường Yên xem chùa Nhất Trụ. Chùa chỉ cách đền thờ vua Lê Đại Hành về phía bắc gần 100 m, được xây dựng từ thời Tiền Lê, qua nhiều lần trùng tu đến nay vẫn còn khá nguyên vẹn. Lần trùng tu gần đây nhất vào năm 1992.

Tên chùa lấy tên cột Kinh để đặt. “Cột” tức là trụ. Trong chùa chỉ có một cột Kinh Đá nên gọi là Nhất Trụ.

Hiện nay, chùa quay hướng Tây (hướng dương - yên tâm một chỗ), kiến trúc theo kiểu “chuôi vò”, phần ngang là tiền đường năm gian, phần dọc - “chuôi vò” bốn gian là nơi thâm nghiêm để thờ Phật.

Chùa được xây dựng bằng những cột gỗ lim. Vòm, kèo, xà ngang, xà dọc cũng bằng gỗ lim. Mái chùa không uốn cong như các ngôi chùa khác, lợp bằng ngói ta không có mấu, mũi lượn tròn, phía dưới là ngói chiếu. Hệ thống bộ mái của chùa chiếm hai phần ba công trình. Đó cũng là đặc trưng kiến trúc của chùa Việt Nam.

Đến chùa, đi vào cổng phía Nam, bên trên có ba chữ Hán đắp nổi: “Nhất Trụ Tự” (Chùa Nhất Trụ).

Khu vực chùa rộng gần tám sào, được xây tường bao xung quanh. Vườn chùa trồng nhiều cây ăn quả, cây đại thụ, cây cảnh, cây hoa xanh tươi làm cho cảnh chùa như một chốn tịnh viên (vườn tĩnh mịch).

Ngoài chùa chính, trong khu vực chùa còn có nhà thờ Địa Tạng (Bồ Tát) và thờ Mẫu, nhà thờ Tổ để thờ những vị tăng ni đời trước ở chùa đã mất. Trụ Trì là nơi nhà sư ở, Phương Trượng là nhà tiếp khách và một số tháp - nơi chôn cất các nhà sư đã trụ trì và mất tại đây.

Đến thăm chùa, du khách bước vào tiền đường (nhà phía trước) ở cửa bên trái. Tại đây có bệ thờ đặt tượng Đức Ông mặt đỏ. Đối diện bên phải tiền đường là bệ thờ đặt tượng Đức Thánh Hiền (Đức A Nam). Trong tiền đường còn treo một quả chuông lớn. Lễ Đức Ông xong, du khách mới đến lễ ở bàn thờ chính giữa, nằm ở chùa trong - “chuôi vờ”. Đây là chỗ thờ Phật có bốn bàn thờ từ cao xuống thấp, là bốn hàng trưng bày các tượng Phật được sơn son thiếp vàng lộng lẫy và các thứ đồ thờ như đỉnh hương, cây đèn...

Hàng trên cùng là Tam Thế Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai). Hàng thứ hai là Di Đà Tam Tôn. Tượng Di Đà ở giữa. Bên phải Di Đà là tượng Đại Thế Trí Bồ Tát. Bên trái Di Đà là tượng Quan Thế Âm Bồ Tát. Hàng thứ ba là hai tượng Thổ Địa và Thánh Tăng. Hàng thứ tư là tòa Cửu Long, tức Thích Ca Sơ Sinh - tượng một chú bé đứng trên tòa sen, mặc quần cùn cốn, tay phải chỉ xuống đất, tay trái chỉ lên trời. Xung quanh tượng này có chín con Rồng. Chín con Rồng ấy đem toàn bộ nước linh thiêng cho Phật tắm.

Điều đặc biệt, độc đáo của chùa Nhất Trụ là có một cột Kinh Đá dựng ở phía trước chùa, hơi lui về hướng Bắc.

Đây là cột Kinh Đá do vua Lê Đại Hành (980 - 1005) làm ở niên hiệu Ứng Thiên thứ 2, năm 995 để dâng nhà

Phật, vì nhà Vua rất tin vào đạo Phật, tin vào sự linh ứng của Kinh Phật.

Cột Kinh Đá có chiều cao tính từ tầng đến chóp là 4,16 m gồm sáu bộ phận đá được gá lắp thành.

Bộ phận thứ nhất là một tầng đá hình vuông, mỗi chiều 1,4 m, dày 0,3m. Điều đặc biệt ở tầng đá này là được chạm khắc một vòng cánh sen gồm 22 cánh đơn bao quanh đế cột với đường kính vòng sen 1,07m. Cánh sen thon. Có lẽ, đây là loại hoa văn cánh sen xuất hiện sớm nhất ở Việt Nam trong nghệ thuật chạm khắc đá. Hoa sen theo quan niệm của đạo Phật là biểu tượng của cõi Niết bàn, biểu hiện cho trí tuệ, cũng là biểu tượng của âm. Vì thế tầng đá mới chạm khắc cánh sen. Lỗ mộng của tầng đá ở giữa, có đường kính 29 cm, sâu 5,5 cm.

Bộ phận thứ hai là đế tròn, trên to, dưới nhỏ, đường kính trên 76 cm, đường kính dưới 66 cm, cao 3,32 cm. Bên dưới đế có ngõng tròn để vào lỗ mộng của tầng đá. Bên trên cũng có lỗ mộng.

Bộ phận thứ ba là thân cột, hình bát giác (8 cạnh), trên to, dưới nhỏ bằng đá xanh nguyên khối cao gần 2,4m, số đo qua tâm hai mặt đối diện nhau, phía trên là 65cm, phía dưới 61 - 62 cm. Hai đầu thân cột đều có ngõng để cắm vào đế và thớt bát giác, ngõng dưới có đường kính 16cm, dài 5 cm, ngõng trên có đường kính 18 cm, dài 6 cm. Đây là bộ phận chính của cột Kinh. Tám mặt đều được mài nhẵn lì, chạm khắc khoảng 2.500 chữ Hán. Hiện nay, do nước chảy đá mòn, thời gian làm mờ nhiều chữ ở phần trên và dưới, chỉ có thể đọc được khoảng 1.200 chữ. Nội dung bản

khắc trên thân cột là khắc Kinh Đà La Ni, Thủ Lăng Nghiêm và bài thần chú ca ngợi sự bền vững của đức hạnh Phật, sự to lớn, bao trùm của trí tuệ, tài năng Phật Như Lai.

Bộ phận thứ tư là thốt bát giác có số đo qua tâm, hai mặt đối diện là 69 cm, cao khoảng gần 13 cm, mặt trên phẳng, mặt dưới có lỗ mộng để trên thân cột.

Bộ phận thứ năm là đầu tám cạnh, cao 26 cm, bên trên đầu có lỗ mộng tròn để lắp chóp.

Bộ phận thứ sáu là chóp có hình một chiếc hồ lô thóp bụng, cổ dài, miệng tù, cao khoảng 80 cm. Hiện nay chóp cũ đã mất, được làm thay bằng chóp khác. (1).

Sáu bộ phận của cột Kinh đều làm bằng đá được gá lắp vào nhau bằng các lỗ mộng và ngõng tròn, không hề có chất kết dính nào. Điều này khẳng định sự tính toán tỉ mỉ, rất khoa học của các nghệ nhân, đồng thời cũng chứng minh được loại hình thư pháp đá đã có sớm ở nước ta.

Phải chăng, nghệ thuật chạm khắc đá, thư pháp trên đá của nhân dân Hoa Lư đã có từ lâu đời, cách ngày nay trên 1000 năm. Đây là sự hóa thân của thiên nhiên vào cuộc sống trong môi trường sinh hoạt văn hóa của con người, trước hết đã có ở nơi cửa Phật.

Trải qua hơn mười thế kỉ, gió bão, lụt lội không hề làm cho cột Kinh lún, nghiêng và đổ. Đó cũng là điều kì diệu của đá, của con người, của cột Kinh Phật.

(1) Theo tư liệu của Đặng Công Nga trong "Văn hóa Ninh Bình" số 3 năm 1996.

Những người thợ đá Hoa Lư xưa là những nghệ nhân tài hoa, có lòng say mê, thông minh, sáng tạo, có đôi bàn tay vàng, thận trọng và khéo léo đã đáp ứng được khát vọng mong muốn của vua Lê Đại Hành và con người, khiến du khách phải thán phục.

Chính vì thế, hai cột vuông ngoài hiên tiền đường của chùa Nhất Trụ có câu đối chữ Hán đắp nổi:

“Ức niên Phật thủ kim liên điện.

Vạn cổ Thần linh thạch trụ tiêu”.

Tam dịch:

“Hàng vạn năm bàn tay Phật xây dựng tòa sen vàng
(chùa).

• *Từ xa xưa Thần linh thiêng chôn cắm cột bằng đá
(cột Kinh Đá)”.*

Chùa Nhất Trụ nằm trong kinh thành Hoa Lư.

Đến năm 1010 Lí Công Uẩn lên ngôi vua, lập ra nhà Lí. Lí Thái Tổ quyết định rời đô từ Hoa Lư đến thành Đại La (Thăng Long). Sử chép rằng vua Lí Thái Tông (1028 - 1054) nằm mộng thấy Phật Quan Âm ngồi trên tòa sen mời vua bước lên. Vua cho là điềm gỡ, bèn cho xây một ngôi chùa theo hình hoa sen để thờ Phật và cầu xin ban thêm tuổi thọ. Năm 1049, chùa được xây dựng nằm giữa hồ Linh Chiếu (khu vực Ba Đình - Hà Nội ngày nay). Bộ phận chính của ngôi chùa, hay nói một cách khác, cơ sở của chùa là một cột đá hình tròn, có đường kính 1,25 mét, từ dưới đáy hồ nhô lên mặt nước. Trên đầu trụ đá tròn là một ngôi nhà nhỏ bằng gỗ vuông vức mỗi chiều 3 mét. Bốn chiếc sóc

nách bằng gỗ từ giữa thân trụ đá đâm ra như những cành cây đỡ lấy ngôi chùa.

Có lẽ, để tưởng niệm ghi nhớ Cố đô Hoa Lư trong tâm thức, vua Lí Thái Tông gọi tên chùa là Một Cột. Sách “Đại Nam nhất thống chí” có ghi: “Đô cũ nhà Đinh, nhà Lê... lại có các danh hiệu: Cầu Đông, Cầu Rền,... chùa Tháp, chùa Nhất Trụ,... nền cũ vẫn còn. Khi Lí Thái Tông dời đô đến Thăng Long đều dùng theo các danh hiệu ấy”.

Tên gọi của hai chùa giống nhau, nhưng kiến trúc và ý tưởng lại khác nhau. Điều quan trọng là tên gọi “Nhất Trụ” vẫn còn lưu lại trên đất Thăng Long - Một sự tiếp nối, ghi nhớ một “Kinh đô đá” oanh liệt, hùng tráng một thời vàng son rực rỡ.

Đó cũng là đạo lí “Uống nước nhớ nguồn”, biết quý trọng quá khứ hào hùng của dân tộc.

Chùa Nhất Trụ nhỏ gọn và xinh xắn - tháng ngày vẫn ngân vang tiếng chuông chùa. Du khách vào đây như đến cõi mênh mông của đất trời, bởi vì có cột Kinh Đá, ngoài chức năng ghi các Kinh nhà Phật, còn là vận chuyển tải sinh lực vũ trụ. Nó cũng là thứ linh thiêng. Vàng, sắt ở chùa không thiêng. Đất nung và đá mới linh thiêng. Vì thế người ta thường tạc các tượng Phật và bát hương cùng các đồ thờ bằng đá hoặc đất nung.

Ngoài vẻ đẹp tạo hình, cột Kinh Đá còn chứa đựng một vẻ đẹp tâm linh, thánh thiện, tạo nên một khung cảnh của thanh nhã, rộng lớn, sâu sắc, linh thiêng; điều quan trọng đặc biệt là mang tên một ngôi chùa cổ ở Việt Nam có cách đây hơn 1000 năm - Chùa Nhất Trụ.

ĐỀN THỜ CÔNG CHÚA PHÁT KIM

Cách chùa Nhất Trụ lui về phía Bắc khoảng vài chục mét, là đền thờ công chúa Phát Kim, còn gọi là Phủ Bà Chúa

Tương truyền, đền được xây dựng từ thời nhà Đinh, sau khi công chúa Phát Kim nhảy xuống giếng tự vẫn. Đền tọa lạc trên nền nhà của cung Vọng Nguyệt - Nơi công chúa Phát Kim đã ở nằm trong kinh thành Hoa Lư xưa. Sau nhiều lần trùng tu, đến nay đền vẫn còn khá nguyên vẹn, kiến trúc theo kiểu nhà “chuôi vò”, phần ngang là 3 gian tiền đường, phần dọc “chuôi vò” 2 gian, dựng bằng những cột đá và gỗ lim. Ở gian cuối của “chuôi vò” - Hậu cung đặt tượng công chúa Phát Kim ngồi trong Long Cung.

Phát Kim là một trong ba người con gái của vua Đinh Tiên Hoàng. Công chúa Minh Châu được vua Đinh Tiên Hoàng gả cho tướng Trần Thăng (là em ruột Trần Lâm - Người đứng đầu một sứ quân chiếm giữ Bố Hải Khẩu (Thái Bình)). Công chúa Phát Ngân, sau lấy Điện Tiền Chi Huy Sứ Lí Công Uẩn (người sáng lập ra nhà Lí).

Công chúa Phát Kim được vua Đinh Tiên Hoàng gả cho Ngô Nhật Khánh - Đứng đầu một sứ quân ở Đường Lâm (Sơn Tây).

Sau khi Đinh Bộ Lĩnh dẹp yên loạn 12 sứ quân, lên ngôi Hoàng đế, đã lấy mẹ Ngô Nhật Khánh làm Hoàng

hậu. Vua Đinh Tiên Hoàng còn cho con trai ca của mình là Đinh Liên lấy em gái Ngô Nhật Khánh. Vua Đinh Tiên Hoàng làm như vậy, vì biết được tài thao lược của Ngô Nhật Khánh, đồng thời muốn thu phục để Ngô Nhật Khánh không chống đối mình, không khôi phục được dòng họ Ngô. Điều đó thể hiện sự gắn bó giữa hai dòng họ Ngô và Đinh.

Nhưng vẫn sợ Ngô Nhật Khánh còn có khả năng sinh biến chống lại, nên vua Đinh Tiên Hoàng còn quyết định gả con gái yêu quý của mình là công chúa Phát Kim cho Ngô Nhật Khánh. Ngô Nhật Khánh đã trở thành phò mã của vua Đinh Tiên Hoàng. Thế là mẹ, em gái và bản thân Ngô Nhật Khánh đã là những người gần gũi thân thiết nhất của vua Đinh Tiên Hoàng, thường xuyên gặp nhau, lúc nào cũng gắn bó. Các cặp vợ chồng này đan chéo nhau trong một gia đình tưởng như không bao giờ chia lìa ra được.

Nhưng Ngô Nhật Khánh *“bên ngoài thì nói cười như không, mà trong bụng vẫn bất bình”* (Đại Việt sử kí toàn thư), nuôi chí phục thù cho dòng họ Ngô, chống lại vua Đinh Tiên Hoàng.

Ngô Nhật Khánh đã đem Công chúa Phát Kim chạy sang Chiêm Thành. Khi thuyền đến cửa biển Nam Giới (Hà Tĩnh), Ngô Nhật Khánh đã mắng chửi công chúa Phát Kim: *“Cha mày lừa dối hiếp tróc mẹ con ta, ta há lại vì mày mà quên đức tính của cha mày ư? Mày về đi, ta đi đường khác để tìm người có thể cứu ta”*. (Đại Việt sử

kí toàn thư). Sau đó, Ngô Nhật Khánh rút gươm xẻo má công chúa Phát Kim. Mặc cho người vợ đau đớn, Ngô Nhật Khánh bỏ chạy sang cầu viện vua Chiêm Thành để về đánh vua Đinh Tiên Hoàng.

Trước sự phản bội, bất nghĩa của người chồng, công chúa Phát Kim rất đau buồn trở về kinh đô Hoa Lư. Chạy chữa thuốc thang, thịt cắt trên má đã lành, nhưng vết sẹo vẫn còn trên mặt, làm cho công chúa Phát Kim vô cùng buồn bã.

Lại một tin đau thương vô hạn ập đến làm công chúa Phát Kim bàng hoàng, đau đớn: Vua cha và người anh cả Đinh Liễn bị ám hại.

Ngay sau đó, *“Phò mã Ngô Nhật Khánh dẫn hơn nghìn chiếc thuyền thủy quân của Chiêm Thành vào cướp bóc, muốn đánh thành Hoa Lư qua hai cửa biển Đại Ác (Nghĩa Hưng, Nam Định) và Tiểu Khang (Yên Mô, Ninh Bình). Qua một đêm gặp gió lớn nổi lên, thuyền đều chìm đắm. Nhật Khánh và người Chiêm đều chết đuối, duy có thuyền của vua Chiêm được trôi về nước”.* (Đại Việt sử kí toàn thư).

“Họa vô đơn chí”, bao đau đớn, tủ nhục đã đến cùng một lúc, làm cho công chúa Phát Kim thất vọng. Phát Kim đã nhảy xuống giếng nước ở lâu Vọng Nguyệt nằm ở phía Bắc kinh đô Hoa Lư tự vẫn.

Chiếc giếng đó ngày nay vẫn còn, ở ngay trước cửa đền. Giếng có đường kính 5 mét, xây hình bát nguyệt (8 cạnh). Giếng không bao giờ cạn, nước lúc nào cũng trong

vất như lọc, thể hiện một tấm lòng trung hiếu sáng trong của công chúa Phất Kim, thà chết chứ không chịu theo giặc chống lại vua cha.

Đền nằm ở đây trên nền cung Vọng Nguyệt, có giếng nước ngàn năm vẫn còn đó. Âm dương đối đãi, đền cao, giếng sâu như khẳng định một người công chúa “Tiết liệt trung trinh” của vua Đinh Tiên Hoàng, đồng thời cũng là một trong những di tích còn lại của kinh đô Hoa Lư xưa.

ĐỘNG HOA SƠN

Từ Cầu Huyện thuộc xã Ninh Mĩ, theo đường Tiến Yết vào Cố đô Hoa Lư, qua Quèn Ổi khoảng 2 km tới phủ Thành Hoàng, rẽ trái chừng 1 km, du khách sẽ đến động Hoa Sơn. Động Hoa Sơn ở thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa, huyện Hoa Lư. Đây là một trong những động đẹp của tỉnh Ninh Bình.

Động ở lưng chừng quả núi Chùa thuộc dãy núi phía Đông Nam kinh thành Hoa Lư xưa.

Muốn thăm động, du khách phải bước theo 153 bậc đá, lên độ cao gần 60 mét so với chân núi. Lối lên động có nhiều cây cổ thụ, tán lá sum suê, tươi xanh, phong cảnh êm dịu, mát mẻ. Trước đây có cây Đa Bà cao bằng đỉnh núi, thân to, đường kính gần 3 mét, phủ rợp một khoảng sườn núi rộng. Càng lên cao, không khí càng trở nên thoáng nhẹ. Đường như núi cao đã thanh lọc bụi bặm của cuộc đời để du khách thanh thần bước vào cõi Bồng lai, Tiên cảnh nơi đây.

Động hướng Đông. Đứng trước cửa động, du khách sẽ có dịp ngắm nhìn toàn cảnh thiên nhiên có non cao, động thăm, sông ngòi mi lệ. Thiên nhiên như đã ưu ái riêng chốn này để che chở, bảo vệ hoàng tộc nhà Đinh cách đây hơn 10 thế kỉ.

Tương truyền, thời nhà Đinh, động là nơi nuôi Ấu Chúa. Cho nên động có tên là “Phôi Sinh Tự”. Nhân dân vùng

này quen gọi là “Chùa Bà Đe”. Động đã hình thành từ xa xưa. Nhân dân ở đây thấy động đẹp đã lấy động làm chùa thờ Phật. Động chính là một “ngôi chùa” thiên tạo. Động cao sâu nên “chùa” càng rộng lớn. Có lẽ, đây là một ngôi “chùa” vững chãi đã có từ rất sớm ở Ninh Bình. “Ngôi nhà Bảo tàng” tự nhiên này có nhiều pho tượng đẹp và những nhũ đá kì thú. Thiên nhiên và người xưa đã cùng nhau tạo dựng một tác phẩm nghệ thuật diệu kì mà khiêm tốn, ẩn mình trong một vùng non nước sơn thủy hữu tình của Cố đô Hoa Lư.

Trước cửa động, ở bên phải có hai pho tượng bằng đá được đánh bóng nhẵn thờ hai ông bà có công tu sửa chùa, tên là Nguyễn Hữu Non và Lê Thị Sánh. Tượng ông Nguyễn Hữu Non ngồi theo thế nhà Phật, tay phải cầm chiếc quạt giấy mở ra trước ngực, tay trái để trên đùi. Trên cổ tượng bà Lê Thị Sánh đeo tràng hạt, hai bàn tay để dưới tràng hạt. Tương truyền, đây là hai pho tượng quý hiếm. Văn bia khắc ở vách núi phía bên trái cho biết ông Nguyễn Hữu Non và bà Lê Thị Sánh sửa chùa năm Ất Hợi - Gia Long thứ 14 (1815).

Tương truyền, vào thời Nguyễn, vua Tự Đức trong chuyến tuần du ra Bắc Hà, nghe đồn ở đây có “chùa” đẹp đã ghé thăm. Nhà vua vào động lễ Phật, thấy động kì ảo nên đã đổi tên động thành “Hoa Sơn Động”. Từ đấy động được gọi là “Động Hoa Sơn” hay “Chùa Hoa Sơn”. Nhà vua còn lệnh cho quan sở tại tập hợp các ngôi mộ thuộc Hoàng tộc nhà Đinh và những người có công với triều Đinh, cho xây lăng Nghĩa Chung ở khu đất rộng chừng 3 mẫu. Hiện

nay. lăng Nghĩa Chung xây bằng đá vẫn còn, nằm ở phía Đông Nam, cách động Hoa Sơn chừng 150 mét. Nhà vua cũng truyền cho quan sở tại cấp 2 mẫu ruộng ở phía Đông Bắc động, giao cho nhân dân địa phương trông cấy hàng năm, lấy lương thực để cúng tế trong chùa, gọi là ruộng Phù Tự.

Cửa động Hoa Sơn có mây vờn, sương phủ linh thiêng, nước rơi tí tách quanh năm từ các nhũ đá. Khi bình minh ánh lên, vách núi cửa động là một màu tím nhạt, thực mơ huyền diệu bao phủ. Đây chính là cửa tiền của động, chiều ngang dài 12 mét, chiều cao khoảng 20 mét, có cây Đa Bà, rễ thả trước cửa động trông rất đẹp. Bên trái cửa tiền có chiếc khảnh đá to, gõ vào nghe trầm bổng ngân nga như tiếng chiêng.

Nét độc đáo của động Hoa Sơn là chiều dài của động bằng chiều ngang của núi, dài khoảng 100 mét, xuyên qua núi, có 3 hang liền nhau, tam cấp, từ thấp lên cao là: hang Hạ, hang Trung và hang Thượng.

Vào cửa tiền, bước lên cao gần 3 mét mới đến hang Hạ. Hang Hạ chính là “một ngôi chùa” thiên tạo. Ở đây thờ Phật, có nhiều tượng Phật như: Tam thế, Thiên phủ Thiên nhỡn, Phật bà Quan âm, Quan âm Thị Kính, Đức ông, Đức Thánh hiền, Đức Thổ địa, Đức Thánh tăng... và hai tượng Hộ Pháp cao to đứng sừng sững hai bên. còn gọi là hai tượng Kim Cương hay Ông Thiện và Ông Ác (khuyến thiện và trừ ác). Tượng ông Thiện tay cầm qua đào trường thọ như muốn ban cho du khách làm nhiều điều thiện để được trường sinh. Tượng ông Ác tay cầm thanh gươm như muốn

trùng trị những kẻ sống bạc ác ở trên đời. Tất cả các bát hương ở “chùa” đều làm bằng đá. Có một nhang án đá chạm khắc “lưỡng long châu nguyệt”.

Vách hang bên trái treo một quả chuông nhỏ đúc từ khi lập “chùa”. Một câu đối ở “chùa” đã miêu tả về động như sau:

“Cảnh tú anh linh thiên cô tại.

Hoa Sơn tiên động ức niên tiên”.

(Cảnh đẹp thiêng liêng từ thiên cô.

Động Hoa Sơn có từ ngàn năm trước).

Hai bên “chùa” là hai lối đi lên hang Trung. Du khách bước lên 10 bậc đá, cao gần 6 mét là đến hang Trung. Mặc dù hang Hạ và hang Trung liền nhau nhưng cửa hang Trung vẫn thót lại. Vào hang Trung là một cảnh sắc thiên tạo tuyệt vời.

Hang Trung giống như một ngôi nhà vòm cao rộng, có chiều cao khoảng trên 30 mét. Trần hang là những khối đá hình vòm nhả li như đánh bóng. Trần và thành hang bên trái có một số nhũ đá. Nơi này như đám mây ngũ sắc, nơi kia như rồng bay, phượng múa. Còn đây là voi châu, hổ phục, sử tử nằm. Với trí tưởng tượng phong phú, thể hiện một cái nhìn trí tuệ, có giá trị thẩm mỹ và nhân văn, du khách sẽ có ngay những nhũ đá để đặt tên, mỗi tên gọi ghi nhận một tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tài hoa của tạo hóa, của thời gian trên đá, gợi hình, gợi cảm, đầy sức quyến rũ mà không một bàn tay nào của con người có thể làm được. Có thể nói, đây là một “Cung điện” lộng lẫy, nguy nga như trong các truyện thần thoại khiến du khách

có cảm giác thần bí nào đó. Gần cuối hang Trung về phía tay trái, du khách nhìn thấy một khối nhũ đá lớn rất giống ông Bụt ngồi uy nghiêm. Những giọt nước ở trong động hàng nghìn vạn năm kiên nhẫn đeo gọt làm nên kì công đó. Tất cả đều lunh linh trong những dáng hình sinh động. Từ nền hang Trung nếu dựng đà giáo sẽ lên được trần hang và bước vào một hang nữa nằm trên đỉnh hang Trung. Hang này cũng rộng và dài đều là những vòm đá nhũ li tạo thành.

Từ hang Trung bước lên độ cao hơn 8 mét nữa mới đến hang Thượng. Hang Thượng nhỏ hơn, cửa hang ở phía Tây lại thấp, chỉ cao bằng đầu người. Bước lên cao gần 2 mét nữa, du khách mới ra được cửa hậu hình loe, nhỏ hơn cửa tiền. Nền cửa hậu là một lớp đá phẳng, có độ cao so với chân núi khoảng trên 100 mét, không có lối xuống núi. Đứng ở đây, du khách phóng tầm mắt ra xa là thấy những cánh đồng lúa xanh mướt và dãy núi Trường Sơn trùng điệp nhấp nhô xám nhạt. Quả là cứ đi lên cao dần, vẻ đẹp thần tiên lại hiện thêm ra.

Động Hoa Sơn là động xuyên qua núi nên lúc nào cũng có sương sa, gió thổi. Trong động mùa hè mát mẻ, mùa đông lại ấm áp. Động lúc nào cũng có khói hương nghi ngút, sáng tối mờ ảo, hư hư, thực thực, hòa quyện với các pho tượng Phật cùng con người, đan xen với “thần tiên”, “muông thú”. Du khách đến đây tâm linh như được trở về với cội nguồn mà khám phá ra chính mình để hòa nhập với thiên nhiên thanh tao, cao khiết, để rời chất ngát, đẫm say. có những giây phút tĩnh lặng thiêng liêng.

Động Hoa Sơn không những là một danh thắng nổi tiếng mà còn gắn liền với phong trào đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình.

Trước cách mạng tháng Tám, giặc Pháp truy lùng các chiến sĩ hoạt động cách mạng, khủng bố các thân nhân của họ. Ông Tống Văn Quyền là thân sinh đồng chí Tống Văn Trân - chiến sĩ cách mạng, quê ở huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định - đã cùng 3 người con gái và con dâu là bà Nguyễn Thị Tuyên (vợ ông Tống Văn Trân) khoác áo cà sa tu hành ở động Hoa Sơn.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, động Hoa Sơn được chọn là nơi ở của Bộ chỉ huy quân sự của hai chiến dịch lớn là chiến dịch Quang Trung và Tây Nam Ninh Bình. Tỉnh ủy Ninh Bình đã hội họp, làm việc tại đây. Đồng chí Đỗ Mười, khi đó là Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình đã thường xuyên làm việc và hội họp ở trong động.

Chính vì thế, lá thư "Thân gửi các đồng chí trong ban bảo vệ di tích lịch sử thôn Áng Ngũ, xã Ninh Hòa" ngày 16 tháng 11 năm 1987 (khi đó ông Đỗ Mười đang làm Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam), đã viết:

"Di tích Hoa Sơn mãi mãi là một sản phẩm tinh thần mang truyền thống văn hóa và cách mạng của cha ông cho các thế hệ mai sau".

Động Hoa Sơn có cảnh đẹp mê hồn, ai chưa đến xin hãy đến một lần và đến rồi chắc sẽ nhớ mãi cái tuyệt mỹ, trường tồn của tạo hóa ở nơi này.

ĐỘNG THIÊN TÔN

Du khách từ Hà Nội xuôi phía Nam theo đường quốc lộ 1A khoảng hơn 90 km, đến ngã ba Cầu Huyện rẽ phải vào đường Tiến Yết (đường đi thăm Cổ đô Hoa Lư) hơn nửa km thấy chỗ ngoặt, lại rẽ phải 50 mét nữa là tới động Thiên Tôn.

Động Thiên Tôn ở chân núi Dũng Đương cao khoảng 60 mét, quay hướng Nam thuộc thôn Đa Giá, xã Ninh Mĩ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

Toàn bộ khu vực động Thiên Tôn gồm gần 2 mẫu 4 sào, trong đó có khoảng 6 sào là núi. Đây là một phong cảnh thiên nhiên trong lành, yên ả, mát mẻ. Vườn rộng, có rất nhiều cây ăn quả, cây đại thụ lá cành xanh tốt. Nhiều loại chim truyền bay từ cành nọ sang cành kia, tiếng kêu riu rít, làm cho du khách có cảm giác như đang lạc vào cõi Bồng lai, Tiên cảnh.

Ở giữa vườn cây xanh biếc, nổi lên một Phương Đình cao to, xây toàn bằng đá thước, phía Bắc và phía Nam để ba cửa cuốn cao rộng, trần được làm bằng gỗ lim. Phương Đình là nơi hội tụ của các thiện nam tín nữ đến tỏ chức các buổi tế lễ ở đây. Lui lên hướng Bắc Phương Đình vài chục mét là phủ thờ Mẫu, xây dựng theo kiểu

“chuôi vồ”. Ba gian ngoài là Tiền Đường, các cột vuông đều làm bằng đá xanh nguyên khối. Hậu Cung (chuôi vồ) thờ Liễu Hạnh công chúa.

Đường vào động Thiên Tôn đi theo phía Tây Phương Đình và phủ thờ Mẫu. Qua dãy nhà nghỉ ở bên tay trái du khách là hai cột đồng trụ cao, xây trên nền đất sát chân núi. Gần cột đồng trụ phía bên tay phải du khách (bên Động đường) là miếu thờ Ngũ Phương (Đông, Tây, Nam, Bắc và Trung). Qua cột đồng trụ, bên tay trái du khách có một con sư tử đá, đầu quay hướng Bắc, dài 1,2 mét. Tiếp đó là Nhà Bia, dựng bằng bốn cột đá, tám mái uốn cong, hai tầng, lợp ngói. Trong Nhà Bia đặt bia đá lớn trên lưng con rùa đá dài 2 mét, rộng 1,4 mét. Tương truyền, trước đây rùa đá để trong động, sau đó đem ra đặt bia. Bia làm ở thời Nguyễn, khắc chữ Hán, mặt tiền ghi công đức những người cúng tiến xây dựng động, mặt sau ghi sự tích thần Thiên Tôn.

Đối diện với Nhà Bia là công đá vào động Thiên Tôn, mái lợp ngói, hai tầng, bên trên đắp nổi ba chữ Hán: “Dũng Đương Sơn” là tên gọi của núi này có động Thiên Tôn. “Dũng” là nước chảy từ trên xuống. “Đương” là cản lại, chắn lại. “Sơn” là núi.

Từ thuở xa xưa, núi castơ này, trời mưa tạo thành dòng nước chảy từ trên đỉnh xuống, dội thẳng vào đá, năm này qua năm khác, hàng triệu triệu năm, đá và

dòng nước vĩ đại đã làm nên giếng Tiên trong ruột núi, nước giếng Tiên lại chảy qua lòng đất đi ra sông, ra biển (1). Từ khi phát hiện ra động, trong động có giếng Tiên, người ta gọi núi này là Dúng Đương Sơn hay Vũ Đương Sơn. Tên gọi này còn bắt nguồn từ một huyền thoại về vị thần Thiên Tôn tu luyện ở núi Dúng Đương bên Trung Quốc (xem đoạn sự tích thần Thiên Tôn ở dưới).

Bước qua cổng vào, du khách sẽ choáng ngợp trước một hang đá thiên tạo cao dài, vòng cung, trông giống như miệng một con rồng khổng lồ có đủ hàm trên và hàm dưới, gọi là hang ngoài. Vách đá cao chênh vênh đua ra, trông như hình “bán mái” dài 33 mét, nhiều nhũ đá chảy, có chỗ như những cái móc ngắn dài. Một số rễ cây buông thõng, quán quýt trông như các bức rèm trang trí. Vách đá tạo thành hàm trên của miệng rồng. Điều độc đáo là, từ chân vách đá cách 13 mét về hướng Nam lại có những khối đá lớn, cao dài gần bằng vách đá, chắn toàn bộ vách đá, nên mới làm thành hang được. Nhưng những khối đá này chắn không kín, có khoảng lộ thiên đều, vừa đủ, cùng với nền hang bằng phẳng lát đá xanh, hai đầu Đông Tây có lối thông ra ngoài, nên trông như hàm dưới miệng rồng. Như thế “miệng rồng” không ngậm, lúc nào cũng như hé mở hơi cười. Cho nên hang

(1) Theo tư liệu của Hoàng Giáp ở Viện nghiên cứu Hán Nôm trong bài “Động Thiên Tôn” - Tạp chí “Văn hóa Thể thao Ninh Bình” - Số I - Năm 1993.

ngoài còn gọi là hang Sáng. Rất hiếm các hang động trông giống miệng rồng như thế.

Diện tích nền hang ngoài rộng khoảng 400 m², có sức chứa hàng trăm con người.

Chính giữa hang ngoài có một cửa hang hơi tròn, cao khoảng 2 mét. Đó là cửa hang trong ăn sâu vào ruột núi, tạo thành “chuôi vò”. Vì cửa hang hẹp, nên hang trong tối om, còn gọi là hang Tối.

Nếu hang ngoài là miệng rồng thì hang trong chính là họng của con rồng. Như thế động Thiên Tôn có hai lớp hang, bên ngoài rộng, bên trong hẹp, hình thành miệng và họng của một con rồng đá nhìn về phương Nam.

Từ hang ngoài, du khách hãy xem các đồ thờ và cách bài trí tượng Phật ở trong hang.

Giữa hang ngoài, gần cửa hang trong có một hương án đá cao 1,2 mét, dài 1,4 mét, rộng 0,9 mét, ba mặt chạm nổi đường nét hoa văn và tứ linh (long, li, quy, phượng), lưỡng long châu nguyệt, phượng châu, phượng múa... Đường nét chạm khắc giống như hương án gỗ, thậm chí có phần còn tinh vi, sắc sảo hơn. Đó là một hương án ngoạn mục làm ở thời Nguyễn, cách ngày nay trên 100 năm. Trên hương án, phía ngoài đặt hai lộc bình đá, ở giữa để một bát hương đá, đường kính 40 cm, chạm khắc lưỡng long châu nguyệt.

Sau hương án đá là án thư đá cao 0,5 mét, trên cũng để một bát hương đá. Hai bên án thư đá cắm trùy đá và phủ nguyệt đá đều được chạm khắc công phu, tỉ mỉ. Gần cửa hang trong, sau án thư đá lại có một bệ thờ lớn làm bằng đá xanh nguyên khối, dáng hình gần vuông, mỗi cạnh dài 1,2 mét, cao 0,9 mét, nặng trên 1 tấn, bên trên cũng để bát hương đá và các đồ thờ khác bằng đá.

Vách đá bên trên cửa động trong, được chạm khắc nổi ba chữ Hán lớn: “Thiên Tôn Động”, trông giống như bức đại tự.

Sát hai vách đá, đối diện nhau từ cửa hang trong được xây các bệ thờ bằng gạch chạy dài hai bên, trên đặt 18 vị La Hán, gọi là thập bát La Hán, đế tạc bằng đá được sơn son thiếp vàng. Vách đá phía Đông còn xây bệ thờ để hai tượng lớn gần nhau là hai ông Nam Tào và Bắc Đẩu trông coi việc sinh, tử của con người.

Vách đá phía Tây, ở trên cao treo một quả chuông lớn nặng gần 3 tạ, đúc từ đời vua Lê Hiển Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740 - 1786). Phải chăng, hang ngoài thờ Phật, có treo chuông và là một “ngôi chùa” thiên tạo?

Xem xong hang ngoài, du khách đi vào hang trong, gọi là hang Tối, ngay cửa hang, sau bệ đá thờ là một Long Đình làm toàn bằng đá. Bốn cột đá tròn ở bốn góc cao 2,2 mét đều chạm khắc nổi rồng mây quấn quanh cột. Nhìn những con rồng mềm mại nổi rõ, nhả bóng như mài ôm vào thân cột, trông đẹp tuyệt vời, du khách sẽ có cảm giác như chưa từng được nhìn thấy ở đâu. Mái

Long Đình vòng cung úp xuống cũng làm bằng đá, hai xà bên bằng đá chạm khắc thành hai con rồng. Đặc biệt là hai bên Long Đình ở dưới dựng hai con rồng đá bán thân, chạm khắc thông phong, thân cá chuối, mắt lồi, chân năm móng, theo kiểu rồng nhà Lí, trông rất đẹp. Phía sau Long Đình còn đặt bức ván đá chạm nổi hai con rồng châu mặt nguyệt.

Điều độc đáo ở động Thiên Tôn là tất cả các đồ thờ đều làm bằng đá và những con rồng được chạm khắc chủ yếu theo kiểu rồng thời Lí uyển chuyển, mềm mại, dáng thanh tú, tao nhã. Đường nét chạm khắc trên đá rất tinh vi, tinh tế nhưng sống động lạ thường. Đó là những khối đá có hồn, thể hiện tài năng, sáng tạo, trí thông minh và đôi bàn tay vàng của các nghệ nhân thời xưa. Họ đã thổi hồn vào đá, hồn của đá cũng bay bổng như hồn người, cất lên tiếng nói riêng của đá. Đá là những hiện vật vững bền luôn luôn thách thức với thời gian và thời tiết mới tồn tại, trường sinh, bất tử ở trong các hang động được. Đây cũng là một nét văn hóa độc đáo ở vùng đất Cố đô Hoa Lư lịch sử.

Trong tòa Long Đình đá, chỉ đặt một tượng thần Thiên Tôn bằng đồng dáng đậm đà, cao 1,7 mét, nặng khoảng 350 kg, đứng trên lưng con rùa. Ở cổ con rùa có một con rắn trắng (bạch xà) đang ngóc đầu nhìn lên. Tượng được trang trí bằng nhiều màu sắc rực rỡ: mặt trắng, môi son, mày xanh, mắt sáng, mình mặc áo bào

đồ, đầu đội mũ kiêu đạo sĩ, chân đi hài trắng đạp quy, xà (rùa, rắn) trông rất uy nghiêm.

Hai tay thần để trước ngực, nắm chắc đốc kiếm thần, chống mũi kiếm xuống lưng con rùa.

Nếu như hang ngoài là “ngôi chùa lớn” thờ Phật, thì hang trong là Hậu Cung - “chuôi vồ” chỉ để một tòa Long Đình đá thờ tượng thần Thiên Tôn. Vì thế động được gọi là động Thiên Tôn, núi Dúng Đương được gọi là núi Thiên Tôn, chùa ở đây cũng được gọi là chùa Thiên Tôn. Người ta đã lấy tên thần để gọi động, chùa, núi vùng này. Cũng bởi lẽ đó cái tên “Dúng Đương Sơn” ít người biết đến.

Thiên Tôn là tên gọi những vị thần tối cao ở trên Thiên đình.

Theo quan niệm của người xưa, trên trời có nhiều Thiên Tôn. Ngôi cao nhất là Tam Thanh Nguyên Thủy Thiên Tôn. Sau đó là Diệu Lạc Thiên Tôn, Đấng Ma Thiên Tôn.

Truyền thuyết kể rằng, khi xưa Huyền Thiên Thượng Đế Đấng Ma Thiên Tôn do có lòng tham, muốn chiếm đoạt cây đào tiên có bảy màu sắc, chiếu sáng khắp vũ trụ, nên bị Ngọc Hoàng đày xuống trần gian tu luyện. Thần đã đầu thai nhiều kiếp để tu luyện, nhưng vẫn không đắc đạo. Sau đó thần đầu thai làm Hoàng tử ở Tịnh Lạc Quốc. Khi lớn lên, Hoàng tử quyết định bỏ lầu vàng điện ngọc và triều đình đi vào Vũ Đương Sơn (Dúng Đương Sơn) ở Trung Quốc để tu luyện. Lần này,

thần đắc đạo. Ngọc Hoàng bèn sai Diệu Lạc Thiên Tôn và hai thiên thần nữa xuống núi Dúng Đương đưa Hoàng tử về trời. Hai thiên thần phai mô bụng Hoàng tử lấy hết ruột, tim phổi ra rồi vút vào khe đá, để trong bụng Hoàng tử không còn nhớ bản ở trần gian nữa. Hoàng tử về Trời được Ngọc Hoàng trao cho ấn ngọc, **kiếm thần**, phong làm Ngọc Hư Sư Tướng, **Huyền Thiên Thượng Đế**, Kim Khuyết hóa thân **Đăng Ma Thiên Tôn**. Sau đó Ngọc Hoàng sai **Đăng Ma Thiên Tôn** xuống trần gian trừ diệt yêu ma.

Lại nói, sau khi Hoàng tử đắc đạo về trời, thì tim phổi vút vào khe đá lại hóa thành quy tinh (rùa), ruột biến thành xà tinh (rắn). Rùa và rắn chuyên đi gây hại ở vùng núi Vũ Đương (Trung Quốc). Đây là hai con vật độc hại do chính **Đăng Ma Thiên Tôn** gây ra. Vì vậy việc trước tiên của thần là phải dùng **kiếm thần** thu phục quy tinh và xà tinh theo mình. Rắn và rùa biết được tội lỗi nên đã hàng phục thần. Thần phong rắn làm Hỏa thần, phong rùa làm Thủy thần. Từ đó Hỏa thần và Thủy thần luôn ở bên cạnh **Đăng Ma Thiên Tôn** để trừ diệt yêu ma.

Thần còn được gọi là thần Chân Vũ, thần Trấn Vũ, Ông Bắc, thường quen gọi là Thiên Tôn hay Trấn Vũ Thiên Tôn (Huyền Thiên Thượng Đế).

Thần Thiên Tôn là thiện thần, biểu tượng cho sức mạnh vô biên trừ diệt yêu ma cứu giúp dân chúng. Sách “Chân Vũ quán lục” có ghi về thần như sau: “**Trời đất**

hỗn độn, truyền pháp giáo chủ, tu chân ngộ đạo giác ngộ quần mê, phổ huệ chúng sinh, tiêu trừ tai nạn, có 82 phép biến hóa, tổ sư tam giáo, đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn”.(1)

Sự tích huyền thoại thần Thiên Tôn ở Trung Quốc đã sang Việt Nam. Thần cũng trở thành vị thần của người Việt Nam. Cho nên nhân dân vùng này đã thờ thần đứng trong tòa Long Đình ở động núi Dũng Đường.

Thần không chỉ được thờ ở đây, mà còn được thờ ở nhiều nơi khác trong cả nước ta như:

— Chấn Vũ Quán ở phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội.

— Huyền Thiên Cổ Quán ở phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

— Huyền Thiên Đại Quán ở xã Xuân Lôi, huyện Đông Anh, Hà Nội.

— Đền Trấn Vũ ở xã Yên Cư, huyện Gia Lộc.

— Đền Ông Bắc ở thị xã Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ở những nơi này, tượng thần được tạc ở tư thế ngồi, tay chống lên kiếm, mũi kiếm đặt trên lưng rùa, rắn quấn lên thân kiếm. Đây là tư thế đọc thần chú sau khi thần đã diệt trừ xong toàn bộ yêu ma ở trần gian. (2)

Ngày 3 tháng 3 (âm lịch) là ngày sinh của thần.

(1) (2) Theo tư liệu của Hoàng Giáp ở Viện nghiên cứu Hán Nôm trong bài “Động Thiên Tôn” - Tạp chí “Văn hóa Thể thao Ninh Bình” - Số I - Năm 1993.

Ngày 9 tháng 9 là ngày hóa của thần.

Ngày 25 tháng chạp là ngày thần xuống trần gian xem xét công, tội của con người để ban phúc hay trị tội (1). Những ngày đó là những ngày nhân dân tổ chức tế lễ lớn ở trong động.

Tương truyền, động Thiên Tôn thờ thần Thiên Tôn từ thời Thục An Dương Vương (257 trước công nguyên). Thời xưa, tượng thần làm bằng gỗ, sau tạc bằng đá. Đến năm Quý Dậu (1875), đời vua Tự Đức (1848 - 1883) thời Nguyễn mới đúc tượng đồng. Tấm bia đá ở ngoài cửa động đã khắc bài kí của Hoàng giáp Phạm Văn Nghị (1805 - 1881) nói về điều đó.

“Nước Nam ta thờ thần (Thiên Tôn Trấn Vũ) từ thời An Dương Vương. Thần trừ diệt yêu ma, được xếp vào bậc nhất danh thần. Tại động núi Vũ Dương Sơn (Dũng Dương Sơn) xã Đa Giá Hạ, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn Đa Giá, xã Ninh Mỹ, huyện Hoa Lư), trước đây có tượng Đế quân bằng gỗ tay chống lên kiếm, chân đạp lên rùa và rắn. Phía Đông có ngôi đền thờ rất linh ứng.

Mùa xuân năm Quý Dậu (1875) xã này đúc tượng đồng, mọi việc tốt đẹp. Mùa đông họ nhờ tôi làm bài kí.

(1) Theo tư liệu của Hoàng Giáp ở Viện nghiên cứu Hán Nôm trong bài “Động Thiên Tôn” - Tạp chí “Văn hóa Thể thao Ninh Bình” - Số I - Năm 1993.

Tôi khảo cứu sự tích làm bài văn khắc vào đá đề truyền lại lâu đời".

Xem xong tòa Long Đình và tượng thần Thiên Tôn ở ngay cửa hang, du khách hãy thấp nền đi vào hang trong, nhìn lên thấy trần hang cao vời vợi, vòng cung, không bằng phẳng. Diện tích nền hang hơi tròn, nên du khách có cảm giác đang được đứng trong một quả chuông đá khổng lồ úp xuống. Ánh sáng trong hang huyền ảo, chứa đầy điều bí ẩn. Bề ngang của hang 11 mét, bề dọc dài hơn, khoảng 15 mét.

Từ Long Đình đá, du khách đi khoảng hơn 10 mét, thấy một cái giếng tròn, phía Bắc là vách đá; phía Nam xây bao lan, ở giữa có bậc xuống làm bằng gạch dài 3 mét, gọi là "Giếng Ròng", sâu thăm thẳm, quanh năm có nước. Nước giếng lại trong vắt, ăn thông ra đến sông Gián. Người xưa đã lấy một quả bồng to có cắm thêm con dao bầu nhỏ vào để đánh dấu, rồi thả xuống giếng này, mấy ngày sau thấy quả bồng đó trôi ở ngã ba sông Gián. Do vậy dân gian còn lưu truyền:

"Trong động có tượng Đế quân,

Có cái giếng nước nhiều phần hiểm sâu.

Đồn rằng bồng cắm dao bầu,

Trôi ra sông Gián phải đâu chuyện đùa".

Hang trong có Giếng Ròng, nước còn được chảy ngầm dưới lòng đất dài hàng mấy cây số đổ ra sông Gián. Hang ngoài lại có khoảng lộ thiên dài, nhìn thấy trời cao. Đó

chính là điều tuyệt diệu của tạo hóa đã tạo ra âm dương đối đãi, có sáng, có tối, có cao, có sâu. Đền thiêng, chùa tốt bao giờ cũng hài hòa như thế.

Trần, thành động, đặc biệt là vách động bên trên Giếng Ròng, có nhiều nhũ đá đẹp với các hình dáng như: Tam đa, Tam bảo, ổ rồng, rồng bay trong mây, nàng tiên, công chúa, con sư tử, con hồ châu về tượng Thần, con ba ba, cùng đàn cá đang rù nhau xuống Giếng Ròng... Thiên nhiên đã miệt mài bao đời để làm nên những tuyệt tác như vậy. Đường nét chạm khắc của tạo hóa thật tài hoa, sắc sảo, vừa phóng khoáng, vừa tỉa tót đến từng chi tiết, khiến con người không thể nào làm được. Đó là những “vách găm”, những mảng điêu khắc nghệ thuật của thời gian trên đá.

Vào mùa mưa, nước từ các nhũ đá đều đặn nhỏ rơi tí tách nghe như tiếng đàn thánh thót, tạo nên bản nhạc kì thú ở trong động.

Tương truyền, ở trong động Tối này từ thời xa xưa người Tàu đến đây chôn cất nhiều vàng bạc, sau đó đã lấy đi. Các nhà phong thủy thì cho rằng, nơi đây có huyệt “đế vương”, do bên tả Dũng Đương Sơn có long thủy dẫn mạch, bên hữu có Tượng Sơn (núi Voi) dẫn mạch. Vì thế nhân dân địa phương còn lưu truyền một truyền thuyết về Cao Biên.

Thời Đường (Trung Quốc), có một viên quan, đồng thời là một pháp sư sang cai trị nước ta tên là Cao Biên, thường cưỡi điều giấy bay đi xem xét những nơi có huyệt

“đế vương”, liền dùng cách yếm triệt phá long mạch. Cao Biên qua Dúng Đương Sơn thấy giống như Vũ Đương Sơn ở Trung Quốc, tin là có huyết “đế vương” tại nơi này. Muốn yếm triệt, Cao Biên cho dựng tượng Trấn Vũ Thiên Tôn thờ ngay trong động.

Truyền thuyết đó chỉ khẳng định nơi đây là “đất lành”, đất tốt, chứ chưa chứng minh thần Thiên Tôn được thờ ở trong động có từ thời An Dương Vương như trên đã nêu.

Xem xong động trong, du khách ra động ngoài, quay về hướng Đông, thấy có 10 bậc đá, bước lên cao khoảng gần 3 mét, là lối đến chùa Thiên Tôn.

Chùa quay hướng Tây, dựng bằng những cột đá và gỗ lim nằm bên sườn núi Dúng Đương, có độ cao so với mặt ruộng khoảng 20 mét. Sườn núi chỗ này bằng phẳng, rộng rãi nên mới xây được chùa. Trong chùa đặt nhiều tượng Phật sơn son thiếp vàng lộng lẫy như các ngôi chùa khác ở làng quê.

Du khách thắp hương, khấn lễ, đắm mình trong cõi Phật xong, ra sân chùa nhìn về phía Tây, thấy trên dải đá chắn vách đá hang ngoài (hàm dưới cửa miệng rồng) có để một bệ đá thờ, lui về phía Tây còn xây một tháp cao ba tầng. Cây cối mọc trên dải đá này rất nhiều, có những cây cao to đã sống hàng ngàn năm trên đá, rễ cây tua tua quán quýt, ôm ấp lấy đá như những “sợi râu” của rồng. Sức sống của cây vô cùng mạnh mẽ, thủy chung với đá là vậy! Tất cả như bao phủ một màu xanh của

rừng cây tươi tốt, làm cho hang ngoài lúc nào cũng mát mẻ, thoáng đãng, không khí trong lành, mang phong cảnh tĩnh lặng của một vùng quê.

Bước sang sân phía Nam của ngôi chùa, du khách nhìn xa sẽ thấy con đường Tiến Yết là đường đi vào kinh đô Hoa Lư xưa - đường Trường Yên, từ đây vào đến Cố đô Hoa Lư còn khoảng 5 km nữa. Gần phía Nam đường Tiến Yết còn có núi Nương Sơn. Phía Bắc núi Dứng Đương là núi Voi. Ba ngọn núi: Dứng Đương, Nương Sơn và Tượng Sơn hợp lại như một công thành đá vừa hùng vĩ, vừa tuyệt mỹ bảo vệ kinh thành Hoa Lư.

Không những thế, động Thiên Tôn còn gắn liền với tên tuổi Đinh Bộ Lĩnh từ thuở chưa lên ngôi Hoàng đế.

Khi mới đứng đầu một sứ quân, trước lúc đem quân đi dẹp loạn 12 sứ quân, Đinh Bộ Lĩnh nghe đồn động Thiên Tôn thờ thần Trấn Vũ Thiên Tôn rất thiêng, đã sửa lễ vật vào cầu đảo trong động để mong được thần giúp đỡ. Ông hứa trước thần, nếu dẹp loạn xong, lên ngôi vua sẽ sửa lại đền thờ và tô tượng bằng gỗ. Tương truyền, lời cầu của Đinh Bộ Lĩnh rất linh ứng, thần Thiên Tôn đã giúp ông đánh tan được 11 sứ quân khác.

Sau khi lên ngôi Hoàng đế năm 968, Đinh Tiên Hoàng liền cho sửa đền, tô tượng, đổi tên đền là đền An Quốc (đất nước bình yên) và sắc phong cho thần là “An Quốc Tôn Thần” (Thần giữ gìn đất nước bình yên). Nhà vua còn cho xây cất khu nhà Tiên Tế và Kính Thiên Đài (nhà tế trời đất) ở khu vực phía Tây động Thiên Tôn, để

khách thập phương có chỗ nghỉ ngơi và tế lễ. Đây cũng dùng làm nơi tiếp đón các sứ thần nước ngoài (như nhà khách của Chính phủ) trước khi nhà vua cho vào bệ kiến. (Năm 1978 Ti Văn hóa - Thông tin Hà Nam Ninh khảo sát tại khu vực động Thiên Tôn đã đào được hai loại gạch: Một loại gạch trên mặt có dòng chữ "Đại Việt quốc quân thành viên" (loại gạch làm ở đời nhà Đinh) và một loại gạch ghi chữ "Giang Tây quân" (loại gạch do quân sĩ Giang Tây thời Đường đóng ở nước ta sản xuất ra)).

Điều đó khẳng định khu vực động Thiên Tôn là một tiền đồn quan trọng đầu tiên của Kinh đô Hoa Lư, đã nằm trong quần thể di tích Cố Đô Hoa Lư.

Đến thời Trần, vua Trần cũng đến động Thiên Tôn cầu tự và tu sửa đền. Bia khắc ở cửa động đã ghi lại sự việc đó.

Thời kỳ Cách mạng tháng Tám năm 1945, động Thiên Tôn đã là nhân chứng lịch sử chứng kiến một sự kiện quan trọng của Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Bình.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, hơn một vạn nhân dân ở các huyện Nho Quan, Gia Viễn và Gia Khánh (Hoa Lư) đã hội tụ ở trước cửa động mít tinh biểu dương khí thế của Cách mạng. Chưa bao giờ vách núi Dúng Đương vang vọng bởi những tiếng hô hùng tráng của nhân dân thể hiện quyết tâm đi cướp chính quyền như hôm ấy.

Sau cuộc mít tinh, đoàn người với cờ đỏ sao vàng, băng khẩu hiệu, cùng giáo, mác, gậy gộc đã sôi nổi tuần hành từ động Thiên Tôn kéo về đánh chiếm thị xã Ninh Bình trong ngày thu tháng Tám rực rỡ nắng vàng.

Phải chăng, động Thiên Tôn đã chứng minh cho một chân lí: Cái đẹp bao giờ cũng sống đôi với cái hào hùng của dân tộc.

Động Thiên Tôn có nhiều thơ đề vịnh, nhưng chủ yếu viết vào vách đá. Thời gian đã làm cho những nét chữ mờ đi, một số bài thơ rêu phong phủ kín không đọc được. Xin được chép ra đây một bài thơ của Tuần phủ Phan Đình Hòe.

*"Thần giới khai tiên tự Thục, Đinh,
Tối từ bi xứ thị anh linh.
Quang xung kiếm khí Tây hồ nguyệt,
Ảnh tán quần yêu Bắc trấn tinh.
Hiệp Phật nan đào sinh hóa kiếp,
Dan sơn trường hộ đế vương kinh.
Động toàn nguyệt tác cam lâm sái,
Dụng úy quần lê ngưỡng trạch tình."*

Dịch nôm:

**"Nêu trước thần quyền tự Thục, Đinh,
Có từ bi mới thực anh linh.
Hò Tây trăng rọi gương lèo bóng,
Trần Bắc sao treo qui nép mình.**

Phép Phật khôn qua vòng họa kiếp.

Non Tiên giữ vững đất thần kinh.

Xin đem nước suối làm mưa móc,

Tưới khắp trần gian bao chúng sinh".

Như thế động Thiên Tôn thờ cả Tiên, cả Phật, vừa là đền vừa là chùa.

Du khách đến đây, tâm linh sẽ được hưởng thiện trong cõi Phật, cõi Tiên, cầu mong sao có nhiều phúc lành và chiêm ngưỡng những tác phẩm điêu khắc đá đẹp tuyệt vời của tạo hóa và con người, đồng thời còn xao xuyến, mơ màng khi nghe những câu chuyện xa xưa lí thú như huyền thoại. Đó là sự hòa nhập giữa con người và thiên nhiên.

Động Thiên Tôn chính là “động thiên phúc địa” - Một món quà quý giá của tạo hóa ban tặng cho con người - đã được Nhà nước công nhận là một di tích lịch sử và danh thắng nổi tiếng. Động đã được xếp hạng quốc gia.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. “Đại Việt sử lược” - NXB thành phố Hồ Chí Minh - 1993.
2. “Đại Việt sử kí toàn thư” - Tập 1 - NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội - 1972.
3. “Đại Nam nhất thống chí” - Tập 3 - NXB Khoa học Xã hội - Hà Nội - 1971.

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|--------------------------------|--------------|
| 1. Lời giới thiệu | 5 |
| 2. Cố Đô Hoa Lư | 7 |
| 3. Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng | 23 |
| 4. Đền thờ vua Lê Đại Hành | 45 |
| 5. Mã Yên Sơn | 59 |
| 6. Động Am Tiên | 67 |
| 7. Xuyên Thủy Động | 79 |
| 8. Chùa Nhất Trụ | 89 |
| 9. Đền thờ công chúa Phát Kim | 95 |
| 10. Động Hoa Sơn | 99 |
| 11. Động Thiên Tôn | 105 |



LÃ ĐĂNG BẬT

- Sinh năm : 1942
- Quê : Thôn Đa Giá, xã Ninh Mĩ, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- Cử nhân Văn học
- Nghề nghiệp : Dạy học

ĐÃ IN :

- **Danh Thắng Ninh Bình** - Tập I - Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình - 1993 (in chung) - Tái bản 1994.
- **Trương Hán Siêu - Nhà văn lớn thời Trần, Danh nhân Văn hóa dân tộc** - Hội Văn học Nghệ thuật Ninh Bình - 1994 (in chung).
- **Về với "Vịnh Hạ Long cạn"** - Sở Văn hóa Thông tin Ninh Bình - 1995 -Tái bản 1996.
- **Tam Cốc - Bích Động** - Công ti Du lịch Tam Cốc - Bích Động - 1996.
- **Thơ Văn xưa vịnh cảnh đẹp Ninh Bình** (Sưu tầm, Biên soạn) - Sở Du lịch Ninh Bình - 1996.
- **Thắng cảnh Vân Long** - Công ti khách sạn Du lịch Hoa Lư - 1997.
- **Cảnh đẹp Ninh Bình** - Nhà xuất bản Thế giới - Hà Nội - 1997.
- **Chùa Địch Lộng** - Sở Du lịch Ninh Bình - 1997
- **Danh nhân Văn học Ninh Bình** - Tập I - Công ti sách và thiết bị trường học Ninh Bình - 1998 (in chung).
- **Núi Dục Thúy** - Nha xuất bản Thế giới - Hà Nội - 1998
- **Cố Đô Hoa Lư** - Nha xuất bản Thanh niên - Hà Nội - 1998